

Số/No: 88 – 2026/CV/FPTS-FAD

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026
Hanoi, March 25, 2026

CÔNG TY CỔ
PHẦN CHỨNG
KHOÁN FPT

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN FPT
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Tây Hồ,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102324187
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-03-25 18:39:53
Foxit Reader Version: 10.0.1

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK
DISCLOSURE OF INFORMATION
ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL
AND STOCK EXCHANGE'S PORTALS**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission of Vietnam;*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange;*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *HoChiMinh Stock Exchange.*

- Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
Name of organization *FPT Securities Joint Stock Company*

- Mã chứng khoán/ *Stock code* : FTS

- Địa chỉ trụ sở chính : Số 52 đường Lạc Long Quân, P. Tây Hồ, Tp. Hà Nội
Address *No. 52 Lac Long Quan, Tay Ho Ward, Hanoi City*

- Điện thoại/ *Telephone* : 1900 6446

- Fax : (0243)773 9058

- Người thực hiện công bố thông tin/ : Trịnh Thanh Hằng
Submitted by

- Chức vụ : Chánh Văn phòng, Người ủy quyền CBTT
Position *Chief of Office, Person authorized to disclose information*



Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố/ *Content of disclosure:*

Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
Annual Report 2025 of FPT Securities Joint Stock Company.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/3/2026 tại đường dẫn: <https://www.fpts.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

This information was published on FPT's website on March 25, 2026, as in the link: <https://www.fpts.com.vn/investor-relations/information-disclosure/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- Báo cáo thường niên năm 2025.
Annual Report 2025.

Đại diện tổ chức/ Organization representative
Người ủy quyền Công bố thông tin
Person authorized to disclose information



Trịnh Thanh Hằng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025**



“KIÊN ĐỊNH GIÁ TRỊ - LINH HOẠT HÀNH ĐỘNG”

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

FPTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
TTCK	Thị trường chứng khoán
UBCK	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
CĐ	Cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
MSGD	Mã số giao dịch
VĐL	Vốn điều lệ
TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TM & SX	Thương mại và sản xuất
VCSH	Vốn chủ sở hữu
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
FVTPL	Fair Value Through Profit or Loss (Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ)
ROA	Return on Assets (Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản)
ROE	Return on Equity (Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu)
CPI	Consumer Price Index (Chỉ số giá tiêu dùng)
TP	Thành phố

Thông điệp của Tổng Giám đốc

“KIÊN ĐỊNH GIÁ TRỊ – LINH HOẠT HÀNH ĐỘNG”

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT,

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh thị trường tài chính – chứng khoán Việt Nam ghi nhận nhiều chuyển động quan trọng, đặc biệt là việc hệ thống KRX chính thức được triển khai và những bước tiến rõ nét trong lộ trình nâng hạng thị trường. Hạ tầng giao dịch được cải thiện, tính minh bạch từng bước nâng cao, dòng vốn trung – dài hạn có thêm cơ sở để kỳ vọng.

Tuy nhiên, song hành với cơ hội là áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt. Biên lợi nhuận thu hẹp, cuộc đua thị phần diễn ra quyết liệt, các chính sách phí và đòn bẩy tài chính được sử dụng mạnh mẽ hơn trên thị trường. Trong bối cảnh đó, FPTS lựa chọn một cách tiếp cận nhất quán: kiên định với những giá trị cốt lõi đã xác lập, đồng thời linh hoạt trong hành động để thích ứng với thị trường.

Trong năm 2025, FPTS tiếp tục duy trì kỷ luật vận hành, kiểm soát chặt chẽ rủi ro, không chạy theo tăng trưởng ngắn hạn bằng mọi giá. Đồng thời, Công ty chủ động điều chỉnh mô hình hoạt động, chính sách sản phẩm và cách tiếp cận khách hàng phù hợp với diễn biến thị trường.

Kết quả, tổng doanh thu hoạt động và doanh thu hoạt động tài chính (đã thực hiện) đạt **1.321,68 tỷ đồng**, hoàn thành **132% kế hoạch**; lợi nhuận trước thuế đã thực hiện đạt **617,30 tỷ đồng**, tương đương **123% kế hoạch đề ra**. So với năm 2024, doanh thu đã thực hiện tăng khoảng **31%** và lợi nhuận trước thuế đã thực hiện tăng hơn **20%**.

Những con số này không chỉ phản ánh sự cải thiện về quy mô, mà quan trọng hơn là hiệu quả hoạt động được nâng lên trên nền tảng quản trị rủi ro chặt chẽ và kỷ luật tài chính được duy trì nhất quán. Trong một môi trường nhiều biến động, việc giữ vững nguyên tắc và bảo vệ an toàn cho khách hàng chính là điều kiện tiên quyết để tăng trưởng bền vững.

Bước sang năm 2026, Ban Tổng Giám đốc xác định tiếp tục triển khai chiến lược theo tinh thần “Kiên định giá trị – Linh hoạt hành động” với ba định hướng trọng tâm:

Thứ nhất, củng cố vững chắc hệ thống quản trị rủi ro và kỷ luật vận hành.

FPTS duy trì cách tiếp cận thận trọng trong quản lý vốn, không mở rộng hoạt động vượt quá khả năng kiểm soát, đảm bảo an toàn hệ thống trong mọi điều kiện thị trường.

Thứ hai, linh hoạt điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ và mô hình vận hành theo diễn biến thực tế.

Công ty tiếp tục đầu tư cho công nghệ, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và nâng cao hiệu quả hoạt động nội bộ, nhưng luôn đặt yếu tố kiểm soát rủi ro và tính bền vững lên hàng đầu.

Thứ ba, phát triển đội ngũ trên nền tảng đạo đức nghề nghiệp và năng lực thực thi.

FPTS kiên trì xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, đề cao trách nhiệm, hạn chế xung đột lợi ích và hướng tới mục tiêu bảo vệ giá trị tài sản của khách hàng trong dài hạn. Trên cơ sở đánh giá thận trọng bối cảnh thị trường, FPTS đặt kế hoạch kinh doanh năm 2026 với tổng doanh thu hoạt động và doanh thu hoạt động tài chính dự kiến **1.200 tỷ đồng**, lợi nhuận trước thuế **550 tỷ đồng**. Mức kế hoạch này phản ánh quan điểm điều hành nhất quán: ưu tiên an toàn hệ thống, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả sử dụng vốn, thay vì theo đuổi mở rộng quy mô bằng mọi giá.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng FPTS, cảm ơn Quý khách hàng và đối tác vì sự hợp tác bền chặt và đặc biệt cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên đã giữ vững tinh thần kỷ luật, trách nhiệm và sự tận tâm trong suốt năm 2025.

Chúng tôi tin rằng, chỉ khi kiên định với giá trị cốt lõi và hành động linh hoạt trước biến động thị trường, FPTS mới có thể phát triển bền vững và tạo dựng niềm tin dài hạn với khách hàng và cổ đông.

Trân trọng,

NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT



MỤC LỤC



01 TỔNG QUAN

• Thông tin chung	10
• Thông tin về cổ phần, cơ cấu cổ đông	12
• Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	14
• Quá trình hình thành và phát triển	16
• Quá trình tăng vốn	17
• Định hướng phát triển	18

02 SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN TRỊ

• Sơ đồ bộ máy tổ chức	22
• Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	24
• Giới thiệu Ban Điều hành	27
• Thông tin về Công ty con, liên kết	29

05 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

• Tác động lên môi trường	72
• Trách nhiệm đối với môi trường	73
• Tuân thủ luật bảo vệ môi trường	74
• Môi trường làm việc	74
• Cam kết về tính bền vững trong sản phẩm	75
• Giá trị cho cộng đồng	76
• Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư - cổ đông	77

03 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

• Tổng quan ngành Chứng khoán Việt Nam năm 2025	32
• Báo cáo hoạt động Ban Tổng Giám đốc	36
• Tổ chức và nhân sự	44
• Tình hình đầu tư và thực hiện dự án	46
• Triển vọng kinh doanh năm 2026	46
• Kế hoạch phát triển trong tương lai	47
• Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	47
• Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	48

04 QUẢN TRỊ CÔNG TY

• Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty	52
• Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	58
• Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2026	58
• Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2025	59
• Kiến nghị và phương hướng hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2026	60
• Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích	62
• Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	64
• Quản trị rủi ro	65

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

2025



01

Phần

TỔNG QUAN

- 01. Thông tin chung
- 02. Thông tin về cổ phần, cơ cấu cổ đông
- 03. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 04. Quá trình hình thành và phát triển
- 05. Quá trình tăng vốn
- 06. Định hướng phát triển



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung về doanh nghiệp



Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - được cấp phép thành lập và hoạt động theo Giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/7/2007. Trải qua hơn 18 năm hình thành và phát triển, FPTSec đã liên tục gặt hái được nhiều thành công, đạt được sự tin tưởng của khách hàng, khẳng định là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.



Tên doanh nghiệp	Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT
Tên tiếng Anh	FPT Securities Joint Stock Company
Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT
Tên viết tắt	FPTS
Trụ sở chính	Số 52 đường Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội
Mã số ĐKKD	0102324187
Website	www.fpts.com.vn
Số điện thoại	19006446
Số fax	(024) 3773 9058
Vốn điều lệ	3.464.980.090.000 đồng
Mã cổ phiếu	FTS
Sàn giao dịch	HOSE
Email	fptsecurities@fpts.com.vn

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin về cổ phần, cơ cấu cổ đông



Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2025: Trong năm Công ty không phát sinh nghiệp vụ giao dịch cổ phiếu quỹ.

Chứng khoán khác: Trong năm Công ty không có các đợt phát hành chứng khoán khác và không có các cam kết chưa thực hiện của Công ty với cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cơ cấu cổ đông		Ghi chú
				Số lượng cổ đông	Tổ chức	
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập	68.043.863	19,64	3	1	2
	- Trong nước	68.043.863	19,64	3	1	2
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	139.902.050	40,38	2	2	-
	- Trong nước	59.156.178	17,07	1	1	-
	- Nước ngoài	80.745.872	23,30	1	1	-
4	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
5	Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi	-	-	-	-	-
6	Cổ đông khác	197.708.274	57,06	19.045	59	18.986
	- Trong nước	184.739.490	53,32	18.637	29	18.608
	- Nước ngoài	12.968.784	3,74	408	30	378
TỔNG CỘNG		346.498.009	100	19.049	61	18.988
	- Trong nước	252.783.353	72,95	18.640	30	18.610
	- Nước ngoài	93.714.656	27,05	409	31	378

* Công ty Cổ phần FPT là cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông lớn.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Ngày 17/02/2017, FPTS có nhận được công văn số 852/UBCK-QLKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với mã chứng khoán FTS là 100%.

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	GCNĐKKD/ MSGD của nhà đầu tư	Địa chỉ/ Trụ sở chính	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/ VDL (%)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN FPT	0101248141	Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	59.156.178	17,07
2	SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	010401100313	Izumi Garden Tower 20F, 1-6-1 Roppongi, Minato Ward, Tokyo, Japan	80.745.872	23,30

THÔNG TIN CHUNG

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi



TẦM NHÌN

FPTS mong muốn trở thành một định chế tài chính hùng mạnh, sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước, đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.



SỨ MỆNH

Chú trọng đầu tư nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ nhân viên, để cao đạo đức nghề nghiệp, nhằm đạt được tối đa sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

Không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

Trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



CON NGƯỜI

Xác định con người là sức mạnh cốt lõi, FPTS luôn chú trọng xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động. Nhờ trọng dụng nhân tài, nỗ lực xây dựng đội ngũ nhân sự, đặc biệt quan tâm đào tạo cán bộ, để cao đạo đức nghề nghiệp, hiện FPTS đã có đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm.



CÔNG NGHỆ

FPTS đã đầu tư nhiều nguồn lực nhằm khai thác tối đa các thế mạnh về công nghệ, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của khách hàng cũng như quy mô phát triển ngày càng cao của thị trường cả hiện tại và trong tương lai.

- Giải pháp công nghệ tiên tiến với các tính năng tối ưu luôn được cập nhật, nâng cấp, có khả năng mở rộng, gia tăng nhanh chóng;
- Các sản phẩm phần mềm giao dịch có thể phục vụ số lượng giao dịch rất lớn vừa an toàn, bảo mật lại đạt tốc độ cao, mọi lúc, mọi nơi qua các kênh dịch vụ trực tuyến hay giao dịch truyền thống: điện thoại, quầy giao dịch;
- Giao dịch trực tuyến được bảo mật bằng nhiều phương thức, thiết bị xác thực người dùng có độ uy tín cao, đảm bảo an toàn về dữ liệu truy cập và dữ liệu truyền tải trên đường truyền;
- Hệ thống điều hành, quản lý và quản trị công ty được nâng cấp tối đa, áp dụng các công nghệ tiên tiến, giảm thiểu quy trình xử lý thủ công, rườm rà, đem lại hiệu quả tối đa trong quản lý, quản trị ở các cấp.

THÔNG TIN CHUNG

Quá trình hình thành và phát triển

2007

- FPTS được cấp phép thành lập và hoạt động.
- FPTS lập chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, tại Tòa nhà Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

2008

- FPTS bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành.
- FPTS lập chi nhánh Đà Nẵng, tại số 09 Nguyễn Văn Linh, phường Nam Dương, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

2013

- FPTS hoàn thành mua trụ sở chi nhánh Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh.
- Ngày 30/12, chi nhánh Đà Nẵng chuyển trụ sở sang địa chỉ mới tại 100 Quang Trung, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

2014

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ra Quyết định số 258/QĐ-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa chỉ chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của FPTS.

2017

- FPTS chuyển về trụ sở chính số 52 Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.
- Ngày 13/01, chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán FTS.

2018-nay

FPTS liên tục tăng vốn điều lệ nhằm mở rộng quy mô (tăng hạn mức cho vay ký quỹ), tăng năng lực tài chính trong bối cảnh thị trường ngày càng phát triển. Hiện tại vốn điều lệ của FPTS là 3.464.980.090.000 đồng.

Quá trình tăng vốn

13/7/2007	200.000.000.000	Thành lập Công ty.
11/2007	440.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên với số lượng là 24.000.000 cổ phiếu.
4/2011	550.000.000.000	Tăng vốn từ việc phát hành 11.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho SBI Securities.
6/2012	733.323.900.000	Tăng vốn từ chia thưởng cổ phiếu theo tỷ lệ 3:1 cho cổ đông hiện hữu.
6/2015	806.648.700.000	Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 10:1 cho cổ đông hiện hữu.
6/2016	903.437.270.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 12%.
6/2017	993.769.520.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.
6/2018	1.093.136.880.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.
6/2019	1.202.440.510.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 10%.
7/2020	1.322.673.490.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.
6/2021	1.454.930.970.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.
7/2021	1.475.672.970.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2021.
9/2022	1.950.599.510.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2022. Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 20%. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/ cổ phần, tỷ lệ 10%.
6/2023	2.145.649.870.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.
6/2024	3.003.894.160.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 40%.
6/2024	3.059.193.660.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2024.
6/2025	3.365.096.090.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10%.
7/2025	3.464.980.090.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2025.

01 Tổng quan
02
03
04
05
06

THÔNG TIN CHUNG

Định hướng phát triển

“

FPTS kiên định với chiến lược quản trị rủi ro thận trọng thông qua việc tối ưu hóa danh mục đầu tư và cho vay margin. Bên cạnh việc thắt chặt các giải pháp bảo mật giao dịch và đảm bảo tính minh bạch trong công bố thông tin, Công ty tập trung nâng tầm chất lượng dịch vụ dựa trên hai trụ cột cốt lõi: Con người và Công nghệ.

”



CON NGƯỜI

FPTS kiên trì mục tiêu chuẩn hóa chất lượng đội ngũ. Chúng tôi không chỉ tập trung đào tạo chuyên môn sâu mà còn đặc biệt chú trọng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, coi đây là yếu tố tiên quyết để xây dựng niềm tin và sự hài lòng bền vững cho khách hàng.



CÔNG NGHỆ

FPTS kiên định với mục tiêu lấy công nghệ làm động lực tăng trưởng cốt lõi. Chúng tôi không ngừng đầu tư nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp tiên tiến nhằm xây dựng một hệ sinh thái giao dịch Tốc độ – Bảo mật – Minh bạch và đảm bảo tính chính xác, an toàn và công bằng. Bằng việc tối ưu hóa trải nghiệm người dùng dựa trên nền tảng kỹ thuật số, FPTS quyết tâm khẳng định vị thế là lựa chọn ưu tiên hàng đầu của các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong cũng như ngoài nước.

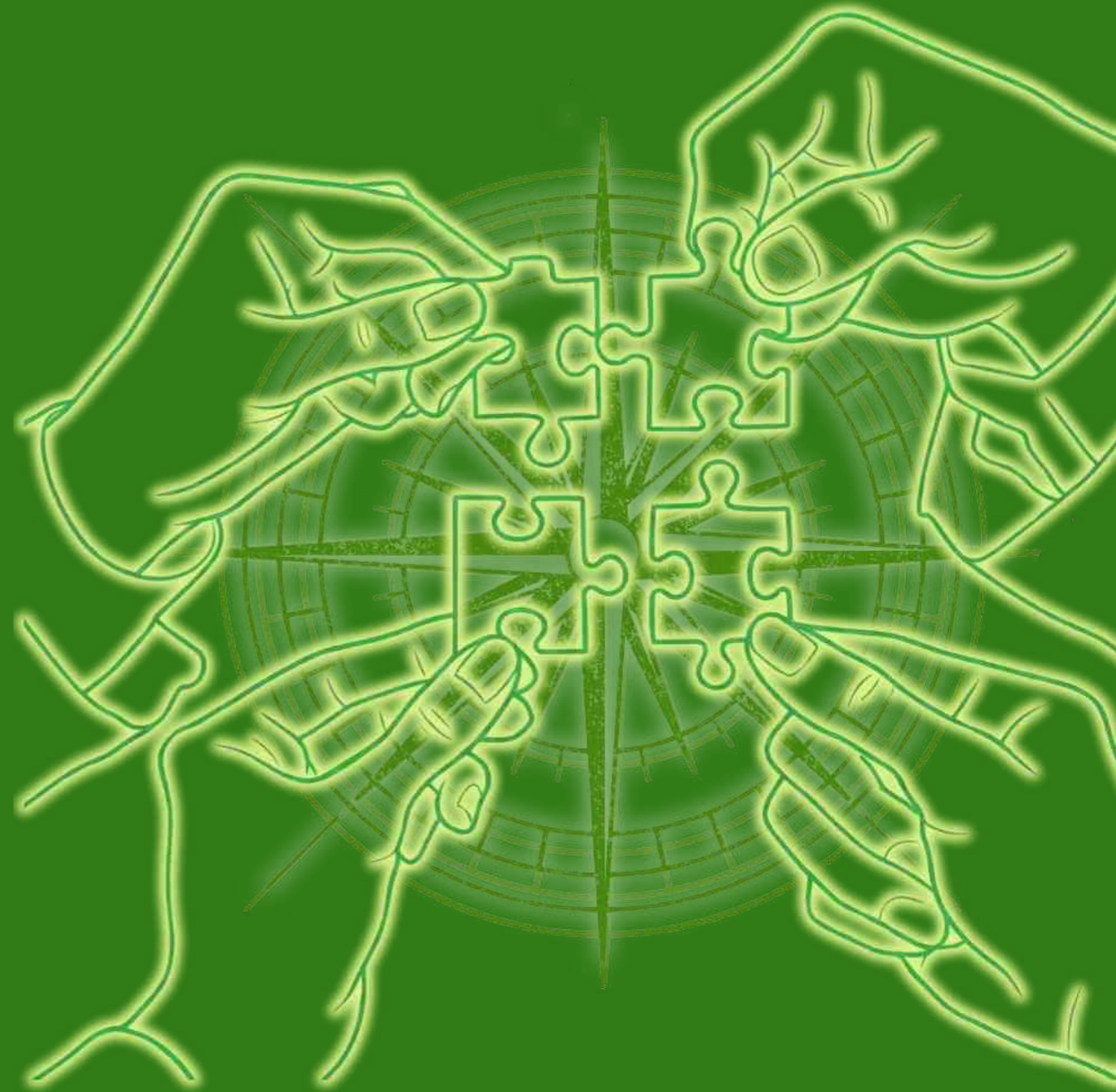


02

Phần

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN TRỊ

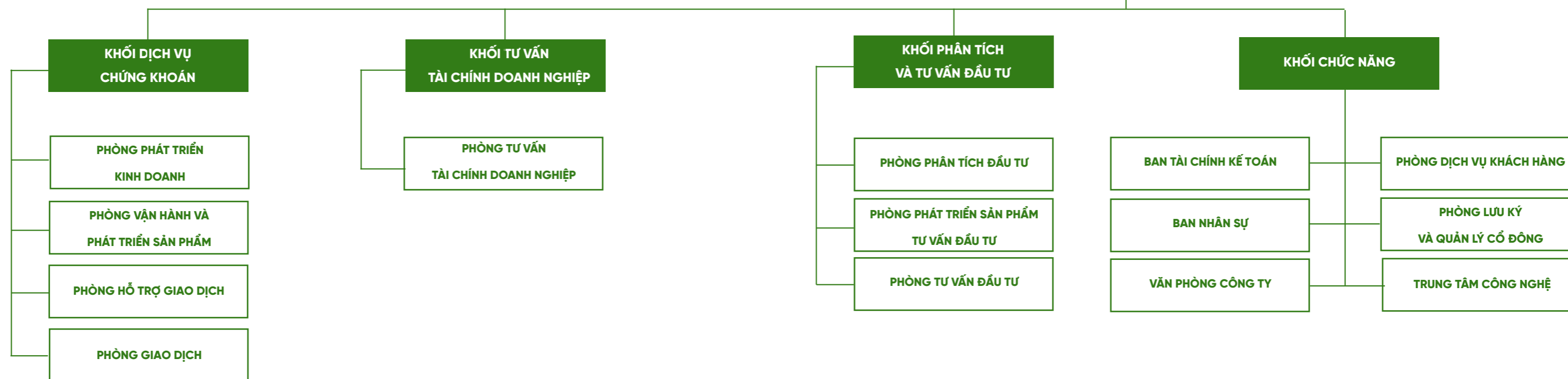
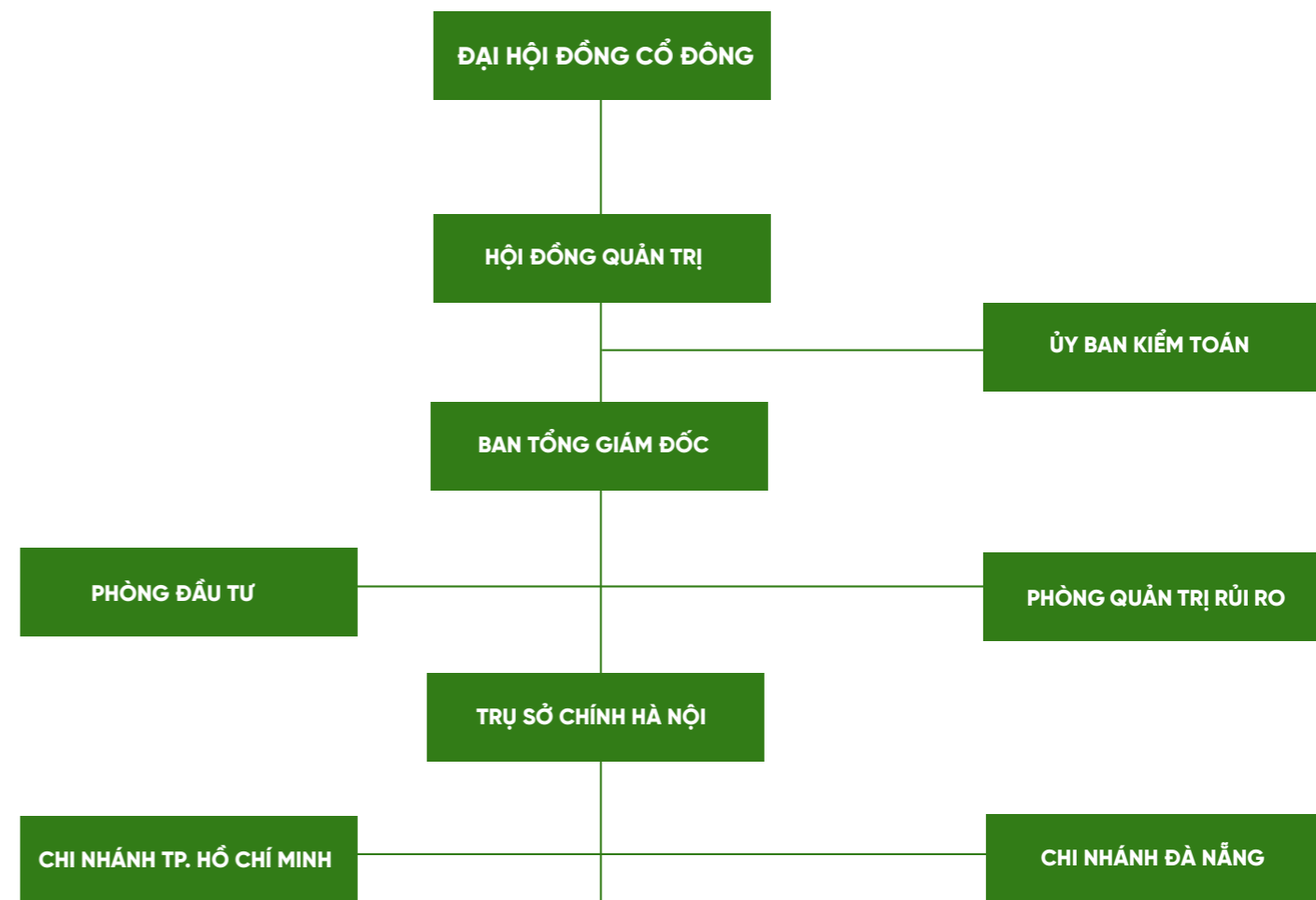
01. Sơ đồ bộ máy tổ chức
02. Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
03. Giới thiệu Ban Điều hành
04. Thông tin về Công ty con, liên kết



SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Năm 2025, FPTS hoạt động theo mô hình được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc.

Đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh, FPTS hiện có các khối nghiệp vụ (Khối Dịch vụ chứng khoán, Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Khối Phân tích và đầu tư, Khối Chức năng).



01
02 Sơ đồ bộ máy quản trị
03
04
05
06

GIỚI THIỆU HĐQT, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh : 1976

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán Ngân hàng, Cử nhân Ngoại ngữ (Chuyên ngành Tiếng Anh)

Quá trình công tác

- 1996 – 1998 : Cán bộ tín dụng, Cán bộ quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương.
- 1998 – 2006 : Cán bộ Tài trợ thương mại, Trợ lý Giám đốc - Ngân hàng Mizuho Corporate Bank, chi nhánh Hà Nội.
- 2006 – 2007 : Phụ trách nghiệp vụ, Tài trợ thương mại - Ngân hàng HSBC, chi nhánh Hà Nội.
- 2007 – 3/2021 : Giám đốc tư vấn đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- 4/2018 – 7/2020 : Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- 4/2019 – 7/2025 : Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- 8/2020 – nay : Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.



ÔNG NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1968

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác

- 1991 – 1993 : Cán bộ Phòng tài chính kế toán - Công ty Cổ phần FPT.
- 1993 – 2004 : Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần FPT.
- 2004 – 2007 : Thành viên HĐQT, Trưởng Ban kế hoạch tài chính, Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần FPT.
- 2007 – 2010 : Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần FPT, Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- 2010 – 7/2020 : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- 8/2020 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.



ÔNG ĐỖ SƠN GIANG

Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh : 1973

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

- 1997 – 2000 : Kế toán viên - Công ty Cổ phần FPT.
- 2001 – 2003 : Phó Ban kế hoạch tài chính - Công ty Cổ phần FPT.
- 2003 – 2010 : Kế toán trưởng, Trưởng Ban kế toán tài chính - Công ty hệ thống thông tin FPT (FIS).
- 2010 – 2017 : Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kế toán tài chính - Công ty hệ thống thông tin FPT (FIS); Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- 2017 – 5/2024 : Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT (FIS); Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- 5/2024 – nay : Phó Tổng Giám đốc - Công ty TNHH FPT IS; Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

GIỚI THIỆU HĐQT, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG TRẦN THANH TÙNG

Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh : 1978
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác

- 12/2001 – 11/2004 : Kiểm toán viên – Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán Sài Gòn.
- 11/2004 – 4/2007 : Kế toán trưởng – Công ty TNHH Trung tâm Văn hóa Thể thao Giải trí Hà Nội.
- 4/2007 – 4/2008 : Chuyên viên tư vấn tài chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- 4/2008 – 9/2017 : Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban kiểm soát và Giám đốc tài chính – Công ty Cổ phần Thế Giới số Trần Anh.
- 01/2018 – 8/2021 : Trưởng Phòng tài chính kiêm trưởng phòng Sales Operation – Công ty Cổ phần Tập đoàn Điện lạnh Điện máy Việt Úc.
- 01/2022 – nay : Kiểm toán viên – Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
- 3/2022 – nay : Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ – Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

ÔNG KENJI NAKANISHI

Thành viên HĐQT

Năm sinh : 1966
 Quốc tịch : Nhật Bản
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật

Quá trình công tác

- 4/1992 – 11/2021 : Giám đốc điều hành của – Công ty chứng khoán thuộc Tập đoàn chứng khoán Daiwa.
- 7/2022 – 4/2023 : Quản lý tại Phòng quản trị kinh doanh nước ngoài – Tập đoàn SBI Holdings Inc.
- 5/2023 – nay : Giám đốc điều hành – SBI Royal Securities Plc (Cambodia), SBI Holdings Inc.
- 3/2024 – nay : Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

ỦY BAN KIỂM TOÁN

ÔNG TRẦN THANH TÙNG

Chủ tịch Ủy ban kiểm toán kiêm
 Thành viên độc lập HĐQT

(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)

ÔNG ĐỖ SƠN GIANG

Thành viên Ủy ban kiểm toán kiêm
 Thành viên HĐQT

(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)



BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG NGUYỄN ĐIỆP TÙNG

Tổng Giám đốc

(Đã được giới thiệu tại mục Thành viên HĐQT)

ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG

Phó Tổng Giám đốc

(đã miễn nhiệm từ ngày 23/7/2025)

BÀ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

(Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng từ ngày 01/02/2026)

Năm sinh : 1974
 Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Kế toán

Quá trình công tác

- 1994 – 2003 : Kế toán – Công ty Phát triển đầu tư Công nghệ FPT.
- 2003 – 2004 : Kế toán tổng hợp – Công ty TNHH Phân phối FPT.
- 2004 – 2006 : Kế toán trưởng – Công ty TNHH Giải pháp phần mềm FPT.
- 01/2007 – 6/2007 : Kế toán – Công ty Phát triển đầu tư Công nghệ FPT.
- 7/2007 – 01/2026 : Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban kế toán tài chính – Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
- 4/2019 – nay : Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

01
02 Sơ đồ bộ máy quản trị
03
04
05
06

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

BAN ĐIỀU HÀNH



BÀ NGUYỄN THỊ HẠNH

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1976
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác

01/01/1998 - 30/6/2006 : Kế toán trưởng - Công ty TM & SX Ngọc Diệp.
01/7/2006 - 31/3/2007 : Phụ trách Kế toán - Công ty XNKTHĐT Thành phố HCM - CNHN.
01/4/2007 - 30/5/2008 : Chuyên viên Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
01/6/2008 - 30/4/2013 : Phó Giám đốc phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
01/5/2013 - 30/6/2021 : Giám đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
01/7/2021 - nay : Giám đốc Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
23/7/2025 - nay : Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.



BÀ NGUYỄN THỊ SƠN

Kế toán trưởng

(Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng từ ngày 01/02/2026)

Năm sinh : 1980
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác

3/2003 - 12/2006 : Kế toán viên - Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm FPT.
01/2007 - 6/2007 : Kế toán viên - Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT.
7/2007 - 10/2007 : Kế toán tổng hợp - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
11/2007 - 5/2009 : Phó Phòng kế toán tài chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
6/2009 - 01/2026 : Phó Ban kế toán tài chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.
02/2026 - nay : Kế toán trưởng, Trưởng Ban kế toán tài chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Thông tin về Công ty con, liên kết

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

03 Phần

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

01. Tổng quan ngành Chứng khoán Việt Nam năm 2025
02. Báo cáo hoạt động Ban Tổng Giám đốc
03. Tổ chức và nhân sự
04. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
05. Triển vọng kinh doanh năm 2026
06. Kế hoạch phát triển trong tương lai
07. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
08. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

TỔNG QUAN NGÀNH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2025



Năm 2025 đánh dấu một giai đoạn tăng trưởng mạnh của thị trường chứng khoán Việt Nam, với diễn biến tích cực cả về điểm số và thanh khoản. VN-Index khép lại năm tại mức 1.784,49 điểm, xác lập đỉnh lịch sử mới theo giá đóng cửa, tăng 517,71 điểm, tương đương 40,87% so với cuối năm 2024. Trong khi đó, HNX-Index khép lại năm tại mức 248,77 điểm, dù điều chỉnh nhẹ vào thời điểm cuối năm nhưng lũy kế cả năm vẫn tăng 21,34 điểm, tương ứng 9,38%.

Thanh khoản thị trường cải thiện rõ nét, với khối lượng giao dịch bình quân trên HOSE đạt hơn 1 tỷ cổ phiếu/ phiên, tăng 29% so với năm 2024; trên HNX đạt gần 93,40 triệu cổ phiếu/ phiên, tăng hơn 32%. Diễn biến này phản ánh sự quay trở lại mạnh mẽ của dòng tiền trong nước, đồng thời cho thấy kỳ vọng của nhà đầu tư đối với một chu kỳ tăng trưởng mới của thị trường.

Tuy nhiên, đà tăng của thị trường trong năm 2025 không diễn ra một chiều, mà chịu tác động đan xen từ các yếu tố bên ngoài, tiến trình hoàn thiện hạ tầng và khuôn khổ pháp lý, cũng như những thay đổi về cấu trúc và mức độ cạnh tranh của ngành. Trong bối cảnh đó, một số sự kiện nổi bật trong năm 2025 đã có ảnh hưởng đáng kể đến xu hướng vận động của thị trường chứng khoán Việt Nam.

1.784,49 Điểm ↑ **40,87%**
VN-INDEX so với cuối năm 2024



1.000 Triệu cổ phiếu / phiên
KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH BÌNH QUÂN TRÊN HOSE
↑ **29%**
so với năm 2024

93,40 Triệu cổ phiếu / phiên
KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH BÌNH QUÂN TRÊN HNX
↑ **32%**
so với năm 2024



GIA TĂNG RỦI RO THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

Ngày 02/4/2025, Hoa Kỳ công bố áp dụng các biện pháp thuế quan đối với một số quốc gia, trong đó có Việt Nam. Sự kiện này làm gia tăng lo ngại về triển vọng thương mại quốc tế, ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư trong ngắn hạn và tạo thêm áp lực lên các nhóm ngành liên quan đến xuất khẩu. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục thể hiện khả năng thích ứng tương đối tốt, góp phần duy trì nền tảng cho thị trường vốn. Mặc dù vậy, thị trường nhanh chóng hấp thụ thông tin và duy trì xu hướng tích cực trong các tháng tiếp theo, cho thấy vai trò dẫn dắt ngày càng rõ nét của dòng tiền trong nước.



HOÀN THIỆN HẠ TẦNG GIAO DỊCH HỆ THỐNG KRX CHÍNH THỨC VẬN HÀNH

Ngày 05/5/2025, Hệ thống công nghệ thông tin mới cho thị trường chứng khoán Việt Nam (Hệ thống KRX) được chính thức đưa vào vận hành. Việc đưa hệ thống KRX vào vận hành giúp nâng cao năng lực xử lý giao dịch, cải thiện tính minh bạch và an toàn hệ thống, đồng thời tạo nền tảng cho việc triển khai các sản phẩm và nghiệp vụ mới theo thông lệ quốc tế. Đây được xem là bước chuẩn bị quan trọng cho quá trình phát triển thị trường theo chiều sâu.

TỔNG QUAN NGÀNH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2025

3

HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ PHỤC VỤ MỤC TIÊU NÂNG HẠNG

Ngày 11/9/2025, Nghị định 245/2025/NĐ-CP chính thức được ban hành nhằm sửa đổi và cập nhật Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Đây là văn bản pháp lý quan trọng quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Ngoài nội dung hướng dẫn thi hành Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP còn được xây dựng để khắc phục một số bất cập phát sinh trong thực tiễn hoạt động của TTCK, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về chứng khoán và TTCK, bảo đảm TTCK hoạt động công khai, minh bạch, hiệu quả, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia thị trường.

2

CỘT MỐC QUAN TRỌNG TRONG LỘ TRÌNH NÂNG HẠNG THỊ TRƯỜNG

Ngày 08/10/2025, Việt Nam ghi nhận bước tiến quan trọng trong lộ trình được các tổ chức xếp hạng thị trường quốc tế đánh giá khả năng nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi thứ cấp. Sự kiện này phản ánh kết quả của các nỗ lực cải cách về hạ tầng, pháp lý và mức độ mở cửa thị trường, đồng thời củng cố kỳ vọng về khả năng thu hút dòng vốn trung - dài hạn trong giai đoạn tới. Trong bối cảnh VN-Index duy trì đà tăng mạnh và thanh khoản cải thiện rõ rệt trong nửa cuối năm, sự kiện này được xem là yếu tố củng cố thêm niềm tin thị trường và kỳ vọng trung - dài hạn của nhà đầu tư.

5

GIA TĂNG CẠNH TRANH NGÀNH VÀ TÁI CẤU TRÚC NGÀNH CHỨNG KHOÁN

Một số Công ty chứng khoán quy mô lớn công bố kế hoạch tái cấu trúc hoạt động và chuẩn bị các phương án huy động vốn trung - dài hạn, bao gồm việc xem xét chào bán cổ phần ra công chúng. Diễn biến này phản ánh kỳ vọng của thị trường đối với chu kỳ tăng trưởng mới, đồng thời cho thấy mức độ cạnh tranh trong ngành chứng khoán ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh thanh khoản thị trường cải thiện mạnh và VN-Index xác lập một bằng điểm số mới, các Công ty chứng khoán đứng trước yêu cầu cao hơn về năng lực tài chính, đầu tư công nghệ, chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản trị, qua đó thúc đẩy quá trình sàng lọc và tái cấu trúc theo hướng phát triển bền vững.

Trong bối cảnh thị trường bước vào giai đoạn tăng trưởng mới với nhiều cơ hội song hành cùng thách thức, FPT5 kiên định chiến lược phát triển thận trọng, tập trung vào các mảng kinh doanh cốt lõi, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và đầu tư có chọn lọc vào công nghệ và con người. Trên nền tảng đó, Công ty chủ động tối ưu hiệu quả hoạt động, củng cố chất lượng dịch vụ và duy trì kỷ luật tài chính, nhằm hướng tới tăng trưởng bền vững và tạo giá trị dài hạn cho cổ đông.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025 SO VỚI KẾ HOẠCH

Tổ chức, nhân sự

Ngày 02/4/2025, thành lập Khối Dịch vụ chứng khoán (FSS) để phù hợp với tình hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức.

Nhân sự đầu năm 458 người, cuối năm 415 người.

Công nghệ, sản phẩm dịch vụ

Ra mắt New Apps với nhiều cải tiến.

Thực hiện kết nối thành công với hệ thống KRX của các SGDCCK và VSDC.

Tiếp tục phát triển, nâng cấp hệ thống, hoàn thiện các tiện ích dành cho nhà đầu tư và cho khách hàng doanh nghiệp.

Thực hiện giảm phí giao dịch về Zero fee.

Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ, gia tăng năng lực hệ thống và đảm bảo hệ thống được vận hành an toàn, ổn định để phục vụ khách hàng.

Nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn đầu tư.

Quản lý rủi ro

Chủ động nhận dạng, đánh giá rủi ro để giảm thiểu rủi ro. Đảm bảo không phát sinh nợ xấu trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Khác

Hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ 5%. Hoàn thành phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 10% và phát hành cổ phiếu ESOP cho cán bộ quản lý theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2025 đã thông qua.

Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch.

Hoàn thiện hệ thống quy trình, vận hành theo quy trình và thực hiện đánh giá chất lượng.

Trong hoạt động của mình, Công ty luôn gắn liền mục tiêu lợi nhuận với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Công ty cũng đã phối hợp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức nhiều hội thảo để tăng sự hiểu biết của cộng đồng đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp nhằm hướng tới sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán nói chung. Đối với người lao động, Công ty luôn quan tâm chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động thông qua hoạt động khám bệnh định kỳ, chương trình bảo hiểm sức khỏe, phòng tập thể thao,...



Năm 2025 khép lại với những kết quả tích cực của FPTS giữa bối cảnh thị trường chứng khoán cạnh tranh ngày càng gay gắt. Công ty ghi nhận Doanh thu đã thực hiện đạt 1.321,68 tỷ đồng, tăng 31,37% so với năm 2024; lợi nhuận trước thuế đã thực hiện đạt 617,30 tỷ đồng, tăng 20,41% so với cùng kỳ.

Kết quả này không chỉ giúp FPTS hoàn thành vượt mức kế hoạch năm, với tỷ lệ thực hiện doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 132,17% và 123,46%, mà còn phản ánh nỗ lực linh hoạt thích ứng, tối ưu hóa các mảng nghiệp vụ cốt lõi và quản trị chi phí hiệu quả của Ban lãnh đạo cùng đội ngũ nhân viên.



► **1.321,68** Tỷ đồng
DOANH THU ĐÃ THỰC HIỆN

đạt **132,17%**

so với Kế hoạch năm 2025

↑ **31,37%**

so với Thực hiện năm 2024

► **617,30** Tỷ đồng
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐÃ THỰC HIỆN

đạt **123,46%**

so với Kế hoạch năm 2025

↑ **20,41%**

so với Thực hiện năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đơn vị tính: Tỷ đồng

KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng trưởng
1	DOANH THU HOẠT ĐỘNG	944,17	1.147,75	1.205,81	5,06%
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)	155,20	245,49	157,76	-35,74%
1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	443,22	589,27	753,62	27,89%
1.3	Doanh thu môi giới chứng khoán	297,41	250,44	215,51	-13,95%
1.4	Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	0,56	-
1.5	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	4,07	13,22	13,59	2,80%
1.6	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	11,10	12,56	19,25	53,26%
1.7	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	32,77	36,50	44,93	23,10%
1.8	Thu nhập hoạt động khác	0,39	0,28	0,58	107,14%
2	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	328,96	405,56	620,10	52,90%
2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)	2,88	0,91	2,58	183,52%
2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	116,14	179,00	368,50	105,87%
2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	0,11	0,42	0,84	100,00%
2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	174,88	180,56	187,06	3,60%
2.5	Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	0,50	-
2.6	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	3,77	12,09	17,66	46,07%
2.7	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	16,62	18,01	23,95	32,98%
2.8	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	14,57	14,58	19,00	30,32%
2.9	Chi phí các dịch vụ khác	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng trưởng
3	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	9,11	8,83	9,26	4,87%
3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	9,11	8,83	9,26	4,87%
4	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	83,58	89,84	85,55	-4,78%
5	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	540,73	661,17	509,41	-22,95%
6	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC	1,21	2,00	1,28	-36,00%
6.1	Thu nhập khác	48,68	58,10	69,91	20,33%
6.2	Chi phí khác	47,46	56,10	68,63	22,34%
7	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	541,94	663,17	510,69	-22,99%
8	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	444,92	567,32	396,75	-30,07%

Mặc dù doanh thu đến từ hai hoạt động là môi giới chứng khoán và lãi từ FVTPL có sự sụt giảm so với năm 2024, tương ứng tỷ lệ giảm 13,95% và 35,74%. Nhưng với mức tăng trưởng 27,89% lãi từ các khoản cho vay và phải thu đã dẫn dắt đà tăng trưởng doanh thu của FPTC, đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh tích cực của Công ty. Mảng doanh thu hoạt động tư vấn tài chính tuy chỉ chiếm 3,73% nhưng tăng trưởng ổn định qua các năm, năm 2025 tăng 23,10% so với cùng kỳ.

TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	Tăng trưởng
TÀI SẢN NGẮN HẠN	8.045,92	9.580,16	13.750,83	43,53%
Tài sản tài chính	8.041,27	9.574,61	13.746,42	43,57%
Tài sản ngắn hạn khác	4,64	5,55	4,42	-20,36%
TÀI SẢN DÀI HẠN	188,77	179,40	168,84	-5,89%
Tài sản cố định	155,49	142,60	132,80	-6,87%
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	33,28	36,80	36,05	-2,04%
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-	-	-	-
TỔNG TÀI SẢN	8.234,68	9.759,56	13.919,68	42,63%

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tăng trưởng
NỢ PHẢI TRẢ	4.590,75	5.641,59	9.499,71	68,39%
Nợ phải trả ngắn hạn	4.590,75	5.641,59	9.499,71	68,39%
Nợ phải trả dài hạn	-	-	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.643,94	4.117,97	4.419,97	7,33%
Vốn chủ sở hữu	3.643,94	4.117,97	4.419,97	7,33%
Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.234,68	9.759,56	13.919,68	42,63%

► **13.919,68** Tỷ đồng
TỔNG TÀI SẢN

↑ **42,63%**

so với năm 2024

Tính đến cuối năm 2025, tổng tài sản của Công ty tăng mạnh từ 9.759,56 tỷ đồng lên 13.919,68 tỷ đồng, ghi nhận mức tăng 42,63% so với thời điểm đầu năm. Động lực cốt lõi dẫn dắt sự bứt phá này đến từ nhóm tài sản ngắn hạn. Trong cơ cấu ngắn hạn, các khoản cho vay và tiền, tương đương tiền là những khoản mục có tác động trọng yếu nhất. Ở chiều ngược lại, tài sản dài hạn giảm nhẹ 5,89%, nguyên nhân chủ yếu do ghi nhận khấu hao tài sản cố định.

Năm 2025, nguồn vốn đạt 13.919,68 tỷ đồng, tăng 42,63% so với đầu năm. Trong đó, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu ghi nhận mức tăng lần lượt là 68,39% và 7,33%. Sự gia tăng của nợ phải trả thời điểm cuối năm chủ yếu đến từ khoản mục vay ngắn hạn khi chiếm tỷ trọng hơn 92,19% nợ phải trả, nhằm bổ sung nguồn lực cho hoạt động cho vay ký quỹ. Vốn chủ sở hữu tăng trong kỳ chủ yếu đến từ phần lợi nhuận chưa phân phối tích lũy.

Trong năm, Công ty không phát sinh nợ quá hạn và không chịu ảnh hưởng biến động tỷ giá hối đoái.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,75	1,70	1,45
Hệ số thanh toán tức thời	Lần	0,27	0,10	0,31
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/ Tổng tài sản bình quân	%	67,90	62,70	80,24
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	131,31	145,37	222,53
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Doanh thu hoạt động/ Vốn chủ sở hữu bình quân	Vòng	0,27	0,30	0,28
Doanh thu hoạt động/ Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,14	0,13	0,10
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động	%	47,12	49,43	32,90
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	6,58	6,31	3,35
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	12,73	14,62	9,29



01

02

Báo cáo hoạt động năm 2025

03

04

05

06

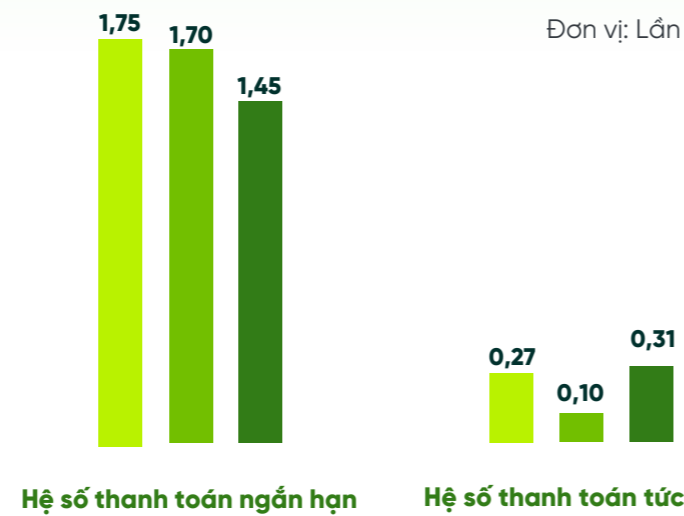
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Trước áp lực cạnh tranh gay gắt về phí giao dịch và lãi suất, FPTS đã chủ động điều chỉnh cấu trúc tài chính theo hướng mở rộng quy mô vốn vay để tài trợ cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, đồng thời chấp nhận sự sụt giảm ngắn hạn về hiệu quả sinh lời để củng cố thị phần và quản trị rủi ro. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2025 cụ thể như sau:

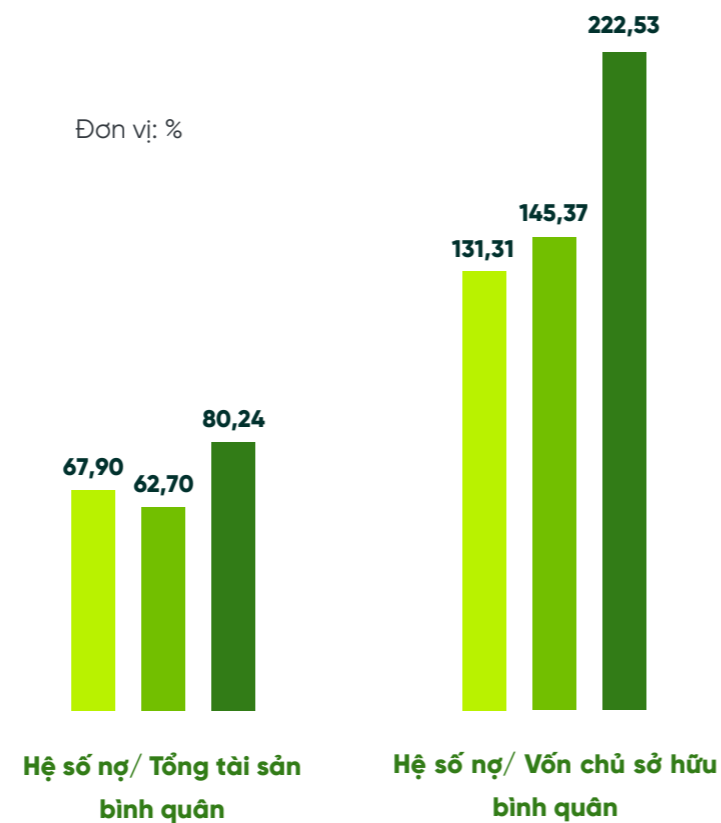
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Lượng tiền mặt dồi dào giúp hệ số thanh toán tức thời cải thiện đáng kể so với năm 2024. Đồng thời, tốc độ tăng của nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn trong năm 2025 nên hệ số thanh toán ngắn hạn giảm nhẹ xuống 1,45 lần, nhưng vẫn duy trì mức an toàn.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu năm 2025 tăng lần lượt 68,39% và 7,33%. Việc gia tăng hoạt động cho vay, ký quỹ đã tác động hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 62,70% lên 80,24%, và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng lên 222,53%. Cơ cấu nợ phải trả của Công ty tiếp tục duy trì chỉ bao gồm nợ ngắn hạn.



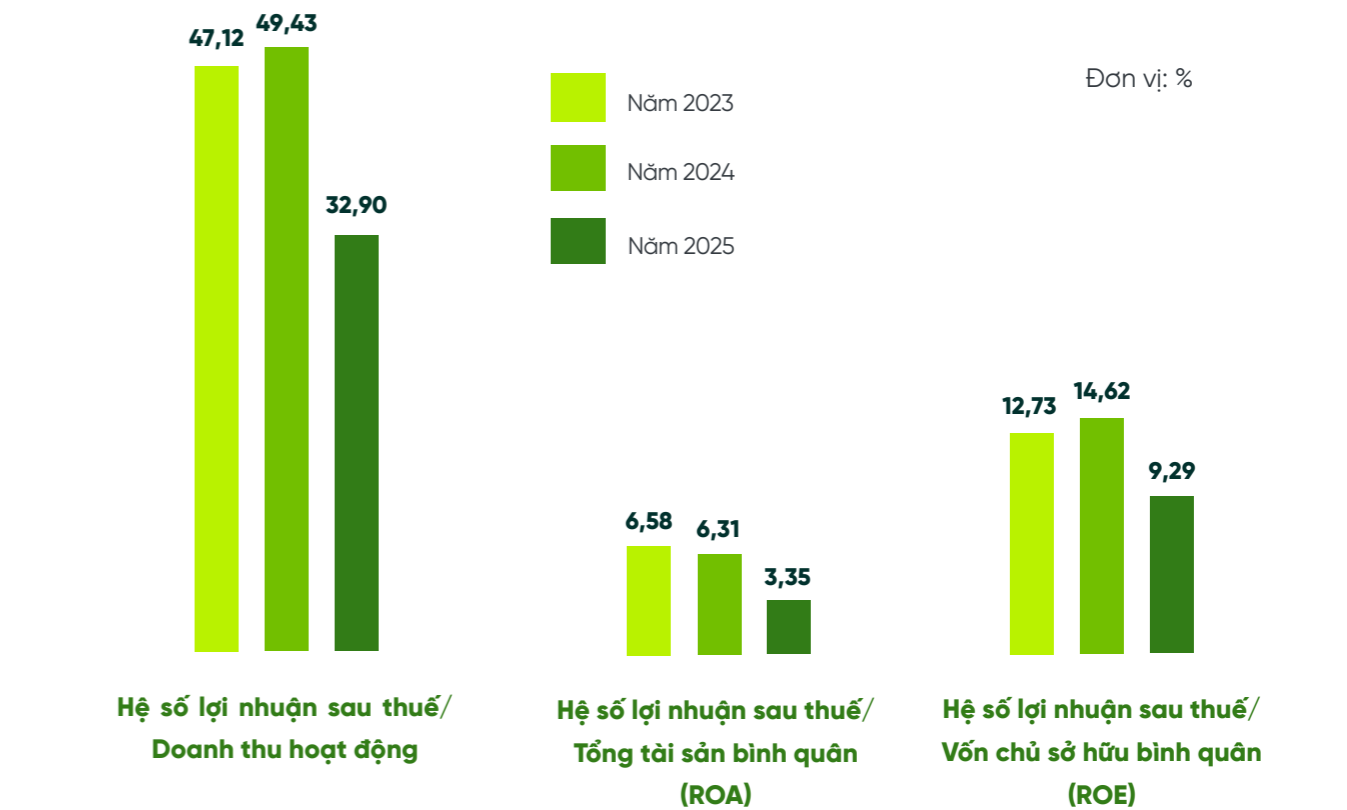
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Tốc độ tăng doanh thu hoạt động chậm hơn tốc độ mở rộng quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu, hệ số doanh thu hoạt động trên tổng tài sản bình quân và vốn chủ sở hữu bình quân giảm nhẹ, lần lượt đạt 0,10 vòng và 0,28 vòng.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2025 đều có sự sụt giảm do tác động từ việc đánh giá lại tài sản FVTPL lên lợi nhuận, trong khi quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu lại tăng mạnh. Chỉ số ROA giảm từ 6,31% năm 2024 xuống 3,35% trong năm 2025. Chỉ số ROE giảm từ 14,62% năm 2024 xuống 9,29% trong năm 2025.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Đơn vị tính: Người

STT	Tiêu chí	Năm 2024	Năm 2025
I THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG			
1	Đại học và trên Đại học	431	395
2	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	12	8
3	Lao động phổ thông	15	12
II THEO GIỚI TÍNH			
1	Nam	233	207
2	Nữ	225	208
TỔNG CỘNG		458	415



Chính sách tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và chào đón những ứng viên muốn đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty, có kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn cũng như tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng động. Để thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn. Mặt khác, Công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chính sách đào tạo cán bộ

Cán bộ, nhân viên tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn để nâng cao nghiệp vụ nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.



Chính sách phúc lợi xã hội

Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT,...). Đặc biệt, Công ty có thực hiện chính sách mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện FPT Care cho toàn thể cán bộ, nhân viên. Hàng năm Công ty có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc, tổ chức cho cán bộ, nhân viên của Công ty tham gia các hoạt động tập thể, teambuilding,... Ngoài ra Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật cán bộ, nhân viên,...).

Chính sách lương thưởng

Chính sách trả lương: Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.

Lương ngoài giờ: Công ty hỗ trợ và trả lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ Luật lao động hiện hành và thỏa ước lao động tập thể.

Chính sách thưởng: Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng thứ 13. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm Công ty thực hiện chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho cán bộ, nhân viên của Công ty theo năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Không có

Triển vọng kinh doanh năm 2026



Bước sang năm 2026, kinh tế toàn cầu được kỳ vọng ổn định hơn khi tăng trưởng duy trì ở mức vừa phải và tâm lý thị trường được hỗ trợ bởi triển vọng nới lỏng chính sách tiền tệ tại các nền kinh tế lớn. Các tổ chức quốc tế (IMF, World Bank, OECD) dự báo kinh tế toàn cầu duy trì tăng trưởng ổn định ở mức 2,6%-3,0% tương đương năm 2025. Tuy vậy, rủi ro vẫn hiện hữu từ xung đột thương mại và biến động chính sách thuế quan, khiến dòng vốn quốc tế tiếp tục phân hóa theo mức độ ổn định vĩ mô và chất lượng tăng trưởng của từng thị trường.

Tại Việt Nam, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên; nền tảng vĩ mô năm 2026 được đánh giá tích cực nhờ đầu tư công tăng tốc, cải cách thể chế và sự phục hồi của cầu nội địa. Mặt bằng lãi suất được kỳ vọng duy trì ở mức hợp lý, qua đó hỗ trợ hoạt động sản xuất - kinh doanh và củng cố triển vọng lợi nhuận doanh nghiệp.

Đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, năm 2026 được kỳ vọng bước vào giai đoạn mở rộng chu kỳ của thị trường, với định giá tương đối hấp dẫn và các cải cách thị trường tiếp tục được thúc đẩy. Câu chuyện nâng hạng được xem là chất xúc tác quan trọng cho dòng vốn và thanh khoản. Trong bối cảnh đó, FPTSec có cơ hội gia tăng quy mô ở các mảng cốt lõi (môi giới, cho vay), đồng thời mở rộng tư vấn tài chính doanh nghiệp khi nhu cầu huy động vốn và các thương vụ thị trường tăng lên. Trọng tâm là nâng cấp công nghệ, tối ưu nguồn lực và tăng cường quản trị rủi ro để tận dụng hiệu quả cơ hội tăng trưởng trong năm 2026.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2025 và dự báo tình hình thị trường năm 2026, Ban Tổng Giám đốc FPTSec dự kiến kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2026 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (Tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2026 (Tỷ đồng)	Tăng trưởng
Doanh thu đã thực hiện	1.321,68	1.200,00	-9,21%
Lãi trước thuế đã thực hiện	617,30	550,00	-10,90%

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Nhân sự

- Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, nhân viên.

Công nghệ, sản phẩm dịch vụ

- Phát triển và cho ra đời sản phẩm/ tiện ích mới dành cho khách hàng;
- Ra mắt Web Trading mới;
- Ứng dụng công nghệ AI vào các hoạt động;
- Liên tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống để đảm bảo hệ thống vận hành an toàn với số lượng giao dịch lớn;
- Hệ thống hoạt động an toàn, hiệu quả.



Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG

Mặc dù đặc thù doanh nghiệp không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành hệ thống nhưng FPTS luôn ý thức được tầm quan trọng của hai nguồn tài nguyên hữu hạn này đối với nhu cầu chung của xã hội. Công ty luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực không ngừng nghỉ.

FPTS áp dụng thực hiện chương trình tiết kiệm điện, nước trong toàn Công ty và phổ biến đến từng cán bộ, nhân viên ý thức được việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm các nguồn năng lượng này:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng;
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa;
- Vòi nước được lắp đặt với cơ chế nhấn hơi tiết kiệm nước.

Từ năm 2019, FPTS đã thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, nước, để duy trì và phát huy hiệu quả lâu dài của hoạt động này, trong các năm sau đó, FPTS đã đẩy mạnh việc tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm đến từng cán bộ, nhân viên trong Công ty.

Từ năm 2022, Công ty đã thực hiện dán film chống nhiệt mặt kính tòa nhà để tiết kiệm năng lượng tối đa.

TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ngoài việc cung cấp các phúc lợi như lương, thưởng cho nhân viên, FPTS còn muốn trao quyền cho nhân viên để có thể cải thiện con đường sự nghiệp của họ trong tương lai và chuẩn bị cho họ đối mặt với những thách thức toàn cầu của thị trường lao động. Vì vậy, Công ty chú trọng việc đào tạo cho các cấp độ nhân viên và lãnh đạo khác nhau của mình bằng nhiều hình thức. Bên cạnh đó, việc giáo dục và đào tạo nhân viên cũng góp phần giúp doanh nghiệp đảm bảo được yêu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng lao động và dịch vụ khách hàng.

FPTS quản trị vấn đề giáo dục và đào tạo của mình thông qua một hệ thống các chương trình đào tạo nhân viên mới và đào tạo nghiệp vụ nội bộ. Báo cáo kết quả đào tạo được phòng Nhân sự báo cáo Ban Tổng Giám đốc một năm một lần hoặc theo từng sự kiện diễn ra trong năm.

Ngoài ra định kỳ hàng tháng, Công ty cũng trao thưởng cho chuyên viên tư vấn đầu tư có thành tích tốt nhất và vinh danh những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhất hàng năm nhằm tạo động lực phấn đấu, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Việc tuân thủ các luật định về môi trường, kinh tế, xã hội thể hiện trách nhiệm cơ bản của doanh nghiệp đối với các tác động của mình. FPTS luôn đảm bảo mức độ tuân thủ của mình ở mức cao nhất. Điều đó giúp FPTS khẳng định năng lực quản lý của mình, hạn chế các nghĩa vụ khắc phục, tạo thế mạnh cho hồ sơ doanh nghiệp.

Bộ phận văn phòng, nhân sự và các bộ phận nghiệp vụ có trách nhiệm cập nhật các yêu cầu pháp luật liên quan để đảm bảo sự tuân thủ và điều chỉnh tương ứng các hoạt động của Công ty. Công ty lập một danh mục các văn bản luật và các yêu cầu cụ thể để áp dụng với toàn thể cán bộ, nhân viên.

BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Trong bối cảnh bùng nổ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, vấn đề về bảo mật thông tin trở thành vấn đề mà mọi doanh nghiệp đều quan tâm. FPTS luôn cố gắng duy trì sự riêng tư của khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích của khách hàng và bản thân doanh nghiệp. Cam kết bảo mật này được quy định trong các thỏa thuận ràng buộc trong hợp đồng mà doanh nghiệp ký kết với từng đối tác cụ thể.

FPTS quản trị vấn đề bảo mật thông tin khách hàng thông qua một hệ thống được phân quyền theo các lớp module, phân quyền đến từng user. Các thông tin về bảo mật thông tin khách hàng được cập nhật đến Ban lãnh đạo thường xuyên hoặc theo thời điểm phát sinh vấn đề.

HOẠT ĐỘNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Trải qua hơn 18 năm xây dựng và phát triển, FPTS đã liên tục gặt hái được rất nhiều thành công, đạt được sự tin tưởng của khách hàng, khẳng định vị trí là công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. Trong nỗ lực không ngừng với mong muốn trở thành một định chế tài chính hùng mạnh, liên tục các năm qua FPTS đã đóng góp không nhỏ vào ngân sách của Nhà nước và địa phương, đảm bảo việc làm với thu nhập ổn định cho hàng trăm lao động, cung cấp ra thị trường các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất, cung cấp cho khách hàng hệ thống giao dịch an toàn, thuận tiện, chính xác, nhanh chóng và công bằng, từ đó dẫn thay đổi bộ mặt thị trường chứng khoán, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cả nước và kinh tế địa phương.



04

Phần

QUẢN TRỊ CÔNG TY

01. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
02. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
03. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2026
04. Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán năm 2025
05. Kiến nghị và phương hướng hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2026
06. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
07. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty
08. Quản trị rủi ro

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2025, tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại, tốc độ tăng trưởng đạt khoảng 3,20%. Chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ với các gói áp thuế mới đã gây nên những xáo trộn trong dòng chảy thương mại và dòng vốn đầu tư trên toàn cầu. Thế giới vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức từ áp lực nợ cao và bất ổn địa chính trị. Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm, cho phép các ngân hàng trung ương lớn bắt đầu hạ lãi suất. Trong năm 2025 FED đã thực hiện cắt giảm lãi suất 3 lần, tổng cộng cắt giảm cả năm 2025 là 0,75% đưa lãi suất về 3,50%-3,75%. Mức độ tăng trưởng tại các khu vực và các nền kinh tế lớn có sự phân hóa khác nhau. Theo dự báo của IMF, năm 2025, nhóm nền kinh tế tiên tiến bao gồm khu vực Bắc Mỹ và Châu Âu đạt mức tăng trưởng 1,60%, trong khi đó khu vực Châu Á Thái Bình Dương được dự báo tăng trưởng khá cao so với mức trung bình của thế giới, đạt khoảng 4,50%.

Tại Việt Nam, năm 2025 ghi nhận mức tăng trưởng GDP ấn tượng 8,02%, đạt mục tiêu Quốc hội và Chính phủ đề ra. GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2024. Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31%, thấp hơn mức tăng 3,63% của năm 2024 vượt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản tăng 3,21%.

Số lượng đăng ký doanh nghiệp năm 2025 tăng cao nhờ Nghị quyết số 68-NQ/TW được triển khai và phát huy hiệu quả. Số doanh nghiệp gia nhập thị trường đạt 297,50 nghìn doanh nghiệp, tăng 27,40% so với năm trước, gấp 1,30 lần số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường; tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế năm 2025 đạt gần 6,40 triệu tỷ đồng, tăng 77,80% so với năm 2024, trong đó số vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động đạt hơn 4,40 triệu tỷ đồng, tăng 118,30%.

Vốn đầu tư nước ngoài thực hiện trong năm đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9%, là mức thực hiện cao nhất trong giai đoạn 2021-2025.

Năm 2025, FPTS ghi nhận lợi nhuận trước thuế đã thực hiện 617,30 tỷ đồng, hoàn thành 123,46% kế hoạch và tăng 20,4% so với năm 2024. Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của FPTS đạt 13.919,68 tỷ đồng, trong đó vốn chủ sở hữu đạt 4.419,97 tỷ đồng. Trong năm 2025, Công ty cũng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 3.059 tỷ đồng lên đến 3.465 tỷ đồng. Kết quả trên đã phản ánh nỗ lực của Ban lãnh đạo và đội ngũ nhân viên trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY GIAO DỊCH KÝ QUỸ

FPTS tiếp tục định hướng quản lý rủi ro chặt chẽ, đảm bảo an toàn, không xảy ra nợ xấu.

VỀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

FPTS đã mở mới 15.584 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 3.779 tài khoản chứng khoán phái sinh cho nhà đầu tư trong năm 2025. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2025 là 244.354 tài khoản chứng khoán cơ sở và 37.881 tài khoản chứng khoán phái sinh. Năm 2025, thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền tại HOSE là 2,56% (ngoài Top 10), tại HNX là 2,92% (đứng thứ 8), tại sàn đăng ký giao dịch Upcom là 3,62% (đứng thứ 8) và FPTS đứng thứ 8 thị phần môi giới chứng khoán phái sinh với 2,39%.

VỀ MẢNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Công ty đã tập trung nâng cao trình độ của chuyên viên tư vấn, mở rộng thêm nhiều khách hàng doanh nghiệp. Năm 2025 doanh thu mảng này đã đạt 44,93 tỷ đồng.

VỀ CÔNG NGHỆ

Công ty tiếp tục ưu tiên vấn đề nghiên cứu, hoàn thiện, phát triển các sản phẩm công nghệ và đảm bảo vận hành hệ thống công nghệ ổn định, an toàn, phục vụ hiệu quả hoạt động kinh doanh.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐÃ THỰC HIỆN

▶ **617,30** Tỷ đồng

TỔNG TÀI SẢN

▶ **13.919,68** Tỷ đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU

▶ **4.419,97** Tỷ đồng

04 Quản trị công ty

05

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kiên định giá trị Linh hoạt hành động

Ngoài việc tập trung vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển khách hàng, Công ty cũng đã dành sự quan tâm đáng kể đến đội ngũ người lao động và các trách nhiệm xã hội khác. Một vài hoạt động có thể kể đến là:

- ▶ Chăm lo sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động thông qua hoạt động khám bệnh định kỳ, chương trình bảo hiểm sức khỏe, phòng tập thể thao,...
- ▶ Tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu về cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam và trang bị kiến thức đầu tư tới đông đảo cộng đồng đầu tư, góp phần vào sự phát triển bền vững của thị trường.



Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2025

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	15/01/2025	Ban hành Chính sách quản trị rủi ro FPTS năm 2025.	100%
2	01-2025/NQ/HĐQT/FPTS	05/02/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch kinh doanh năm 2025; Thông qua Chương trình hợp ĐHCĐ thường niên năm 2025.	100%
3	02-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	19/3/2025	Về việc vay vốn VIB và cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn tại VIB.	100%
4	02-2025/NQ/HĐQT/FPTS	01/4/2025	Thống nhất triển khai thực hiện phương án phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP), đồng thời giao cho Tổng Giám đốc đại diện Công ty triển khai thực hiện.	100%
5	03-2025/NQ/HĐQT/FPTS	01/4/2025	Chấp thuận việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa FPTS với người có liên quan quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.	100%
6	04-2025/NQ/HĐQT/FPTS	25/4/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý I năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh Quý II năm 2025; Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong năm 2025; Thông qua phương án trả cổ tức năm 2024 bằng tiền và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%
7	03-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	25/4/2025	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2024 bằng tiền và cổ phiếu phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%
8	04-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	25/4/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn Vietcombank và cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn tại Vietcombank.	100%
9	05-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	14/5/2025	Về việc Ban hành Quy định quản trị rủi ro FPTS năm 2025.	100%
10	06-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	15/5/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn tại ngân hàng ACB.	100%

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	05-2025/NQ/HĐQT/FPTS	21/5/2025	Thông qua việc chấm dứt hoạt động Phòng giao dịch Trần Bình Trọng thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh do thay đổi phương thức kinh doanh.	100%
12	07-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	21/5/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn tại ngân hàng HDBank.	100%
13	08-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	26/5/2025	Tăng vốn điều lệ Công ty do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%
14	09-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	30/5/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn VIB và cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn tại VIB.	100%
15	10-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	04/6/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn Techcombank.	100%
16	11-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	06/6/2025	Sửa đổi Phụ lục 01 Điều lệ Công ty cập nhật vốn điều lệ.	100%
17	06-2025/NQ/HĐQT/FPTS	11/6/2025	Thông qua việc chấm dứt hoạt động Phòng giao dịch Kỳ Đồng và Phòng giao dịch Hàn Thuyên thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT do thay đổi phương thức kinh doanh.	100%
18	12-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	02/7/2025	Tăng vốn điều lệ Công ty do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.	100%
19	13-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	16/7/2025	Sửa đổi Phụ lục 01 Điều lệ Công ty về việc tăng vốn do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.	100%
20	07-2025/NQ/HĐQT/FPTS	23/7/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý II năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh Quý III năm 2025; Thông qua miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hạnh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.	100%
21	14-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	23/7/2025	Miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Dũng thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
22	15-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	23/7/2025	Bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hạnh giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp.	100%
23	16-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	16/9/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn và cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn tại ngân hàng Vietinbank.	100%
24	17-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	16/10/2025	Miễn nhiệm bà Tường Nữ Thu Lan thôi giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.	100%
25	18-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	16/10/2025	Bổ nhiệm ông Đinh Quang Thuận giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.	100%
26	08-2025/NQ/HĐQT/FPTS	23/10/2025	Thông qua Báo cáo Kết quả kinh doanh Quý III năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh Quý IV năm 2025; Thông qua miễn nhiệm bà Tường Nữ Thu Lan thôi giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và bổ nhiệm ông Đinh Quang Thuận giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.	100%
27	19-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	02/12/2025	Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc vay vốn tại ngân hàng HDBank.	100%
28	20-2025/QĐ/HĐQT/FPTS	31/12/2025	Ban hành lại hệ thống thang lương, bảng lương FPTS.	100%



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT và điều hành công việc hàng ngày của Công ty. Việc giám sát của HĐQT được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đồng thời việc điều hành kinh doanh của Ban Điều hành không bị cản trở.

HĐQT đánh giá rằng Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã thực hiện các quyết định cần thiết để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn, hướng tới sự phát triển bền vững cho Công ty. Các thành viên HĐQT, Ban Điều hành thực hiện quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại, đề cao đạo đức nghề nghiệp và luôn hành động vì quyền lợi của cổ đông Công ty.

Trong năm Tổng Giám đốc đã thực hiện trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Tổng Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý. Năm 2025, các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành.

Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh của FPTC vẫn đảm bảo sự an toàn, chắc chắn; doanh thu đã thực hiện đạt trên 132% và lợi nhuận trước thuế đã thực hiện đạt trên 123% so với mức kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã đưa ra.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2026

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2025 và dự báo tình hình thị trường năm 2026, HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025	% Tăng trưởng
Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính (Tỷ đồng)	1.200	1.321,68	-9,21%
Lợi nhuận trước thuế thực hiện (Tỷ đồng)	550	617,30	-10,9%

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2025

Danh sách thành viên Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Trần Thanh Tùng	Chủ tịch	27/4/2022	Cử nhân	0%
2	Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên	22/4/2021	Cử nhân	0,23%

Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Thanh Tùng	2/2	100%	100%	-
2	Ông Đỗ Sơn Giang	2/2	100%	100%	-

Trong năm 2025, Ủy ban kiểm toán thực hiện chức năng giám sát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán. Hoạt động giám sát tập trung vào việc thực thi chức trách, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý, đồng thời đánh giá hiệu lực vận hành của hệ thống quản trị, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Trên cơ sở các báo cáo, tài liệu do Ban Điều hành cung cấp, kết quả trao đổi làm việc và các nội dung giám sát đã thực hiện, Ủy ban kiểm toán không ghi nhận các dấu hiệu bất thường trọng yếu liên quan đến công tác quản lý, điều hành của Công ty trong năm. Các hoạt động quản lý, điều hành và tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ và vận hành hệ thống giao dịch được thực hiện phù hợp với các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ thẩm quyền được giao, các quy định nội bộ và quy định pháp luật hiện hành, đồng thời gắn với các cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành.

Trên cơ sở kết quả giám sát, Ủy ban kiểm toán không ghi nhận các vấn đề trọng yếu có ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả quản trị, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của Công ty. Các nội dung giám sát là cơ sở để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá các vấn đề liên quan đến lợi ích của các bên liên quan và định hướng mục tiêu phát triển dài hạn của Công ty.



KIẾN NGHỊ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2026

Kiến nghị của Ủy ban kiểm toán

Trên cơ sở kết quả giám sát trong năm 2025 và đánh giá các yếu tố có thể ảnh hưởng đến

hoạt động của Công ty trong năm 2026, Ủy ban kiểm toán kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành tiếp tục duy trì quan điểm quản trị thận trọng, bảo đảm hiệu quả của hệ thống quản trị, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ trong toàn bộ hoạt động.

Việc theo dõi, đánh giá các yếu tố vĩ mô trong nước và quốc tế, bao gồm chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các yếu tố có thể ảnh hưởng đến điều kiện thị trường, cần được thực hiện thường xuyên và có hệ thống nhằm kịp thời nhận diện rủi ro có thể tác động đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và khả năng thực hiện mục tiêu dài hạn của Công ty. Ủy ban kiểm toán đồng thời kiến nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro và các quy trình kiểm soát nội bộ, bảo đảm phù hợp với quy mô hoạt động, mức độ phức tạp của sản phẩm, dịch vụ và yêu cầu quản trị trong giai đoạn tới, qua đó tăng cường khả năng bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.



Trong năm 2026, Ủy ban kiểm toán tiếp tục thực hiện đầy đủ chức năng giám sát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán. Trọng tâm giám sát bao gồm việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; hoạt động quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc; cũng như hiệu lực vận hành của hệ thống quản trị, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Ủy ban kiểm toán tăng cường theo dõi việc triển khai các biện pháp quản trị rủi ro theo các kịch bản đã được xây dựng, đánh giá mức độ phù hợp của các cơ chế kiểm soát trong bối cảnh điều kiện hoạt động có thể thay đổi. Trên cơ sở kết quả giám sát, Ủy ban kiểm toán thực hiện tổng hợp, báo cáo và kiến nghị Hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi trách nhiệm, góp phần bảo đảm hoạt động của Công ty được kiểm soát phù hợp với định hướng quản trị và mục tiêu hoạt động trong năm 2026.

Phương hướng hoạt động của Ủy ban kiểm toán

01

02

03

04 Quản trị công ty

05

06

GAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Giao dịch với các bên có liên quan

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH FPT IS	Người có liên quan của người nội bộ Đỗ Sơn Giang.	0104128565 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp ngày 13/8/2009	Số 10 phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội.	Năm 2025	03-2025/NQ/HĐQT/FPTS	Thiết bị tin học, dịch vụ bảo hành, dịch vụ tin học, trả trước dịch vụ cho nhà cung cấp. Giá trị giao dịch: 4.173.998.000 đồng.
2	Công ty TNHH Dịch vụ tài chính SBI	Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	CC8959 do VSDC cấp ngày 29/6/2021	Izumi Garden Tower 20F, 1-6-1 Roppongi, Minato Ward, Tokyo, Japan.	Năm 2025	03-2025/NQ/HĐQT/FPTS	Phí lưu ký, phí chuyển tiền. Giá trị giao dịch: 50.759.614 đồng.
3	Công ty Cổ phần FPT	Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	0101248141 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp ngày 13/5/2002	Số 10 Phố Phạm Văn Bạch, Phường Cầu Giấy, Hà Nội.	Năm 2025	03-2025/NQ/HĐQT/FPTS	Dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp cổng Quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EzIR, Dịch vụ trả hộ cổ tức, Dịch vụ quản lý cổ đông chưa tái lưu ký. Giá trị giao dịch: 90.897.102 đồng.
4	Công ty Cổ phần May Sông Hồng	Người có liên quan của người nội bộ Nguyễn Thị Hạnh.	0600333307 do Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình cấp ngày 03/6/2004	Số 105 đường Nguyễn Đức Thuận, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.	23/7/2025 - 31/12/2025	03-2025/NQ/HĐQT/FPTS	1. Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Giá trị giao dịch: 770.000.000 đồng. 2. Nhận cổ tức bằng tiền mặt. Giá trị giao dịch: 48.000.000.000 đồng.

Thù lao của Hội đồng quản trị

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2025
1	Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng quản trị	96.000.000	120.000.000

Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác của Hội đồng quản trị không nhận thù lao.

Lương của Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2025
1	Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc	886.380.000	791.340.000
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	680.580.000	396.940.000
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	649.080.000	572.040.000
4	Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	-	169.150.000
Tổng cộng			2.216.040.000	1.929.470.000

Mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (đồng)
1	Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc	161.100	1.611.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	529.600	5.296.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	534.900	5.349.000.000
4	Bà Trịnh Thanh Hằng	Người được ủy quyền Công bố thông tin	209.800	2.098.000.000
Tổng cộng			1.435.400	14.354.000.000

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2025, Công ty thực hiện quản trị công ty theo các quy định áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, cùng với Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Hệ thống quản trị được tổ chức và vận hành nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế giám sát theo quy định.

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Thư ký Công ty và các bộ phận liên quan được cập nhật thường xuyên các quy định pháp lý và yêu cầu quản trị có liên quan. Trong năm, Công ty cử đại diện tham gia các chương trình đào tạo, hội thảo về quản trị công ty, quản trị rủi ro và tuân thủ pháp luật nhằm cập nhật các quy định mới và các thông lệ quản trị được áp dụng phổ biến trên thị trường.

Hệ thống quản trị của Công ty được thiết kế và vận hành nhằm nâng cao hiệu lực quản trị, hỗ trợ quản trị rủi ro và tăng cường kiểm soát nội bộ trong toàn bộ hoạt động. Trên cơ sở đó, các quyết định quản lý được xem xét trong mối tương quan với lợi ích của các bên liên quan và các tác động dài hạn, qua đó tạo nền tảng cho việc triển khai các định hướng phát triển bền vững và duy trì giá trị dài hạn của Công ty.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Nguyên tắc quản trị rủi ro

Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty được thiết kế và vận hành theo mô hình quản trị từ trên xuống, bảo đảm sự liên kết giữa định hướng chiến lược, mức độ chấp nhận rủi ro và cơ chế giám sát, thực thi trong toàn bộ tổ chức, cụ thể như sau:

- ▶ Hoạt động quản trị rủi ro được triển khai phù hợp với mục tiêu và định hướng chiến lược của Công ty, đồng thời được xem xét như một cấu phần không tách rời trong quá trình đánh giá và ban hành các quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh và quản lý, điều hành.
- ▶ Việc nhận diện, đánh giá và theo dõi rủi ro được thực hiện trên cơ sở các nguồn thông tin có độ tin cậy, bảo đảm cả về mặt số lượng và chất lượng, bao gồm dữ liệu nội bộ, kinh nghiệm vận hành, thông tin phản hồi, cũng như các yếu tố quan sát và dự báo có liên quan.
- ▶ Hệ thống quản trị rủi ro được tổ chức trong khuôn khổ cơ cấu quản lý, điều hành của Công ty, với sự tham gia của các bộ phận và nhân sự liên quan, được thiết kế phù hợp với quy mô, phạm vi và mức độ phức tạp của hoạt động.
- ▶ Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được duy trì, rà soát và điều chỉnh thường xuyên nhằm bảo đảm tính phù hợp với điều kiện hoạt động của Công ty và các thay đổi của môi trường kinh doanh.

Hệ thống quản trị rủi ro góp phần bảo đảm kỷ luật quản trị và hiệu quả giám sát, hỗ trợ Công ty chủ động kiểm soát rủi ro, thích ứng với các biến động trong hoạt động kinh doanh và duy trì định hướng phát triển ổn định trong dài hạn.

QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam chịu tác động từ các yếu tố kinh tế – tài chính trong nước và quốc tế, bao gồm điều hành chính sách tiền tệ, xu hướng lãi suất, biến động tỷ giá, dòng vốn đầu tư xuyên biên giới và các thay đổi trong chính sách thuế, thương mại của các nền kinh tế lớn. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến thanh khoản, mặt bằng giá chứng khoán và hành vi giao dịch, từ đó làm gia tăng mức độ bất định của môi trường đầu tư và phát sinh rủi ro thị trường đối với hoạt động của các Công ty chứng khoán.

Rủi ro thị trường có thể tác động đến hoạt động của FPTS thông qua sự biến động về quy mô giao dịch, giá trị danh mục tài sản tài chính và khả năng triển khai các hoạt động kinh doanh cốt lõi. Trong các giai đoạn điều kiện thị trường kém thuận lợi, rủi ro định giá danh mục đầu tư, dư nợ cho vay ký quỹ và hiệu quả hoạt động tự doanh có thể chịu ảnh hưởng, qua đó tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty theo từng thời kỳ.

Trong năm 2025, FPTS duy trì công tác quản trị rủi ro thị trường trên cơ sở theo dõi và đánh giá thường xuyên các diễn biến kinh tế – tài chính trong nước và quốc tế. Trên cơ sở các đánh giá này, Công ty thực hiện điều chỉnh phù hợp đối với hoạt động đầu tư, cơ cấu danh mục tự doanh và chính sách cho vay ký quỹ; đồng thời duy trì cơ chế phối hợp và báo cáo giữa các bộ phận liên quan nhằm bảo đảm khả năng phản ứng kịp thời trước các thay đổi của môi trường đầu tư.

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty không duy trì được khả năng đáp ứng đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ thanh toán, bao gồm nghĩa vụ tài chính đến hạn, nhu cầu giải ngân cho hoạt động cho vay ký quỹ và các yêu cầu thanh toán phát sinh từ hoạt động giao dịch của nhà đầu tư.

Trong năm 2025, thị trường có những giai đoạn nhu cầu sử dụng đòn bẩy gia tăng, dư nợ cho vay ký quỹ của FPTS có thời điểm tiệm cận các ngưỡng an toàn đã được thiết lập. Trong điều kiện này, rủi ro thanh khoản không chỉ được xem xét dưới góc độ cân đối dòng tiền, mà còn bao gồm nguy cơ hạn chế khả năng đáp ứng đầy đủ nhu cầu giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư khi dư địa giải ngân bị thu hẹp.

Trước các yếu tố nêu trên, FPTS duy trì công tác quản lý thanh khoản trên cơ sở theo dõi thường xuyên trạng thái dòng tiền và dư nợ cho vay ký quỹ, bảo đảm tuân thủ các hạn mức quản trị nội bộ và định hướng thận trọng trong sử dụng nguồn vốn. Việc điều tiết nguồn vốn được thực hiện nhằm cân bằng giữa yêu cầu an toàn tài chính và nhu cầu vận hành, qua đó bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán và duy trì hoạt động giao dịch ổn định trong năm 2025.



RỦI RO PHÁP LÝ

FPTS hoạt động trong khuôn khổ pháp luật hiện hành, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Những thay đổi trong quy định pháp lý có thể tác động đến hoạt động quản lý và kinh doanh của Công ty, từ đó phát sinh các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ.

Để hạn chế rủi ro pháp lý, FPTS duy trì việc theo dõi, cập nhật kịp thời các quy định mới của Nhà nước đối với thị trường chứng khoán và các lĩnh vực liên quan, đồng thời rà soát, điều chỉnh các quy định nội bộ cho phù hợp.

Công ty đặc biệt chú trọng việc xây dựng, ban hành và vận hành các quy trình nghiệp vụ theo chuẩn ISO cho từng phòng ban, bảo đảm các hoạt động được thực hiện thống nhất, rõ ràng và có kiểm soát. Các quy trình này được phổ biến đến toàn bộ cán bộ nhân viên liên quan và được áp dụng xuyên suốt trong quá trình làm việc, qua đó giúp giảm thiểu sai sót, nâng cao mức độ tuân thủ và hạn chế các rủi ro pháp lý phát sinh trong hoạt động của Công ty.

01

02

03

04 Quản trị công ty

05

06

QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh toán phát sinh khi khách hàng hoặc đối tác không thực hiện đầy đủ hoặc đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán, hoặc không chuyển giao tài sản theo các cam kết đã xác lập, qua đó có thể ảnh hưởng đến an toàn vận hành và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Để hạn chế các tác động bất lợi từ rủi ro thanh toán, FPTS triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý và kiểm soát trong toàn bộ quá trình cung ứng dịch vụ, tập trung vào các nội dung trọng yếu sau:

- ▶ **Quản lý hạn mức và thẩm quyền phê duyệt:** FPTS thực hiện phân cấp rõ ràng thẩm quyền đề xuất và phê duyệt hạn mức hỗ trợ vốn đối với từng khách hàng, trên cơ sở đánh giá và cập nhật thường xuyên năng lực tài chính, tài sản bảo đảm và lịch sử giao dịch của khách hàng, nhằm bảo đảm an toàn trong quá trình cung ứng vốn.
- ▶ **Quy định chặt chẽ về xử lý tài sản bảo đảm:** Các hợp đồng giao dịch ký quỹ được xây dựng với các điều khoản rõ ràng về nghĩa vụ bổ sung tài sản bảo đảm và cơ chế bán xử lý. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm giảm xuống dưới ngưỡng quy định hoặc đến thời điểm đáo hạn, Công ty thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy trình đã ban hành nhằm bảo đảm thu hồi đầy đủ các khoản vốn, lãi và chi phí liên quan.
- ▶ **Ứng dụng công nghệ trong kiểm soát rủi ro:** FPTS sử dụng phần mềm EzMargin để theo dõi trạng thái các khoản vay ký quỹ, thực hiện cảnh báo sớm và hỗ trợ xử lý tự động theo các ngưỡng đã thiết lập. Hệ thống này cho phép Công ty chủ động kiểm soát rủi ro thanh toán và triển khai các biện pháp xử lý kịp thời khi thị trường biến động.

Qua đó, quản trị rủi ro thanh toán được triển khai nhất quán trong khuôn khổ quản trị chung, bảo đảm an toàn vận hành, kỷ luật thực thi và năng lực kiểm soát rủi ro trong các điều kiện thị trường khác nhau.

RỦI RO NHÂN LỰC

Yếu tố con người giữ vai trò trung tâm trong hệ thống quản trị và định hướng phát triển bền vững của Công ty, đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán – nơi yêu cầu cao về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Chất lượng và sự ổn định của đội ngũ nhân sự có tác động trực tiếp đến hiệu quả vận hành và khả năng kiểm soát rủi ro.

FPTS xác định nguồn nhân lực chất lượng cao là lợi thế cạnh tranh cốt lõi, đồng thời nhận diện rõ rủi ro chảy máu chất xám trong bối cảnh thị trường biến động và cạnh tranh nhân sự ngày càng gia tăng. Trên cơ sở đó, Công ty triển khai các biện pháp quản trị nhân sự theo hướng dài hạn, tập trung vào chất lượng hơn số lượng, nhằm duy trì tính ổn định và tính kế thừa của đội ngũ.

Các hoạt động đào tạo và phát triển được tổ chức theo hướng có hệ thống, bảo đảm tính kế thừa và nâng cao năng lực đội ngũ, qua đó góp phần hạn chế rủi ro biến động nhân sự và duy trì tính ổn định trong quản trị, điều hành. Hiện nay, FPTS duy trì đội ngũ hơn 400 cán bộ và chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, trong đó nhiều nhân sự chủ chốt gắn bó lâu dài với Công ty.

Với FPTS, yếu tố con người không chỉ được xem là nguồn lực vận hành, mà là nền tảng cốt lõi bảo đảm tính bền vững và chất lượng quản trị của Công ty trong mọi giai đoạn phát triển.

05

Phần

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

01. Tác động lên môi trường
02. Trách nhiệm đối với môi trường
03. Tuân thủ luật bảo vệ môi trường
04. Môi trường làm việc
05. Cam kết về tính bền vững trong sản phẩm
06. Giá trị cho cộng đồng
07. Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư – cổ đông



TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Căn cứ đặc thù hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính – chứng khoán, các tác động lên môi trường của Công ty chủ yếu phát sinh từ hoạt động văn phòng, vận hành hệ thống và định hướng phát triển sản phẩm. Các tác động này được nhận diện và quản lý theo cách tiếp cận thận trọng, phù hợp với quy mô hoạt động, điều kiện vận hành và định hướng phát triển bền vững trong dài hạn.

1

Định hướng phát triển sản phẩm và dịch vụ.

Theo hướng hỗ trợ các hoạt động tài chính có trách nhiệm, góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn bền vững.

2

Khuyến khích thực hành tiết kiệm và sáng kiến cải tiến.

Tạo điều kiện để các đề xuất phù hợp được xem xét và triển khai trong phạm vi quản trị chung.

3

Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và vật tư.

Ưu tiên lựa chọn trang thiết bị, máy móc và đồ dùng văn phòng có mức tiêu hao phù hợp, an toàn cho người sử dụng và thân thiện hơn với môi trường.

4

Quản lý tác động môi trường trong hoạt động vận hành.

Thông qua việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực như điện, nước, nhiên liệu; kiểm soát phát sinh khí thải và chất thải trong phạm vi hoạt động văn phòng.

5

Duy trì môi trường làm việc bền vững.

Gắn với cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao nhận thức về tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường trong nội bộ Công ty.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Trong khuôn khổ hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ tài chính – chứng khoán, FPTS không phát sinh các tác động môi trường trực tiếp ở quy mô lớn. Dù vậy, Công ty xác định việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên chung của xã hội, đặc biệt là điện và nước trong vận hành hằng ngày, là một nội dung trách nhiệm cần được quan tâm và quản lý nhất quán.



FPTS thực hiện quản lý và sử dụng điện, nước theo nguyên tắc tiết kiệm, phù hợp với điều kiện vận hành thực tế của hệ thống văn phòng và hạ tầng công nghệ. Trọng tâm của cách tiếp cận này không chỉ nằm ở các biện pháp kỹ thuật, mà còn ở việc hình thành ý thức và kỷ luật sử dụng năng lượng trong đội ngũ cán bộ, nhân viên, gắn với văn hóa làm việc hướng tới môi trường xanh, sạch và bền vững.



Các chương trình tiết kiệm điện, nước được triển khai trên phạm vi toàn Công ty và truyền thông thường xuyên đến từng cán bộ, nhân viên thông qua các thực hành hằng ngày như tắt thiết bị khi không sử dụng, sử dụng điều hòa hợp lý và hạn chế thất thoát năng lượng trong vận hành văn phòng. Hệ thống cấp nước tại các trụ sở làm việc được trang bị các thiết bị tiết kiệm nhằm kiểm soát mức tiêu thụ và nâng cao hiệu quả sử dụng. Từ năm 2019, các biện pháp tiết kiệm điện, nước được duy trì liên tục, đồng thời hoạt động truyền thông nội bộ được tăng cường nhằm hình thành thói quen sử dụng năng lượng có trách nhiệm.

Song song với đó, Công ty từng bước áp dụng các giải pháp kỹ thuật phù hợp để cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng trong cơ sở vật chất, bao gồm việc dán phim chống nhiệt tại một kính tòa nhà từ năm 2022.

Trách nhiệm đối với môi trường vì vậy được FPTS thực hiện một cách nhất quán trong vận hành thường nhật, góp phần sử dụng hiệu quả nguồn lực, củng cố kỷ luật nội bộ và hỗ trợ định hướng phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.

TUÂN THỦ LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

“

Trong năm 2025, Công ty không ghi nhận trường hợp bị xử phạt do vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Theo đó, không phát sinh nghĩa vụ nộp phạt liên quan đến việc không tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường trong kỳ báo cáo.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Với quan điểm con người là nền tảng của quản trị hiệu quả và sự phát triển lâu dài, Ban lãnh đạo FPTS luôn chú trọng xây dựng và duy trì môi trường làm việc chuyên nghiệp, chuẩn mực và ổn định. Trong bối cảnh công nghệ và tự động hóa ngày càng phát triển, môi trường làm việc được định hướng gắn với yêu cầu quản trị, kỷ luật vận hành và định hướng phát triển của Công ty trong từng giai đoạn, đồng thời tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát huy năng lực chuyên môn, tư duy độc lập và khả năng thích ứng – những yếu tố ngày càng có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả tổ chức.

FPTS tổ chức môi trường làm việc trên cơ sở minh bạch, tôn trọng chuẩn mực nghề nghiệp và đề cao trách nhiệm cá nhân, phù hợp với đặc thù hoạt động của doanh nghiệp dịch vụ tài chính – chứng khoán. Công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân sự được triển khai có hệ thống, gắn với yêu cầu từng vị trí và định hướng dài hạn, qua đó hình thành đội ngũ cán bộ, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của công nghệ và bảo đảm tính kế thừa trong hoạt động.

Song hành với việc nâng cao năng lực chuyên môn, Ban lãnh đạo Công ty xác định việc quan tâm đến đời sống tinh thần và sự cân bằng trong môi trường làm việc là một phần của định hướng quản trị con người trong dài hạn. Các hoạt động gắn kết nội bộ và hoạt động ngoài chuyên môn được tổ chức phù hợp với điều kiện vận hành, nhằm xây dựng môi trường làm việc tích cực, củng cố sự đồng hành và hỗ trợ lẫn nhau, qua đó tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát triển hài hòa, bền vững và gắn bó lâu dài với Công ty.

Thông qua việc duy trì môi trường làm việc ổn định, kỷ luật và chú trọng phát triển con người một cách toàn diện trong bối cảnh chuyển đổi công nghệ, FPTS từng bước củng cố nền tảng nhân sự và văn hóa nội bộ, qua đó nâng cao chất lượng quản trị và bảo đảm sự phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.



CAM KẾT VỀ TÍNH BỀN VỮNG TRONG SẢN PHẨM

BỀN VỮNG

FPTS xác định giá trị cốt lõi của sản phẩm và dịch vụ tài chính không chỉ nằm ở hiệu quả kinh doanh trong ngắn hạn, mà ở khả năng bảo đảm lợi ích chính đáng và lâu dài của khách hàng. Trên cơ sở đó, Công ty định hướng phát triển sản phẩm gắn chặt với yêu cầu quản trị rủi ro và bảo toàn vốn, coi đây là nền tảng cho sự an toàn và bền vững trong hoạt động kinh doanh.

TUÂN THỦ

Các sản phẩm và dịch vụ của FPTS được xây dựng và triển khai trên nền tảng tuân thủ pháp luật, minh bạch thông tin và kiểm soát rủi ro chặt chẽ. Trong quá trình cung cấp, Công ty chú trọng đánh giá đầy đủ đặc tính sản phẩm, mức độ rủi ro và mức độ phù hợp với từng nhóm khách hàng, qua đó hỗ trợ khách hàng đưa ra quyết định đầu tư thận trọng, phù hợp với mục tiêu tài chính và khả năng chịu đựng rủi ro.

AN TOÀN

FPTS ưu tiên sự an toàn và ổn định của dòng vốn cho khách hàng cũng như cho chính Công ty trong suốt vòng đời sản phẩm. Các sản phẩm được quản lý xuyên suốt từ khâu thiết kế, triển khai đến giám sát và rà soát định kỳ, gắn với hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ chế quản trị rủi ro nhằm hạn chế rủi ro phát sinh, bảo đảm kỷ luật vận hành và tính liên tục của hoạt động.

KỶ LUẬT

Thông qua định hướng phát triển sản phẩm gắn với quản trị rủi ro và kỷ luật thực thi, FPTS không chỉ tạo dựng giá trị bền vững cho khách hàng, mà còn củng cố nền tảng an toàn tài chính, nâng cao chất lượng quản trị và đóng góp vào sự ổn định và phát triển lành mạnh của thị trường vốn trong dài hạn.

01

02

03

04

05

06

06

Báo cáo phát triển bền vững

GIÁ TRỊ CHO CỘNG ĐỒNG

Trách nhiệm đối với cộng đồng và đóng góp xã hội

Trong năm 2025, FPTS triển khai các hoạt động gắn kết cộng đồng gắn với lĩnh vực hoạt động cốt lõi, tập trung vào giáo dục tài chính và phát triển nguồn nhân lực trẻ. Công ty tài trợ và đồng hành cùng các chương trình, cuộc thi học thuật dành cho sinh viên ngành tài chính, tạo điều kiện để người học tiếp cận kiến thức thực tiễn, nâng cao năng lực chuyên môn và hình thành tư duy nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán.

Nổi bật trong số đó là chương trình “EzInvest – Đầu tư tài chính cùng FPTS”, cuộc thi trải nghiệm kiến thức nền tảng về lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đầu tư tài chính, do Bộ môn Kinh doanh Chứng khoán, Khoa Tài chính – Học viện Ngân hàng phối hợp cùng FPTS triển khai. Chương trình hướng tới việc nâng cao hiểu biết

và năng lực tiếp cận thị trường cho nhà đầu tư, với trọng tâm là sinh viên các trường đại học tại Việt Nam, qua đó góp phần hình thành tư duy đầu tư có trách nhiệm, phù hợp với đặc thù và mức độ rủi ro của thị trường tài chính – chứng khoán.

Bên cạnh đó, FPTS tổ chức các workshop chuyên để kết hợp tham quan thực tế tại Công ty, đồng thời duy trì phối hợp với các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành kinh tế – tài chính trong việc triển khai các hoạt động học thuật và trải nghiệm nghề nghiệp. Các chương trình này góp phần tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp và nhà trường, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho ngành và lan tỏa giá trị tri thức, trách nhiệm xã hội trong cộng đồng.



Đóng góp kinh tế và phát triển địa phương

Trong năm 2025, FPTS thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Tổng số thuế và các khoản phải nộp ngân sách đạt hơn 415 tỷ đồng, tăng 27,14% so với năm 2024, phản ánh hiệu quả hoạt động kinh doanh và trách nhiệm tài chính của Công ty.

FPTS duy trì hoạt động tại các trung tâm kinh tế lớn gồm Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh với hệ thống trụ sở, chi nhánh và phòng giao dịch. Tổng số cán bộ nhân viên đạt 415 người, tạo việc làm ổn định và đóng góp vào phát triển kinh tế địa phương, đồng thời duy trì quan hệ hợp tác với các đối tác và nhà cung cấp trên địa bàn hoạt động.

Đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán

Trong năm 2025, FPTS tiếp tục mở rộng cơ sở nhà đầu tư thông qua việc mở mới 15.584 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở và 3.669 tài khoản chứng khoán phái sinh. Công ty cung cấp hệ sinh thái dịch vụ chứng khoán cá nhân như EzTrade, EzMargin, đáp ứng nhu cầu từ giao dịch đến cho vay ký quỹ của nhà đầu tư cá nhân, đồng thời triển khai các nguyên tắc quản trị rủi ro, kiểm soát đòn bẩy và tuân thủ quy định nhằm bảo vệ quyền lợi và an toàn tài chính của khách hàng. Song song với hoạt động kinh doanh, FPTS đẩy mạnh các chương trình hội thảo, livestream và hoạt động chia sẻ kiến thức đầu tư, tập trung vào việc nâng cao hiểu biết tài chính, nhận diện rủi ro và xây dựng tư duy đầu tư thận trọng. Các hoạt động này góp phần hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định trên cơ sở thông tin đầy đủ, hạn chế rủi ro phát sinh và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh, bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bên cạnh đó, FPTS đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp, bao gồm các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các giải pháp quản trị, công bố thông tin và quan hệ nhà đầu tư. Nổi bật là EzGSM – giải pháp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và EzIR – nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp chuẩn hóa hoạt động công bố thông tin, quản lý nội dung IR và tăng cường kết nối với nhà đầu tư, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và mức độ minh bạch trên thị trường trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thông qua hoạt động phân tích và công bố thông tin, FPTS duy trì đội ngũ phân tích chuyên sâu, am hiểu nhiều ngành nghề và kinh tế vĩ mô, cung cấp các báo cáo phân tích có chất lượng, được thị trường đánh giá cao. Cùng với các hoạt động chia sẻ kiến thức cho cộng đồng đầu tư, FPTS góp phần nâng cao tính minh bạch, hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định trên cơ sở thông tin đầy đủ và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh, bền vững của thị trường chứng khoán Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ – CỔ ĐÔNG

- Trong năm 2025, FPTS triển khai hoạt động quan hệ nhà đầu tư và cổ đông theo định hướng minh bạch, tuân thủ và phù hợp với các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật, bảo đảm cổ đông và nhà đầu tư được tiếp cận thông tin kịp thời, chính xác và nhất quán.
- Hoạt động công bố thông tin được thực hiện thông qua các kênh chính thức, bao gồm báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị công ty và các thông tin bất thường theo quy định. Nội dung công bố phản ánh trung thực tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.
- FPTS tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định, bảo đảm quyền tham gia, quyền biểu quyết và quyền tiếp cận thông tin của cổ đông. Thông qua các hoạt động này, Công ty góp phần củng cố niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, đồng thời thúc đẩy môi trường quản trị doanh nghiệp minh bạch, công bằng và bền vững trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

06
Phần

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán***CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**
*Báo cáo tài chính
Năm 2025***Được kiểm toán bởi:****CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**29 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028). 38 205.944 – 38 205.947;
Fax: (028).38 205.942**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động riêng năm 2025	11 – 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2025	14 – 16
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2025	17 – 18
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2025	19 – 46

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 07 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Chứng Khoán.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán
- Hoạt động tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Lưu ký và quản lý cổ đông.

Trụ sở chính tại Hà Nội: Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Công ty có 02 chi nhánh:

- **Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh:** Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh.
- **Chi nhánh Đà Nẵng:** Số 100 Quang Trung, Phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban kiểm toán

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Kenji Nakanishi	Thành viên
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Thành viên
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23/07/2025)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 23/07/2025)

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Trần Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP Hà Nội

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình thu nhập toàn diện riêng, tình hình tài chính riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong năm 2025, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

T.M. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
FPT
Nguyễn Điệp Tùng



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 65/BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(Về Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT)

Kính gửi:

- Các cổ đông
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 kèm theo của **Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT** được lập ngày 25 tháng 02 năm 2026 từ trang 07 đến trang 46, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025; Báo cáo kết quả hoạt động riêng năm 2025; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng năm 2025; Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng năm 2025.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của **Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT** cho năm 2025 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng, lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**
Phó Tổng Giám đốc



Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2023-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2023-142-1



01

02

03

04

05

06

Báo cáo tài chính
kiểm toán 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		13.750.838.979.456	9.580.161.791.615
I. Tài sản tài chính	110		13.746.420.453.894	9.574.610.342.486
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	A.7.1	2.913.630.824.055	565.564.523.996
1.1. Tiền	111.1		1.563.630.824.055	155.685.498.972
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		1.350.000.000.000	409.879.025.024
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	A.7.3.1	2.508.787.157.290	1.914.035.124.647
4. Các khoản cho vay	114	A.7.3.2	8.248.145.852.555	7.068.146.259.945
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	A.7.4	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
7. Các khoản phải thu	117		82.694.785.252	32.363.945.074
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	A.7.5.1	82.694.785.252	32.363.945.074
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		305.030.975	72.835.969
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		82.389.754.277	32.291.109.105
8. Trả trước cho người bán	118		679.500.760	2.241.349.233
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	A.7.5.2	2.015.523.494	2.257.938.624
12. Các khoản phải thu khác	122	A.7.5.4	1.551.836.664	1.060.292.143
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	A.7.6	(199.410.000)	(173.475.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		4.418.525.562	5.551.449.129
1. Tạm ứng	131			
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132	A.7.7	1.032.362.460	1.334.990.049
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	A.7.8a	2.396.437.017	3.143.226.089
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		8.800.000	80.800.000
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135			519.111
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136		980.926.085	991.913.880
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		168.842.075.462	179.399.308.818
II. Tài sản cố định	220		132.796.703.401	142.596.719.735
1. Tài sản cố định hữu hình	221	A.7.10	113.103.635.393	122.365.384.893
- Nguyên giá	222		263.837.973.219	262.174.298.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(150.734.337.826)	(139.808.913.120)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227	A.7.11	19.693.068.008	20.231.334.842
- Nguyên giá	228		44.912.945.438	44.912.945.438
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(25.219.877.430)	(24.681.610.596)
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240			
V. Tài sản dài hạn khác	250		36.045.372.061	36.802.589.083
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		923.099.800	1.221.270.570
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	A.7.8b	5.046.824.671	5.525.991.266
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	A.7.9	30.075.447.590	30.055.327.247
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		13.919.681.054.918	9.759.561.100.433

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		9.499.714.583.644	5.641.592.000.542
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		9.499.714.583.644	5.641.592.000.542
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	A.7.26	8.758.100.000.000	5.475.933.586.028
1.1. Vay ngắn hạn	312		8.758.100.000.000	5.475.933.586.028
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		9.814.216.160	7.371.171.602
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	A.7.24	1.223.739.036	971.133.640
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		4.718.575.000	4.079.400.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	A.7.22	73.436.461.163	30.681.520.777
11. Phải trả người lao động	323		21.342.325.618	21.214.075.313
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		2.134.524.652	2.031.858.427
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	A.7.23	21.499.330.495	9.246.767.305
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	A.7.25	506.593.705.503	6.242.575.206
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn	330			
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		100.851.706.017	83.819.912.244
II. Nợ phải trả dài hạn	340			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		4.419.966.471.274	4.117.969.099.891
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.419.966.471.274	4.117.969.099.891
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.465.062.838.150	3.059.276.408.150
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		3.464.980.090.000	3.059.193.660.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		3.464.980.090.000	3.059.193.660.000
b. Cổ phiếu ưu đãi	411.1b			
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		82.748.150	82.748.150
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu-Cấu phần vốn	411.3			
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4			
1.5. Cổ phiếu quỹ	411.5			
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412			
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413			
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414			
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415			
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	A.7.30	954.903.633.124	1.058.692.691.741
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		576.015.898.965	573.193.957.927
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		378.887.734.159	485.498.733.814
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420			
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440=300+400)	440		13.919.681.054.918	9.759.561.100.433

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001			
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002			
3. Tài sản nhận thế chấp	003			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	A.7.12	172.000.000	172.000.000
5. Ngoại tệ các loại	005			
6. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006		346.498.009	305.919.366
7. Cổ phiếu quỹ (số lượng)	007			
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	A.7.13	401.061.950.000	463.004.470.000
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009			
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010			
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	A.7.14	1.722.676.440.000	206.674.730.000
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013			
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	A.7.15	35.747.373.012.145	32.467.423.084.975
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		33.791.343.565.245	30.915.187.615.975
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		426.953.920.000	111.405.300.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1.122.311.090.000	1.133.522.100.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		10.482.190.000	10.715.400.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		396.282.246.900	296.592.669.000
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6			
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	A.7.16	29.941.320.000	348.008.990.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		2.661.400.000	2.662.400.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		27.279.920.000	345.346.590.000
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3			
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4			
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	A.7.17	440.811.306.525	332.380.238.600
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a			
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b			
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	A.7.18	60.760.470.000	56.090.720.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Chỉ tiêu	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
7. Tiền gửi của khách hàng	026		3.385.534.016.503	2.775.500.118.801
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	A.7.19	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028			
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029			
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1			
b. Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2			
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	A.7.20	2.160.111.300	1.896.647.800
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	A.7.28	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		3.354.560.978.096	2.727.014.848.855
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		28.812.927.107	46.588.622.148
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032			
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033			
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034			
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		2.160.111.300	1.896.647.800

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Trần Thị Thu Chung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Sơn

Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
P. TÂY HỒ, P. PHẠNG LAM, Q. TÂY HỒ, TP. HÀ NỘI
Nguyễn Diệp Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		157.758.123.718	245.487.971.843
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	B7.32.1	93.246.869.919	2.517.884.655
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2	B7.32.2	(106.611.366.554)	150.503.304.470
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	B7.32.3.1	171.122.620.353	92.466.782.718
d. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phái trả chứng quyền đang lưu hành	01.4			
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02			
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	B7.32.3.3	753.622.810.833	589.269.375.765
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04			
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05			
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06		215.508.563.439	250.438.462.655
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		558.836.092	
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		13.591.833.214	13.221.047.441
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		19.251.565.091	12.561.057.592
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		44.934.544.886	36.495.235.764
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	B7.32.4	581.823.729	275.380.000
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 1->11)	20		1.205.808.101.002	1.147.748.531.060
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		2.582.928.827	910.110.023
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	B7.32.1	2.583.295.726	912.095.500
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	B7.32.2	(366.899)	(1.985.477)
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	B7.34	368.502.691.100	178.997.567.556
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		838.542.324	416.058.645
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	B7.34	187.063.982.170	180.559.800.828
2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	B7.34	497.064.438	
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	B7.34	17.663.893.732	12.090.861.932
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	B7.34	23.954.622.477	18.007.016.134
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	B7.34	18.999.875.238	14.583.323.095
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32			
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21->32)	40		620.103.600.306	405.564.738.213

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

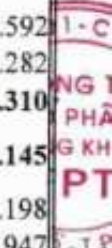
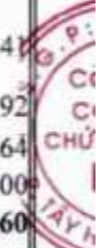
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41			
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	B7.33	9.261.788.347	8.827.691.678
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41->44)	50		9.261.788.347	8.827.691.678
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51			
4.2. Chi phí lãi vay	52			
4.4. Chi phí tài chính khác	55			
Cộng chi phí tài chính (60 = 51->55)	60			
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61			
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	B7.35	85.552.355.407	89.837.818.690
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40 - 60-61-62)	70		509.413.933.636	661.173.665.835
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	B7.36	69.911.509.456	58.101.747.592
8.2. Chi phí khác	72	B7.37	68.631.862.267	56.102.146.282
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		1.279.647.189	1.999.601.310
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		510.693.580.825	663.173.267.145
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		617.304.580.480	512.667.977.198
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(106.610.999.655)	150.505.289.947
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		113.939.306.003	95.855.772.808
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	B7.38	113.939.306.003	95.855.772.808
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2			
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		396.754.274.822	567.317.494.337
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
12.1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301			
12.2. Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302			
12.3. Lãi (lỗ) đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý công ty	303			
12.4. Lãi/(Lỗ) toàn diện khác	304			
Tổng thu nhập toàn diện	400			

Báo cáo tài chính
kiểm toán 2025

01
02
03
04
05
06



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	B7.39	1.161	1.732
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		1.161	1.732

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Chung

Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Diệp Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		510.693.580.825	663.173.267.145
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		(34.619.492.527)	34.859.019.826
- Khấu hao TSCĐ	03		15.527.591.330	19.145.813.755
- Các khoản dự phòng	04		25.935.000	15.150.000
- Chi phí lãi vay	06			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(74.373.685)	(57.407.407)
- Dự thu tiền lãi	08		(50.098.645.172)	15.755.463.478
- Các khoản điều chỉnh khác	09			
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		(366.899)	(1.985.477)
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		(366.899)	(1.985.477)
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		106.611.366.554	(150.503.304.470)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		106.611.366.554	(150.503.304.470)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(1.458.719.993.555)	(3.505.326.135.568)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31		(701.363.032.298)	(414.216.654.670)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(1.179.999.592.610)	(1.674.066.439.441)
- Tăng giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(232.195.006)	155.222.403
- Tăng giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		242.415.130	597.308.368
- Tăng giảm các khoản phải thu khác	39		1.081.810.858	1.188.339.443
- Tăng giảm các tài sản khác	40		302.627.589	40.225.599
- Tăng giảm chi phí phải trả (không bao gồm lãi vay)	41		14.695.607.748	4.982.930.767
- Tăng giảm chi phí trả trước	42		1.225.955.667	(4.438.232.424)
- Thuế TNDN đã nộp	43		(74.256.778.709)	(99.881.896.967)
- Lãi vay đã trả	44			
- Tăng giảm các khoản phải trả cho người bán	45		252.605.396	529.049.673
- Tăng giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		102.666.225	283.930.182
- Tăng giảm thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Không bao gồm Thuế TNDN đã nộp)	47		3.072.413.092	2.173.905.105
- Tăng giảm phải trả người lao động	48		128.250.305	527.056.741
- Tăng giảm phải trả phải nộp khác	50		500.326.629.297	(1.300.275.558.889)
- Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh	51		861.290.770	251.000.000
- Tiền chi từ các hoạt động kinh doanh	52		(25.160.667.009)	(23.176.321.458)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(876.034.905.602)	(2.957.799.138.544)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(5.745.103.400)	(6.250.516.484)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		91.902.089	57.407.407
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(5.653.201.311)	(6.193.109.077)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		99.884.000.000	55.299.500.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72			
3. Tiền vay gốc	73		20.739.389.769.359	14.160.228.112.821
3.1. Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1			
3.2. Tiền vay khác	73.2		20.739.389.769.359	14.160.228.112.821
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(17.457.223.355.387)	(11.832.396.362.486)
4.1. Tiền chi trả gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1			
4.2. Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2			
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(17.457.223.355.387)	(11.832.396.362.486)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	75			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(152.296.007.000)	(106.931.808.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		3.229.754.406.972	2.276.199.441.835
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		2.348.066.300.059	(687.792.805.786)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ				
- Tiền	101.1		155.685.498.972	415.357.329.782
- Các khoản tương đương tiền	101.2		409.879.025.024	838.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ				
- Tiền	103.1		1.563.630.824.055	155.685.498.972
- Các khoản tương đương tiền	103.2		1.350.000.000.000	409.879.025.024
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	1		191.373.651.523.476	146.823.476.127.761
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	2		(192.469.773.889.509)	(147.264.955.221.619)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	7		1.726.416.162.428	(218.022.068.369)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(20.523.362.193)	(14.783.796.220)
12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	12			
13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	13			
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		1.979.735.896.233	1.671.520.938.337
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(1.979.472.432.733)	(1.669.999.809.487)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		610.033.897.702	(672.763.829.597)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng				
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		1.896.647.800	375.518.950
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	36			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37			
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)				
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41			
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	C7.40	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	C7.40	2.160.111.300	1.896.647.800
Trong đó có kỳ hạn				
Các khoản tương đương tiền	46			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47			

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Chung

Nguyễn Thị Sơn

Nguyễn Diệp Tùng



17



CHI TIÊU	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm		Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay
A	B	1	2	3	4	5	6
1. Biên động vốn chủ sở hữu							
1.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.145.732.618.150	3.059.276.408.150	913.543.790.000		405.786.430.000	3.059.276.408.150
1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết (*)		2.145.649.870.000	3.059.193.660.000	913.543.790.000		405.786.430.000	3.059.193.660.000
1.2. Cổ phiếu ưu đãi							
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		82.748.150	82.748.150				82.748.150
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - chủ phần vốn							
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu							
1.6. Cổ phiếu quỹ							
2. Quỹ dự trữ vốn điều lệ							
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ							
4. Chiếm lợi nhuận giữ lại tại các đơn vị liên kết							
5. Chiếm lợi nhuận giữ lại tại các đơn vị liên kết							
6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu							
7. Lợi nhuận chưa phân phối		1.498.203.140.705	1.058.692.691.741	576.884.281.028	1.016.394.729.992	576.199.578.519	1.058.692.691.741
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (**)		1.163.209.696.838	573.193.957.927	416.812.204.390	1.006.827.943.301	503.365.274.477	573.193.957.927
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		334.993.443.867	485.498.733.814	160.072.076.638	9.566.786.691	72.834.304.042	485.498.733.814
Cộng		3.643.935.758.855	4.117.969.099.891	1.490.428.071.028	1.016.394.729.992	981.986.008.519	4.117.969.099.891
II. Thu nhập toàn diện khác							4419.966.471.1274
Cộng							

Đơn vị tính: VND

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Chỉ chú:

- (*) Khoản tăng của cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết bao gồm:
 - Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
 - Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

() Khoản giảm của lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối trong kỳ bao gồm:**

- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị Quyết và Biên bản họp ĐHCĐ thường niên năm 2025
- Cổ tức 2024 chia cho cổ đông bằng tiền mặt
- Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu

305.902.430.000 đồng
99.884.000.000 đồng
405.786.430.000 đồng

41.681.220.439 đồng
152.959.683.000 đồng
305.902.430.000 đồng
500.543.333.439 đồng

(Số lượng CP: 30.590.243)
(Số lượng CP: 9.988.400)



Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Sơn

Người lập biểu

Trần Thị Thu Chung



18



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán**1.1. Giấy phép thành lập và hoạt động của CTCK:**

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 15 tháng 07 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hà Nội cấp.

1.2. Địa chỉ liên hệ của CTCK:

Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội.

1.3. Điều lệ hoạt động CTCK: ban hành tháng 7/2007 và sửa đổi theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 29/03/2022 và Quyết định số 13-2025/QĐ/HĐQT/FPTS ngày 15/07/2025.

1.4. Những đặc điểm chính về hoạt động CTCK:

- Quy mô vốn CTCK:

Vốn góp của Công ty tại ngày lập báo cáo là 3.464.980.090.000 đồng (Ba nghìn bốn trăm sáu mươi bốn tỷ, chín trăm tám mươi triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).

- Hạn chế đầu tư: Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 30/12/2020 về hoạt động của công ty chứng khoán.

- Cấu trúc Công ty chứng khoán:

. Danh sách các công ty con: Không có

. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết: Không có

. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: Không có

- Danh sách chi nhánh:

Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh: Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Đà Nẵng: Số 100 Quang Trung, Phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

1.5. Tổng số công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025: là 415 người.**2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:****2.1. Kỳ kế toán:**

Năm tài chính hàng năm của CTCK bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.**3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

3.1. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Thực hiện kế toán CTCK trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ kế toán CTCK ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

3.3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.**4. Các chính sách kế toán áp dụng****4.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****4.1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền:**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm toàn bộ số tiền hiện có của công ty (tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng), các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Thực hiện theo quy định hiện hành về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỉ giá trong việc quy đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

4.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính:

4.2.1. Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc Danh mục đầu tư của CTCK (tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán):

4.2.1.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính: (FVTPL, HTM, Các khoản cho vay, AFS)

Việc phân loại Tài sản tài chính thực hiện theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

4.2.1.2 Nguyên tắc phân loại nợ tài chính: (Nợ vay, nợ vay tài sản tài chính, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu phát hành, nợ thuế tài sản tài chính, phải trả người bán, các khoản nợ phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán)

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

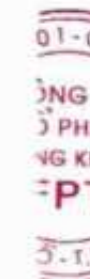
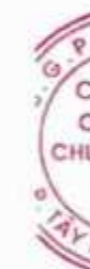
4.2.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường) (tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật chứng khoán) hoặc giá gốc:

Luật kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, theo đó đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

4.2.2.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua không bao gồm các chi phí phát sinh trực tiếp từ việc mua tài sản tài chính này). Các chi phí mua (phí môi giới, phí giao dịch...) được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động riêng ngay khi phát sinh.

Cuối kỳ kế toán, các tài sản tài chính FVTPL được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Số chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng ở khoản mục "Chênh lệch tăng do đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ" và khoản mục "Chênh lệch giảm do đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ".

4.2.2.2 Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM: được xác định giá trị ban đầu theo giá trị cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát sinh các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực và được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.2.2.3 Các khoản cho vay: được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực và được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tài chính. Dự phòng suy giảm các khoản cho vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.2.2.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS: được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua tài sản tài chính này. Cuối kỳ kế toán, tài sản tài chính AFS được xác định lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS theo giá thị trường hoặc giá hợp lý được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu (Kết quả hoạt động riêng khác) tại chỉ tiêu "Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán".

4.2.3. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính.

4.2.4. Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

TSTC được dừng ghi nhận khi quyền nhận được luồng tiền từ TSTC hết hạn hoặc khi chuyển giao TSTC cùng với phần lớn rủi ro và lợi ích từ quyền sở hữu tài sản đó cho đơn vị khác. Nợ tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi nghĩa vụ của đơn vị đã được miễn, hủy hoặc hết hạn.

4.2.5. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, đơn vị thực hiện đánh giá các dấu hiệu liên quan đến suy giảm giá trị một tài sản hoặc một nhóm các khoản đầu tư để thực hiện lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC.

Đối với các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho những khoản vay giao dịch ký quỹ có giá trị tài sản đảm bảo nhỏ hơn nợ gốc.

Dự phòng cụ thể được xác định = (Số dư các khoản cho vay – Giá trị tài sản đảm bảo) x 100%.

Giá trị tài sản đảm bảo được xác định = Số lượng chứng khoán đảm bảo khoản vay x giá thị trường của chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trong đó giá thị trường của chứng khoán được trình bày tại điểm 4.2.6.

4.2.6. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoản thời gian trên, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

- Giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng (nếu có) được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC.

4.2.7. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp: Không phát sinh

4.2.8. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về tình hình Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản đầu tư của CTCK có phát sinh cổ tức, tiền lãi

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Đơn vị thực hiện đánh giá khả năng bị tổn thất không thể thu hồi và mức độ rủi ro để lập dự phòng theo quy định. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ thực hiện theo hướng dẫn của nhóm phải thu trình bày tại điểm 4.10.3.

4.2.9. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư nhận thế chấp (Tài khoản không trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính): Không phát sinh.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Không phát sinh.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình) được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

4.5. Khấu hao và hao mòn:

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 6-25 năm

- Máy móc thiết bị: 3 năm

- Phương tiện vận chuyển: 6 năm

- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 3-7 năm

- Phần mềm: 3-5 năm

- Quyền sử dụng đất:

+ Quyền sử dụng đất lâu dài: không có khấu hao

+ Quyền sử dụng đất thuê có thời hạn: khấu hao theo thời gian được phép sử dụng đất.

- Tài sản cố định vô hình: 2-3 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về sự suy giảm giá trị của tài sản phi tiền tệ: Không phát sinh.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Không phát sinh.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Công ty con, công ty liên doanh, liên kết): Không phát sinh.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Theo dõi chi tiết từng khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ. Các khoản nhận ký cược, ký quỹ phải trả có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được trình bày là nợ ngắn hạn, các khoản có kỳ hạn trên 12 tháng được trình bày là nợ dài hạn.

4.10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn:

4.10.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về tài sản tài chính:

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, ghi chép theo từng giao dịch và từng lần thanh toán.

4.10.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán.

4.10.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

-Xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi:

Tồn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đối tượng nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác).

Giá trị tồn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có) để bù đắp, phân chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp.

4.11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của CTCK:**4.12.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là số vốn góp theo Điều lệ công ty mà các thành viên góp vốn, cổ đông của công ty đã thực góp theo tiến độ, kế hoạch góp vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và số vốn huy động của các lần tiếp theo phù hợp với Điều lệ của Công ty.

4.12.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận CTCK:**a. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận đã thực hiện:**

Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng của công ty lũy kế phát sinh trong kỳ.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện:

Là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các TSTC FVTPL hoặc TSTC khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động riêng thuộc danh mục TSTC lũy kế phát sinh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

4.12.3. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái: Tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Tài chính về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỉ giá hối đoái.

a. Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện trong kỳ:

Là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ.

b. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ:

Là chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

4.12.4. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận của CTCK: (cho cổ đông hoặc thành viên góp vốn, các quỹ của CTCK).

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

4.13. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập CTCK:

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền

Thực hiện ghi nhận doanh thu, thu nhập từ hoạt động tự doanh các TSTC, doanh thu cung cấp dịch vụ theo quy định của các Chuẩn mực doanh thu và Chuẩn mực các công cụ tài chính có liên quan và các hướng dẫn tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC và Thông tư số 334/2016/TT-BTC.

- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL: được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính:

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Đối với cổ phiếu thương, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

- Lãi từ các khoản cho vay: Là khoản lãi phải thu từ khách hàng sử dụng dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ, cho vay giao dịch ứng trước của công ty cung cấp trong kỳ.

- Doanh thu môi giới chứng khoán: Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng trên cơ sở phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho công ty khi giao dịch chứng khoán được thực hiện theo lệnh của Nhà đầu tư và các loại phí thu được từ các nghiệp vụ môi giới chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Doanh thu hoạt động tư vấn: Bao gồm tư vấn đầu tư chứng khoán và doanh thu tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn tài chính và hoàn thiện doanh nghiệp (tư vấn niêm yết, phát hành, hoàn thiện doanh nghiệp ...) Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

- Doanh thu lưu ký: Là khoản phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán thu được của khách hàng khi công ty cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán như đăng ký, lưu ký, chuyển khoản, chuyển quyền sở hữu chứng khoán ... đã hoàn thành.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính:

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty chứng khoán theo Thông Tư 210/2014TT-BTC, Thông tư 334/2016/TT-BTC và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý CTCK:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Chi phí thực tế đã phát sinh và các khoản dự chi (nếu có) có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý trong kỳ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

4.16. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác, chi phí khác:

a. Ghi nhận thu nhập khác:

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh, đầu tư của CTCK phát sinh trong kỳ.

b. Ghi nhận chi phí khác:

Các khoản chi phí khác ngoài các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đầu tư các TSTC.

4.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.18. Các nguyên tắc và chính sách kế toán khác:

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.19. Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày trên Báo cáo tài chính về tài sản và nợ phải trả khách hàng

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

4.20. Báo cáo bộ phận:

Công ty theo dõi doanh thu hoạt động kinh doanh theo từng hoạt động kinh doanh chứng khoán (Hoạt động môi giới chứng khoán; Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn; Hoạt động lưu ký chứng khoán; Hoạt động tư vấn;...), hoạt động tài chính.

Công ty quản lý chi phí theo từng hoạt động kinh doanh và khoản mục chi phí.

Đối với tài sản, Công ty không phân bổ theo từng lĩnh vực kinh doanh mà quản lý tập trung ở Trụ sở chính - Hà Nội. Đối với nợ phải trả, Công ty chịu trách nhiệm thanh toán và quản lý rủi ro chung.

5. Quản trị về rủi ro tài chính đối với CTCK**5.1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK:**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

5.2. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Việc cấp tín dụng, hỗ trợ vốn lớn cho một khách hàng có liên quan có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay hoặc khả năng thanh toán của FPTS khi khách hàng đó gặp vấn đề về khả năng thanh toán. Vì vậy FPTS đã ban hành quy định Hạn mức cung ứng, hỗ trợ vốn tối đa cho một khách hàng đảm bảo an toàn cho FPTS dựa trên cập nhật liên tục về năng lực tài chính, tài sản đảm bảo của khách hàng.

Rủi ro Mã chứng khoán: Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay giảm giá quá nhanh, thậm chí mất hết giá trị hoặc không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy các mã chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo thực hiện theo quy định về giao dịch ký quỹ của các sở giao dịch chứng khoán.

5.3. Rủi ro thanh khoản:

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng về tiền nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

5.4. Rủi ro thị trường:

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, giá chứng khoán và thanh khoản thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi lãi suất của thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích tình hình và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong kỳ để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản tiền gửi, hạn mức, lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ để có được mức lãi suất hợp lý và có thể cạnh tranh trên thị trường.

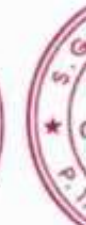
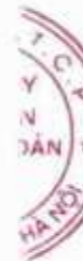
Quản lý rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường

Các chứng khoán Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, lựa chọn danh mục đầu tư, phân cấp thẩm quyền xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư... Do giá trị chứng khoán Công ty nắm giữ không nhiều chủ yếu từ việc mua chứng khoán lẻ lẻ vì vậy Công ty đánh giá rủi ro về giá cũng như thanh khoản thị trường đối với chứng khoán tự doanh là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá chứng khoán và thanh khoản thị trường đối với các khoản cho nhà đầu tư vay giao dịch ký quỹ. Khi các mã chứng khoán là tài sản đảm bảo cho các khoản vay liên tục giảm giá có thể dẫn đến việc không thu hồi đủ tiền vay, lãi vay của FPTS nếu chậm thu hồi vốn. Nếu thị trường không đủ thanh khoản hoặc mã chứng khoán đó không đủ thanh khoản thì FPTS có thể không bán được chứng khoán để thu hồi đủ tiền vay và lãi vay. Vì vậy FPTS đã xây dựng quy định quản lý rủi ro riêng cho các giao dịch ký quỹ, xác định tỷ lệ cho vay trên giá trị tài sản đảm bảo một cách hợp lý. Ngoài ra FPTS đã xây dựng phần mềm quản lý, quy định mức cảnh báo, xử lý tự động trong các giao dịch Margin giúp FPTS thực hiện quản lý và bán chứng khoán là tài sản đảm bảo ngay khi giá chứng khoán xuống đến một mức nhất định để đảm bảo an toàn cho FPTS.

6. Các chính sách định giá các tài sản tài chính thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Chế độ kế toán công ty chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

7. Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính
A. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính

A.7.1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	112.759.447	120.717.139
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	1.563.518.064.608	155.564.781.833
- Các khoản tương đương tiền (*)	1.350.000.000.000	409.879.025.024
Cộng	2.913.630.824.055	565.564.523.996

Ghi chú (*): Toàn bộ khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày 31/12/2025 hiện đang dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

A.7.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện năm 2025	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm 2025
a) Của CTCK		
- Cổ phiếu	2.605.905	105.556.693.750
- Trái phiếu	171.080.000	19.174.700.260.000
- Chứng khoán ngân quỹ	2.000	24.370.000
- Chứng khoán khác		
Cộng	173.687.905	19.280.281.323.750
b) Của Nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	16.271.334.819	381.717.089.771.330
- Trái phiếu	175.417	20.628.125.695
- Chứng khoán khác	889.252.738	1.383.917.260.960
Cộng	17.160.762.974	383.121.635.157.985

A.7.3. Các loại tài sản tài chính

7.3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

Tài sản FVTPL	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết, đăng ký GD	12.039.250.985	390.926.985.144	14.571.814.929	500.070.548.743
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.025.968.404	2.025.968.404	2.024.075.904	2.024.075.904
Trái phiếu (*)	1.989.652.500.000	1.989.652.500.000	679.940.500.000	679.940.500.000
Tiền gửi có kỳ hạn cố định, chứng chỉ tiền gửi (**)	126.181.703.742	126.181.703.742	732.000.000.000	732.000.000.000
Cộng	2.129.899.423.131	2.508.787.157.290	1.428.536.390.833	1.914.035.124.647

Ghi chú:

(*): Trái phiếu có giá trị 1.100 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025 được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng.

(**) Trong đó giá trị tiền gửi có kỳ hạn cố định tại ngày 31/12/2025 được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng là 76.181.703.742 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

7.3.2 Các khoản cho vay và phải thu

Khoản cho vay và phải thu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay giao dịch ừng trước tiền bán chứng khoán, giao dịch kỳ quỹ	8.248.145.852.555	8.237.260.236.379	7.068.146.259.945	7.057.260.643.769
Trong đó:				
Cho vay giao dịch kỳ quỹ	7.430.869.619.855	7.419.984.003.679	6.650.578.286.459	6.639.692.670.283

Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A. 7.4. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp
 Dự phòng giảm giá tài sản tài chính
 Dự phòng suy giảm - Cho vay hoạt động kỳ quỹ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
Cộng	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)

A. 7.5. Các khoản phải thu

A. 7.5.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư
 - Phải thu tiền lãi - giao dịch ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư
 - Dự thu phí giao dịch kỳ quỹ, lãi trái phiếu và lãi các khoản tiền gửi có kỳ hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	305.030.975	72.835.969
	82.389.754.277	32.291.109.105
Cộng	82.694.785.252	32.363.945.074

A. 7.5.2. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp

- 7.5.2.1 Phải thu phí môi giới chứng khoán qua các Sở GD
- 7.5.2.2 Phải thu phí môi giới chứng khoán không qua các Sở GD
- 7.5.2.3 Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư CK
- 7.5.2.4 Phải thu hoạt động tư vấn khác
- 7.5.2.5 Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán
- 7.5.2.6 Phải thu dịch vụ khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	2.015.523.494	2.257.938.624
	668.927.397	424.805.721
	1.325.824.000	1.544.050.000
	18.596.414	10.185.677
	2.175.683	278.897.231

A. 7.5.3. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán

A. 7.5.4. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	1.551.836.664	1.060.292.143

A. 7.6. Dự phòng phải thu khó đòi

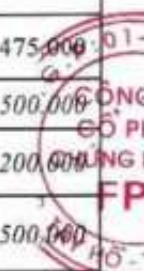
CTCK phải thuyết minh chi tiết về loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng (chi tiết theo loại, nhóm, đối tượng phải thu khó đòi)

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Số cuối năm				Số đầu năm
			Tham chiếu	Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	
1	Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính						
2	Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	215.150.000		173.475.000	25.935.000		199.410.000
	Công ty CP Lisemco	71.500.000		71.500.000			71.500.000
	Công ty CP Máy Phú Thành	13.200.000		13.200.000			13.200.000
	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư EDX	16.500.000		16.500.000			16.500.000
	Công ty CP Thông Quảng Ninh	7.700.000		7.700.000			7.700.000
	Công ty CP Thương mại Hà Tây	13.200.000		13.200.000			13.200.000
	Công ty CP Anh ngữ APAX	32.850.000		22.995.000	9.855.000		32.850.000
	Công ty CP Tập đoàn Khách sạn Đông Á	13.200.000		9.240.000	3.960.000		13.200.000
	Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công Nghiệp	22.000.000		13.640.000	5.720.000		19.360.000
	Công ty CP Cơ giới và xây lắp số 9	14.000.000			4.200.000		4.200.000
	Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghiệp Bảo Thư	11.000.000		5.500.000	2.200.000		7.700.000
	Cộng	215.150.000		173.475.000	25.935.000		199.410.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
 Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
 A.7.3.3. Và tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối kỳ:
 Bảng tình hình biến động giá trị thị trường hoặc giá trị ghi sổ tài sản tài chính được đánh giá theo giá trị ghi sổ tài chính của CTCK

STT	Các loại tài sản tài chính	Giá mua hoặc giá trị hợp lý kỳ này	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	Số cuối năm			Số đầu năm		
				CT đánh giá kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
A				3-(2-1)	4-(1-2)	5-(1+3-4)			
1	PV/FPI	14.065.219.189	192.952.953.548	178.891.655.515	1.971.356	192.952.953.548	16.595.090.813	502.094.624.647	485.501.022.069
L1	Cổ phiếu niêm yết	12.639.250.985	390.926.985.144	378.891.655.515	3.971.386	390.926.985.144	14.571.814.929	500.070.548.743	485.503.022.069
	6051E - Công ty cổ phần Máy Sừng Thăng Bắc	10.946.813.906	389.400.000.000	378.453.186.094	378.453.186.094	389.400.000.000	13.454.983.050	498.787.640.000	485.332.656.950
	Cổ phiếu niêm yết khác	1.692.437.079	1.526.985.144	438.669.421	3.921.356	1.526.985.144	1.116.831.879	1.282.908.743	170.365.119
L2	Cổ phiếu chưa niêm yết	2.025.968.404	2.025.968.404	2.025.968.404		2.025.968.404	2.024.075.904	2.024.075.904	2.024.075.904
	CTCK - CTCP đầu tư này đang sở 8	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	25.968.404	25.968.404	25.968.404		25.968.404	24.075.904	24.075.904	24.075.904
2	Trái phiếu	1.989.652.500.000	1.989.652.500.000	1.989.652.500.000		1.989.652.500.000	679.948.500.000	679.948.500.000	679.948.500.000
J	Tiền gửi có kỳ hạn có định, không chỉ định gửi	126.181.703.742	126.181.703.742	126.181.703.742		126.181.703.742	732.000.000.000	732.000.000.000	732.000.000.000
H	APS	2.129.899.423.131	2.508.787.157.290	378.891.655.515	3.921.356	2.508.787.157.290	1.914.035.124.647	485.503.022.069	428.255
	Cộng								

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 trên nền giao dịch chứng khoán. Các tài sản tài chính chưa niêm yết cơ theo định 31 tháng 12 năm 2025 và không có đủ thông tin tin cậy về giá thị trường của các tài sản tài chính này, nên giá trị trường được xác định là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.



01 02 03 04 05 06 Báo cáo tài chính Kiểm toán 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.7. Hàng tồn kho

- Vật tư văn phòng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vật tư văn phòng	1.032.362.460	1.334.990.049
Cộng	1.032.362.460	1.334.990.049

A.7.8. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

(bao gồm: CP đường truyền, quản lý thành viên và kết nối hai sở, bảo hành bảo trì phần mềm thiết bị...)

b. Chi phí trả trước dài hạn

(bao gồm: CP đường truyền, phần mềm kĩ số, sửa chữa nhà cửa...)

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	2.396.437.017	3.143.226.089
b. Chi phí trả trước dài hạn	5.046.824.671	5.525.991.266
Cộng	7.443.261.688	8.669.217.355

A.7.9. Tiền nộp Quý Hỗ trợ thanh toán

- Tiền nộp ban đầu

- Tiền nộp bổ sung

- Tiền lãi phân bổ trong kỳ

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền nộp ban đầu	10.120.000.000	10.120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	14.482.731.824	14.482.731.824
- Tiền lãi phân bổ trong kỳ	5.472.715.766	5.452.595.423
Cộng	30.075.447.590	30.055.327.247

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện, vận tải truyền dẫn	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	168.659.560.363	1.659.266.200	2.323.000.000	89.532.471.450	262.174.298.013
- Mua trong năm				5.745.103.400	5.745.103.400
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác				4.081.428.194	4.081.428.194
Số dư cuối năm	168.659.560.363	1.659.266.200	2.323.000.000	91.196.146.656	263.837.973.219
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	55.921.270.608	1.659.266.200	2.323.000.000	79.905.376.312	139.808.913.120
- Khấu hao trong năm	6.745.003.218			8.244.321.278	14.989.324.496
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán				4.063.899.790	4.063.899.790
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	62.666.273.826	1.659.266.200	2.323.000.000	84.085.797.800	150.734.337.826
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	112.738.289.755			9.627.095.138	122.365.384.893
- Tại ngày cuối năm	105.993.286.537			7.110.348.856	113.103.635.393
Đánh giá theo giá trị hợp lý					

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 72.390.622.344 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.11. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư đầu năm	19.257.558.796	7.217.666.013	18.070.143.729	367.576.900	44.912.945.438
- Mua trong năm					
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Tạo ra từ nội bộ Công ty					
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	19.257.558.796	7.217.666.013	18.070.143.729	367.576.900	44.912.945.438
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.053.834.723	7.217.666.013	16.042.532.960	367.576.900	24.681.610.596
- Khấu hao trong năm	131.630.609		406.636.225		538.266.834
- Tăng khác					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	1.185.465.332	7.217.666.013	16.449.169.185	367.576.900	25.219.877.430
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
- Tại ngày đầu năm	18.203.724.073		2.027.610.769		20.231.334.842
- Tại ngày cuối năm	18.072.093.464		1.620.974.544		19.693.068.008
Đánh giá theo giá trị hợp lý					

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.621.091.442 đồng.

Ghi chú (*): Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất nhà FPT S Chi nhánh Đà Nẵng - 100 Quang Trung, Phường Hải Châu, Tp. Đà Nẵng (diện tích 144m² theo hợp đồng mua bán quyền sở hữu nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/06/2013. Giá trị quyền sử dụng đất này được ghi nhận căn cứ theo thông báo nộp thuế TNCN số 1745/TB-TNCN của Cục thuế TP.Đà Nẵng đối với bên bán ngày 09/08/2013). 8.800.000.000
- Giá trị quyền sử dụng đất nhà FPT S Chi nhánh Hồ Chí Minh - Tầng 3, tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh (bao gồm diện tích đất sử dụng chung là 944 m² và diện tích tầng 3 sử dụng riêng là 620,7 m², theo hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất số 66/HĐ-BTL ngày 17/12/2013 giữa Công ty CP Đầu tư Địa Ốc Bến Thành và Công ty CP Chứng Khoán FPT). 4.691.451.796
- Giá trị quyền sử dụng đất trụ sở FPT S Hà Nội - Số 52, đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Tp. Hà Nội (tổng diện tích 941,73 m², theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/07/2016 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT 00587 cấp ngày 06/08/2014). 5.766.107.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.12. Nợ khó đòi đã xử lý

Nợ phải thu khó đòi đã xử lý

Công ty Cổ phần Công nghiệp Tàu thủy Shinnek

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
172.000.000	172.000.000
172.000.000	172.000.000

A.7.13. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK

Tài sản tài chính

1.Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng

2.Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
401.061.950.000	463.004.470.000
401.061.950.000	463.004.470.000

A.7.14. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng của CTCK - OTC

Tài sản tài chính giao dịch cầm cố của CTCK - OTC

Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng chưa lưu ký của CTCK - Tự do chuyển nhượng

Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng chưa lưu ký của CTCK - Hạn chế chuyển nhượng

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
502.676.440.000	2.674.730.000
1.100.000.000.000	120.000.000.000
120.000.000.000	84.000.000.000
1.722.676.440.000	206.674.730.000

A.7.15. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính

1.Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng

2.Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng

3.Tài sản tài chính giao dịch cầm cố

4.Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ

5.Tài sản tài chính chờ thanh toán

6.Tài sản tài chính chờ cho vay

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
33.791.343.565.245	30.915.187.615.975
426.953.920.000	111.405.300.000
1.122.311.090.000	1.133.522.100.000
10.482.190.000	10.715.400.000
396.282.246.900	296.592.669.000
35.747.373.012.145	32.467.423.084.975

01
02
03
04
05
06

Báo cáo tài chính
kiểm toán 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.16. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.661.400.000	2.662.400.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	27.279.920.000	345.346.590.000
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố		
4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ		
Cộng	29.941.320.000	348.008.990.000

A.7.17. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	440.811.306.525	332.380.238.600
Cộng	440.811.306.525	332.380.238.600

A.7.18. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	60.760.470.000	56.090.720.000
Cộng	60.760.470.000	56.090.720.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.19. Tiền gửi của Nhà đầu tư

Tiền gửi của Nhà đầu tư	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.354.560.978.096	2.727.014.848.853
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.812.927.107	46.588.622.148
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		
3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư		
3.1. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		
3.2. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
Cộng	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001

A.7.20. Tiền gửi của Tổ chức phát hành

Tiền gửi của Tổ chức phát hành	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành		
2. Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	2.160.111.300	1.896.647.800
Cộng	2.160.111.300	1.896.647.800

011729
CÔNG T
TNHH
H VU T
HINH K
KIEM T
PHIA N
- T.P.H

S.G.P: 0
CÔN
CỔ
CHỨNG
FI
TÂY HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.21. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn	5.033.376.500	4.369.700.500
Cộng	5.033.376.500	4.369.700.500

A.7.22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	54.735.285.838	15.052.758.544
- Thuế Thu nhập cá nhân	15.912.581.120	14.257.605.893
- Các loại thuế khác	2.788.594.205	1.371.156.340
Cộng	73.436.461.163	30.681.520.777

A.7.23. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí GDCK, phí lưu ký và chuyển khoản, phí đại lý mở tài khoản, lãi vay cho giao dịch ký quỹ	21.499.330.495	9.246.767.305
Cộng	21.499.330.495	9.246.767.305

A.7.24. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
CN CT TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	968.886.432	685.088
Công ty CP Công Nghệ An Ninh Không Gian Mạng Việt Nam	168.000.000	
Công ty TNHH VNCREATIVE	27.864.000	
Công ty TNHH FPT Smart Cloud	15.120.000	63.125.260
Chi nhánh Công ty TNHH Lavie -tại HN	12.971.880	21.875.400
Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Thăng Hoa Nguyễn Việt An	10.980.000	
	7.777.777	
Công ty CP DV Công Nghệ TSC VN	6.701.400	8.212.400
Công ty CP Di Chuyển Xanh và Thông Minh GSM	4.541.047	
Công ty CP Viễn Thông FPT	896.500	35.346.500
Công ty TNHH Dịch Vụ Tin Học FPT		515.680.000
Công ty TNHH Phần Mềm FPT		250.000.800
Công ty CP Truyền Thông Tổng Hợp 24		46.980.000
Công ty TNHH TM&DV Green Star Hà Nội		17.250.000
Công ty CP Thực phẩm An toàn Tâm Thành		4.223.775
Công ty CP Hai Bốn Bảy		3.640.017
Công ty TNHH Đầu Tư Dầu Khí Hà Nội		2.264.400
Công ty TNHH Vận Tài Công Nghệ Mai Linh Hà Nội		1.850.000
Cộng	1.223.739.036	971.133.640

A.7.25. Phải trả, phải nộp khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn	5.033.376.500	4.369.700.500
- Phải trả các Ngân hàng (đặt cọc thực hiện hợp đồng môi giới trái phiếu Chính phủ và các chứng chỉ tiền gửi)	501.560.329.003	1.872.874.706
Cộng	506.593.705.503	6.242.575.206

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.26. Vay ngắn hạn (chi tiết theo các loại vay phát sinh trong năm hoạt động của CTCK)

Loại vay ngắn hạn	Lãi suất vay	Số dư vay đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay ngân hàng trong nước	Dưới 7,8%	4.540.000.000.000	19.296.600.000.000	15.618.000.000.000	8.218.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Hà Thành			450.000.000.000		450.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN- VIB		650.000.000.000	2.000.000.000.000	1.150.000.000.000	1.500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam		400.000.000.000	1.932.000.000.000	1.832.000.000.000	500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long		730.000.000.000	1.725.000.000.000	1.710.000.000.000	745.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		800.000.000.000	2.500.000.000.000	2.945.000.000.000	355.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng-VPBANK		600.000.000.000	3.730.000.000.000	3.530.000.000.000	800.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong		110.000.000.000	747.800.000.000	710.000.000.000	147.800.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu		500.000.000.000	1.833.000.000.000	1.230.000.000.000	1.103.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN-CN Thanh Xuân		450.000.000.000	2.378.800.000.000	1.711.000.000.000	1.117.800.000.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)		300.000.000.000	2.000.000.000.000	800.000.000.000	1.500.000.000.000
Vay các tổ chức, cá nhân khác trong nước	Dưới 7,1%	935.933.586.028	1.442.789.769.359	1.839.223.355.387	539.500.000.000
Cộng		5.475.933.586.028	20.739.389.769.359	17.457.223.355.387	8.758.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.27. Phải trả Nhà đầu tư

Loại phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
1.1. Của Nhà đầu tư trong nước	3.354.560.978.096	2.727.014.848.853
1.2. Của Nhà đầu tư nước ngoài	28.812.927.107	46.588.622.148
Cộng	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001

A.7.28. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả phí môi giới chứng khoán	668.927.397	424.805.721
2. Phải trả phí lưu ký chứng khoán	18.596.414	10.185.672
3. Phải trả phí tư vấn đầu tư		
Cộng	687.523.811	434.991.393

A.7.29. Phải trả vay CTCK của Nhà đầu tư

Các khoản phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Phải trả nghiệp vụ margin	7.430.869.619.855	6.650.578.286.459
2. Phải trả gốc margin	7.430.869.619.855	6.650.578.286.459
2.1. Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư trong nước		
2.2. Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư nước ngoài		
3. Phải trả lãi margin	15.291.626.890	14.843.382.524
3.1. Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư trong nước	15.291.626.890	14.843.382.524
3.2. Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư nước ngoài		
4. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	817.581.263.675	417.640.809.455
4.1. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	817.276.232.700	417.567.973.486
a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	817.276.232.700	417.567.973.486
b. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
4.2. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	305.030.975	72.835.969
a. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	305.030.975	72.835.969
b. Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		
Cộng	8.263.742.510.420	7.083.062.478.438

A.7.30. Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	576.015.898.965	573.193.957.927
2. Lợi nhuận chưa thực hiện	378.887.734.159	485.498.733.814
Cộng	954.903.633.124	1.058.692.691.741

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

A.7.31. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2025	Năm 2024
1. Lãi đã thực hiện chưa phân phối năm trước	573.193.957.927	1.163.209.696.838
2. Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm		
3. Lãi đã thực hiện năm nay	503.365.274.477	416.812.204.390
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn (4)=(1+2+3)	1.076.559.232.404	1.580.021.901.228
5. Số trích các quỹ từ lợi nhuận	41.681.220.439	41.301.159.801
5.1 Quỹ dự trữ điều lệ		
5.2 Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		
5.3 Quỹ khen thưởng phúc lợi	41.681.220.439	41.301.159.801
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	458.862.113.000	965.526.783.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

B7.32.4. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

STT	Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu đại lý đầu giá		
2	Doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của TCPH	58.633.729	91.500.000
3	Phí quản lý tài sản cầm cố	30.700.000	40.800.000
4	Doanh thu khác	492.490.000	143.080.000
	Cộng	581.823.729	275.380.000

B7.33. Doanh thu hoạt động tài chính

STT	Loại doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	9.261.788.347	8.827.691.678
	Cộng	9.261.788.347	8.827.691.678

B 7.34. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

STT	Loại chi phí	Năm nay	Năm trước
1	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	187.063.982.170	180.559.800.828
2	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	497.064.438	
3	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	17.663.893.732	12.090.861.932
4	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	23.954.622.477	18.007.016.134
5	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	18.999.875.238	14.583.323.095
6	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	368.502.691.100	178.997.567.556
	Cộng	616.682.129.155	404.238.569.545

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

B 7.35. Chi phí quản lý CTCK

STT	Loại chi phí quản lý CTCK	Năm nay	Năm trước
1	Chi phí lương và khác khoản khác theo lương	44.752.072.526	46.669.376.696
2	BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3.334.989.700	3.230.317.000
3	Chi phí đào tạo tuyển dụng	277.564.064	288.663.640
4	Chi phí vật tư văn phòng	2.776.525.862	2.910.192.385
5	Chi phí khấu hao TSCĐ	12.387.739.823	14.791.959.358
6	Chi phí thuế, phí và lệ phí	16.312.854	20.936.084
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.607.142.707	20.262.129.160
8	Chi phí khác	1.400.007.871	1.664.244.367
	Cộng	85.552.355.407	89.837.818.690

B 7.36. Thu nhập khác

STT	Chi tiết thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
1	Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	91.902.089	57.407.407
2	Doanh thu bán Token card	155.804.330	94.436.460
3	Thu nhập từ phí c.tiền của NDT	1.478.264.161	1.368.314.737
4	Thu nhập khác	68.185.538.876	56.581.588.988
	Cộng	69.911.509.456	58.101.747.592

B 7.37. Chi phí khác

STT	Chi tiết chi phí khác	Năm nay	Năm trước
1	Lỗ bán thanh lý TSCĐ	17.528.404	
2	Phạt do vi phạm hành chính	27.343.919	177.505.400
3	Chi phí Token card	168.459.600	113.017.200
4	Phí chuyển tiền của nhà đầu tư	1.478.633.544	1.367.170.262
5	Chi phí khác	66.939.896.800	54.444.453.420
	Cộng	68.631.862.267	56.102.146.282

B 7.38. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

STT	Chi tiết chi phí thuế TNDN	Năm nay	Năm trước
1	Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành		
1.1	- Chi phí thuế thu nhập CTCK tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	113.866.941.113	95.854.572.808
1.2	- Điều chỉnh chi phí Thuế thu nhập CTCK của các năm trước vào chi phí Thuế thu nhập hiện hành năm nay	72.364.890	1.200.000
1.3	- Tổng chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành	113.939.306.003	95.855.772.808
2	Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại		

B 7.39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	396.754.274.822	567.317.494.337
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	396.754.274.822	567.317.494.337
Quỹ khen thưởng phúc lợi		41.681.220.439
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	341.681.685	303.532.120
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	1.161	1.732

Ghi chú: Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số năm trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 được trích vào năm 2025, chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 do chưa có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

C. Thuyết minh về Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
C.7.40. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do CTCK nắm giữ nhưng không được sử dụng

STT	Các giao dịch và các khoản tiền	Năm nay	Năm trước
A	B	1	2
	Tiền gửi ngân hàng cuối		
	-Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
	-Tiền gửi của Tổ chức phát hành	2.160.111.300	1.896.647.800
	Tổng	3.385.534.016.503	2.775.500.118.801

D. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu: Không có

E. Những thông tin khác:

E.7.41.1. Thông tin so sánh: Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2025 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

E.7.41.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: Ngày 16/01/2026, Chủ tịch HĐQT ông Nguyễn Văn Dũng, đã có đơn xin từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty CP Chứng Khoán FPT chấp thuận theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

E.7.41.3. Thông tin về các bên liên quan:

a. Các bên liên quan:

Tên đơn vị	Mối quan hệ
SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Cổ đông lớn
Công ty Cổ Phần FPT	Cổ đông lớn
Công ty TNHH FPT IS	Bên có liên quan
Công ty Cổ Phần May Sông Hồng	Bên có liên quan (từ ngày 23/07/2025)
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán, Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin	Ban điều hành và các nhân sự chủ chốt

b. Trong năm 2025, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

STT	Các bên liên quan	Giao dịch	Số đầu kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
b.1 Phải thu (Doanh thu)						
1	SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Thu Phí lưu ký, phí chuyển tiền		50.759.614	50.759.614	
2	Công ty CP FPT	Cung cấp dịch vụ tư vấn công bố thông tin và cung cấp công Quan hệ nhà đầu tư trực tuyến EzIR; Dịch vụ trả hộ cổ tức; Dịch vụ quản lý cổ đông chưa tái lưu ký		90.897.102	90.897.102	
3	Công ty CP May Sông Hồng (Bên liên quan từ ngày 23/07/2025)	Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp Nhận cổ tức bằng tiền mặt		770.000.000 48.000.000.000	770.000.000 48.000.000.000	
b.2 Phải thu (Trả trước cho nhà cung cấp)				608.403.960		608.403.960
1	Công ty TNHH FPT IS	Trả trước cho người bán		608.403.960		608.403.960
b.3 Phải trả (Chi phí)				3.565.594.040	3.565.594.040	
1	Công ty TNHH FPT IS	Mua thiết bị tin học, dịch vụ bảo hành, dịch vụ tin học		3.565.594.040	3.565.594.040	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

c. Ngoài các giao dịch giữa các bên liên quan được trình bày ở mục E.7.41.3.b ở trên, trong năm Công ty phát sinh thêm thông tin với các bên liên quan khác như sau:

	Giá trị (VND)	
	Năm nay	Năm trước
* Thù lao của HĐQT		
Ông Trần Thanh Tùng - Thành viên HĐQT	120.000.000	96.000.000
Chủ tịch HĐQT và thành viên khác của Hội đồng quản trị không nhận thù lao		
* Lương của Ban Tổng Giám đốc		
Thành viên của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Diệp Tùng - Tổng Giám đốc	791.340.000	886.380.000
Ông Nguyễn Văn Dũng - Phó Tổng Giám đốc	396.940.000	680.580.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Phó Tổng Giám đốc	572.040.000	649.080.000
Bà Nguyễn Thị Hạnh - Phó Tổng Giám đốc	169.150.000	
	1.929.470.000	2.216.040.000

* **Mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty**

Tên	Chức danh	Năm nay		Năm trước	
		Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Ông Nguyễn Diệp Tùng	Tổng Giám đốc	161.100	1.611.000.000	160.150	1.601.500.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	529.600	5.296.000.000	154.100	1.541.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	534.900	5.349.000.000	324.300	3.243.000.000
Trịnh Thanh Hằng	Người được ủy quyền CBTT	209.800	2.098.000.000	110.700	1.107.000.000

E. 7.41.4. Những thông tin khác:

Công ty không thực hiện nghiệp vụ hỗ trợ vốn ngoài nghiệp vụ giao dịch kỳ quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán, ứng trước cổ tức.

Người lập biểu

Trần Thị Thu Chung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Sơn

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026
Tổng Giám đốc

NGUYỄN DIỆP TÙNG

01

02

03

04

05

06

Báo cáo tài chính
kiểm toán 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025





TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN ĐIỆP TÙNG



-  52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
-  www.fpts.com.vn
-  19006446
-  fptsecurities@fpts.com.vn

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
ANNUAL REPORT 2025



“CONSISTENT VALUES - DYNAMIC ACTIONS”

LIST OF ABBREVIATIONS

FPTS	FPT Securities Joint Stock Company
KRX	Korea Exchange
SSC	State Securities Commission of Vietnam
HOSE	HoChiMinh Stock Exchange
HNX	Hanoi Stock Exchange
VSDC	Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation
AGM	Annual General Meeting
BOD	Board of Directors
AC	Audit Committee
BOM	Board of Management
HSE	Health, Safety, and Environment
IFRS	International Financial Reporting Standards
KPI	Key Performance Indicator
SDG	Sustainable Development Goals
ESRP	Environmental and Social Responsibility Report
ERM	Enterprise Risk Management
CPI	Consumer Price Index
CIT	Corporate Income Tax
FVTPL	Fair Value Through Profit or Loss
ROA	Return on Assets
ROE	Return on Equity
CPI	Consumer Price Index
VND	Vietnamese Dong
JSC	Joint Stock Company
LLC	Limited Liability Company

Message from the General Director

“Consistent Values - Dynamic Actions”

To our shareholders, clients, partners, and all employees of FPT Securities Joint Stock Company,

The year 2025 concluded amid significant developments in Vietnam’s financial and securities markets, most notably the official implementation of the KRX trading system and tangible progress in the market reclassification roadmap. Trading infrastructure has been enhanced, transparency has gradually improved, providing a stronger basis for expectations of medium- to long-term capital inflows.

However, these opportunities have been accompanied by intensifying competitive pressures. Profit margins have narrowed, competition for market share has become increasingly aggressive, fee policies and financial leverage have been deployed more assertively across the market. In this context, FPT S has chosen a consistent approach: steadfast in its established core values while remaining agile in execution to adapt to market dynamics.

In 2025, FPT S continued to uphold operational discipline, exercised stringent risk control, and refrained from pursuing short-term growth at any cost. At the same time, the Company proactively adjusted its operating model, product policies, and customer approach in line with market developments.

As a result, total operating revenue and financial investment revenue (realized) reached **VND 1,321.68 billion**, achieving **132% of the annual plan**; realized profit before tax amounted to **VND 617.30 billion**, equivalent to **123% of the target**. Compared to 2024, realized revenue increased by approximately **31%**, while realized profit before tax rose by over **20%**.

These figures reflect not only an expansion in scale but, more importantly, an improvement in operational efficiency built upon a foundation of robust risk management and consistently maintained financial discipline. In a

volatile environment, adherence to principles and the safeguarding of client interests are prerequisites for sustainable growth.

Entering 2026, the Board of Management is determined to continue implementing the strategy in the spirit of “Consistent Values - Dynamic Actions” with three key strategic directions:

First, to further strengthen the risk management system and operational discipline.

FPTS maintains a prudent approach to capital management, refraining from expansion beyond its control capacity and ensuring system safety under all market conditions.

Second, flexibly adjust products, services, and the operating model in response to actual developments.

The Company continues to invest in technology, enhance customer experience, and improve internal operational efficiency, while consistently prioritizing risk control and sustainability.

Third, to develop the workforce on the foundation of professional ethics and execution capability.

FPTS consistently builds a professional workforce, emphasizes accountability, minimizes conflicts of interest, and safeguarding the long-term value of client assets.

Based on a prudent assessment of market conditions, FPT S has set its 2026 business plan with projected total operating revenue and financial income of **VND 1,200 billion**, and realized profit before tax of **VND 550 billion**. These targets reflect a consistent management philosophy: prioritizing system safety, growth quality, and capital efficiency, rather than pursuing expansion at any

cost.

On behalf of the Board of Management, I would like to express our sincere appreciation to our shareholders for their continued trust and for accompanying FPT S, to our clients and partners for their enduring cooperation, and especially to all employees for their discipline, responsibility, and dedication throughout 2025.

We believe that only by remaining committed to our core values while acting with agility amid market volatility can FPT S achieve sustainable growth and build long-term trust with our clients and shareholders.

Sincerely,

NGUYEN DIEP TUNG

General Director

FPT Securities Joint Stock Company





TABLE OF CONTENTS

01 OVERVIEW

• General information	10
• Share information and shareholder structure	12
• Vision – Mission – Core values	14
• Formation and development process	16
• Capital increase history	17
• Development orientation	18

02 ORGANIZATIONAL STRUCTURE

• Management structure	22
• Introduction of Board of Directors, Audit Committee, and Sub-committees	24
• Introduction to the Board of Management	27
• Information on Subsidiaries and Associates	29

05 SUSTAINABILITY REPORT

• Environmental impact	72
• Environmental responsibility	73
• Compliance with environmental protection laws	74
• Working environment	74
• Commitment to product sustainability	75
• Value to the community	76
• Investor and shareholder relations activities	77

03 REPORT ON 2025 ACTIVITIES

• Overview of Vietnam's securities industry in 2025	32
• Report on activities of the Board of Management	36
• Organization and human resources	44
• Investment status and project implementation	46
• Business outlook for 2026	46
• Future development plan	47
• Explanations of the Board of Management regarding the audit opinions	47
• Evaluation report on environmental and social responsibilities of the company	48

04 CORPORATE GOVERNANCE

• Assessment of the Company's operations	52
• Assessment of the Board of Management's performance	58
• Plans and orientations of the Board of Directors for 2026	58
• Report on the Audit Committee's activities in 2025	59
• Recommendations and orientations for the Audit Committee's activities in 2026	60
• Transactions, remuneration, and other benefits	62
• Assessment of compliance with corporate governance regulations	64
• Risk management	65

06 AUDITED FINANCIAL STATEMENTS 2025



01

Part

OVERVIEW

- 01. General information
- 02. Share information and shareholder structure
- 03. Vision – Mission – Core values
- 04. Formation and development process
- 05. Capital increase history
- 06. Development orientation



GENERAL INFORMATION

General information about the Company



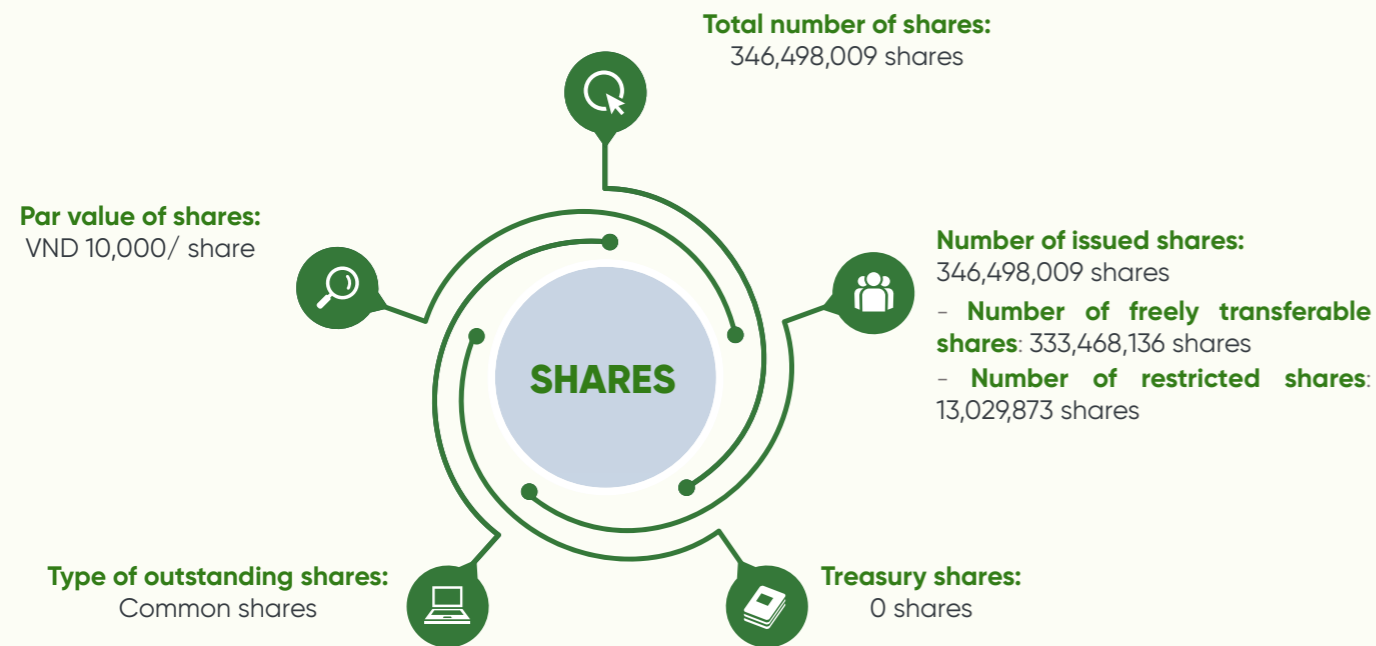
FPT Securities Joint Stock Company - licensed to establish and operate under the License of The State Securities Commission dated July 13, 2007. Over more than 18 years of formation and development, FPTS has continuously achieved many successes, gained the trust of customers, and affirmed its position as one of the leading securities companies in Vietnam.



Company name	FPT Securities Joint Stock Company
English name	FPT Securities Joint Stock Company
Transaction name	FPT Securities Joint Stock Company
Abbreviation	FPTS
Head office	No. 52 Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Hanoi City
Business Registration Code	0102324187
Website	www.fpts.com.vn
Telephone	19006446
Fax number	(024) 3773 9058
Charter capital	VND 3,464,980,090,000
Stock code	FTS
Stock exchange	HOSE
Email	fptsecurities@fpts.com.vn

GENERAL INFORMATION

Share information and shareholder structure



Treasury share transactions in 2025: During the year, the Company did not conduct any treasury share transactions.

Other securities: During the year, the Company did not issue any other securities and had no outstanding commitments with individuals or organizations related to securities issuance.

Shareholder structure

No.	Subject	Number of shares	Percentage of ownership (%)	Number of shareholders	Shareholder structure		Note
					Organization	Individual	
1	State shareholder	-	-	-	-	-	
2	Founding shareholder	68,043,863	19.64	3	1	2	Founding shareholder who is also a major shareholder *
	- Domestic	68,043,863	19.64	3	1	2	
	- Foreign	-	-	-	-	-	
3	Major shareholder	139,902,050	40.38	2	2	-	Founding shareholder who is also a major shareholder *
	- Domestic	59,156,178	17.07	1	1	-	
	- Foreign	80,745,872	23.30	1	1	-	
4	Treasury shares	-	-	-	-	-	
5	Shareholder holding preferred shares	-	-	-	-	-	
6	Other shareholders	197,708,274	57.06	19,045	59	18,986	
	- Domestic	184,739,490	53.32	18,637	29	18,608	
	- Foreign	12,968,784	3.74	408	30	378	
TOTAL		346,498,009	100	19,049	61	18,988	
	- Domestic	252,783,353	72.95	18,640	30	18,610	
	- Foreign	93,714,656	27.05	409	31	378	

* FPT Corporation is a founding shareholder and also a major shareholder.

Maximum foreign ownership ratio: On 17/02/2017, FPTS received Official Letter No. 852/UBCK-QLKD from The State Securities Commission regarding the maximum foreign ownership ratio at FPT Securities Joint Stock Company. Accordingly, the maximum foreign ownership ratio for the stock code FTS is 100%.

List of major shareholders

No.	Name	ERC/ Investor trading code	Address/ Head office	Number of shares	Percentage of ownership/ Charter capital (%)
1	FPT CORPORATION	0101248141	No. 10 Pham Van Bach Street, Cau Giay Ward, Hanoi City, Vietnam	59,156,178	17.07
2	SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	010401100313	Izumi Garden Tower 20F, 1-6-1 Roppongi, Minato Ward, Tokyo, Japan	80,745,872	23.30

GENERAL INFORMATION

Vision – Mission – Core values



VISION

FPTS aspires to become a powerful financial institution, the number one choice for domestic and foreign enterprises and investors, contributing to the sustainable development of the Vietnamese stock market.



MISSION

Focus on investing in improving qualifications for staff, upholding professional ethics, to achieve maximum customer satisfaction and trust.

To continuously invest in research and leverage technological strengths to deliver the highest quality products and services, providing customers with a convenient, secure, fast, and accurate trading system that ensures fairness and transparency.

To become the top choice for enterprises and investors both domestically and internationally.



CORE VALUES



PEOPLE

Identifying people as the core strength, FPTS always focuses on building a professional and dynamic working environment. Thanks to talent acquisition, efforts to build human resources, special attention to staff training, and upholding professional ethics, FPTS now has a team of highly qualified and experienced staff and experts.



TECHNOLOGY

FPTS has invested many resources to maximize the exploitation of technological strengths, building an information technology system that meets international standards, meeting the increasing needs of customers as well as the growing scale of the market both currently and in the future.

- *Advanced technology solutions with optimal features are always updated, upgraded, capable of expanding, and increasing rapidly;*
- *Trading software products can serve a very large number of transactions while being safe, secure, and achieving high speed, anytime, anywhere through online service channels or traditional trading: telephone, transaction counters;*
- *Online trading is secured by multiple methods, highly reputable user authentication devices, ensuring the safety of access data and data transmitted on the transmission line;*
- *The operating, management, and corporate governance system is maximally upgraded, applying advanced technologies, minimizing manual and cumbersome processing procedures, bringing maximum efficiency in management and administration at all levels.*

GENERAL INFORMATION

Formation and development process



Capital increase history

13/7/2007	200,000,000,000	Establishment of the Company.
11/2007	440,000,000,000	Issuance to existing shareholders and employees with a quantity of 24,000,000 shares.
4/2011	550,000,000,000	Capital increase through private placement of 11,000,000 shares to SBI Securities.
6/2012	733,323,900,000	Capital increase bonus share issuance at a 3:1 ratio for existing shareholders.
6/2015	806,648,700,000	Capital increase from owner's equity, at a 10:1 ratio for existing shareholders.
6/2016	903,437,270,000	Issuance of shares to pay dividends to shareholders, at a 12% ratio.
6/2017	993,769,520,000	Issuance of shares to pay dividends to shareholders, at a 10% ratio.
6/2018	1,093,136,880,000	Issuance of shares to pay dividends to shareholders, at a 10% ratio.
6/2019	1,202,440,510,000	Issuance of shares to pay dividends to shareholders, at a 10% ratio.
7/2020	1,322,673,490,000	Issuance of shares for capital increase from owner's equity to existing shareholders, at a 10% ratio.
6/2021	1,454,930,970,000	Issuance of shares for capital increase from owner's equity to existing shareholders, at a 10% ratio.
7/2021	1,475,672,970,000	Issuance of shares under the employee stock ownership plan in 2021.
9/2022	1,950,599,510,000	Issuance of shares under the employee stock ownership plan in 2022.
		Issuance of shares for capital increase from owner's equity to existing shareholders, at a 20% ratio.
		Issuance of shares to existing shareholders at a price of 10,000 VND/ share, at a 10% ratio.
6/2023	2,145,649,870,000	Issuance of shares for capital increase from owner's equity to existing shareholders, at a 10% ratio.
6/2024	3,003,894,160,000	Issuance of shares for capital increase from owner's equity to existing shareholders, at a 40% ratio.
6/2024	3,059,193,660,000	Issuance of shares under the employee stock ownership plan in 2024.
6/2025	3,365,096,090,000	Issuance of shares for capital increase from owner's equity to existing shareholders, at a 10% ratio.
7/2025	3,464,980,090,000	Issuance of shares under the employee stock ownership plan in 2025.

GENERAL INFORMATION

Development orientation

“

FPTS remains steadfast in its prudent risk management strategy by optimizing the investment and margin lending portfolio. In addition to tightening transaction security solutions and ensuring transparency in information disclosure, the Company focuses on enhancing service quality based on two core pillars: People and Technology.

”



PEOPLE

FPTS persists in its goal of standardizing the quality of its workforce. We not only focus on in-depth professional training but also pay special attention to fostering professional ethics, considering this a prerequisite for building trust and sustainable satisfaction for customers.



TECHNOLOGY

FPTS remains steadfast in its goal of using technology as the core driver of growth. We continuously invest in research and the application of advanced solutions to build a trading ecosystem that is Fast – Secure – Transparent, while ensuring accuracy, safety, and fairness. By optimizing the user experience based on a digital platform, FPTS is determined to affirm our position as the top priority choice for both domestic and foreign enterprises and investors.



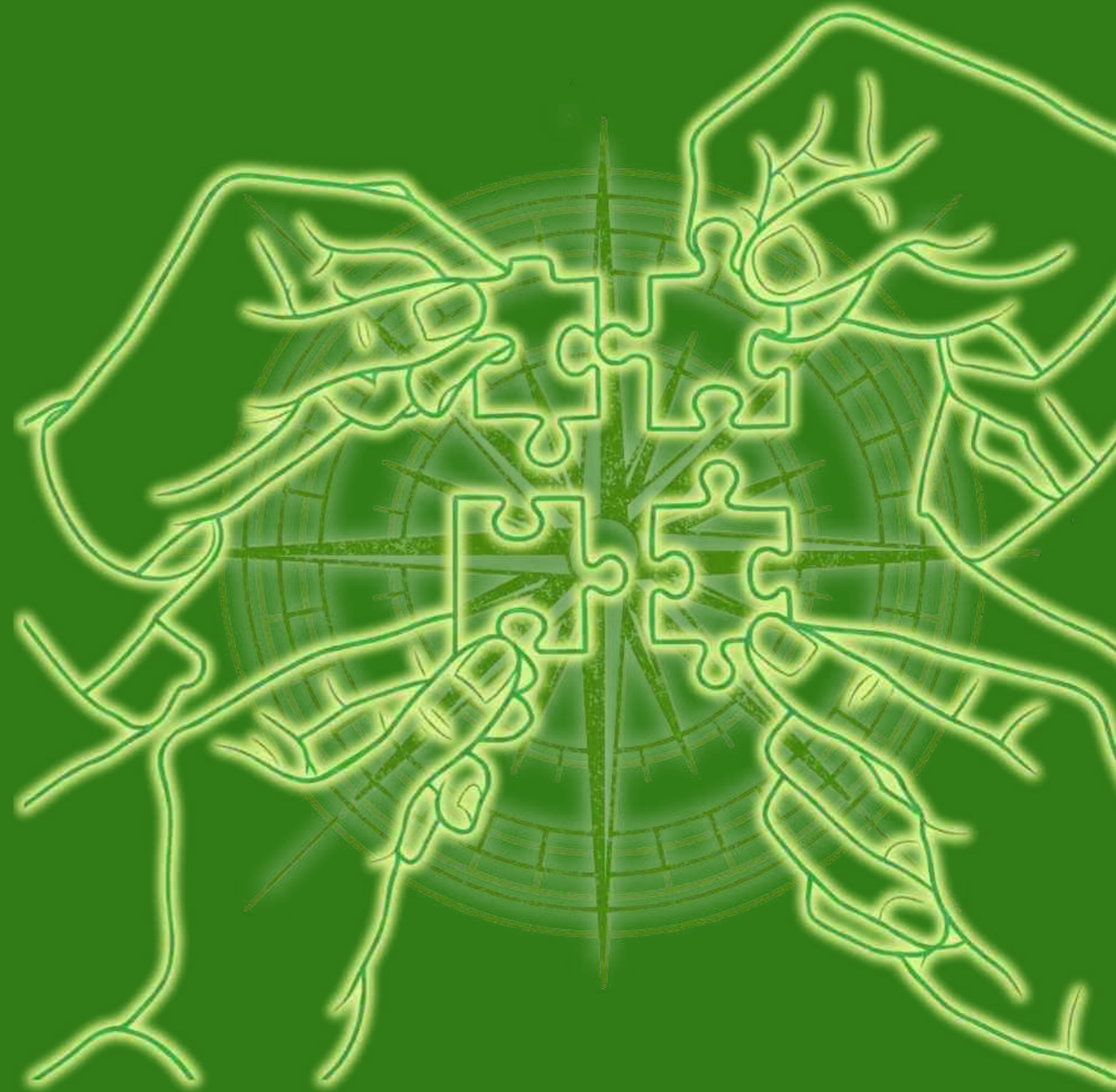
01 Overview
02
03
04
05
06

02

Part

ORGANIZATIONAL STRUCTURE

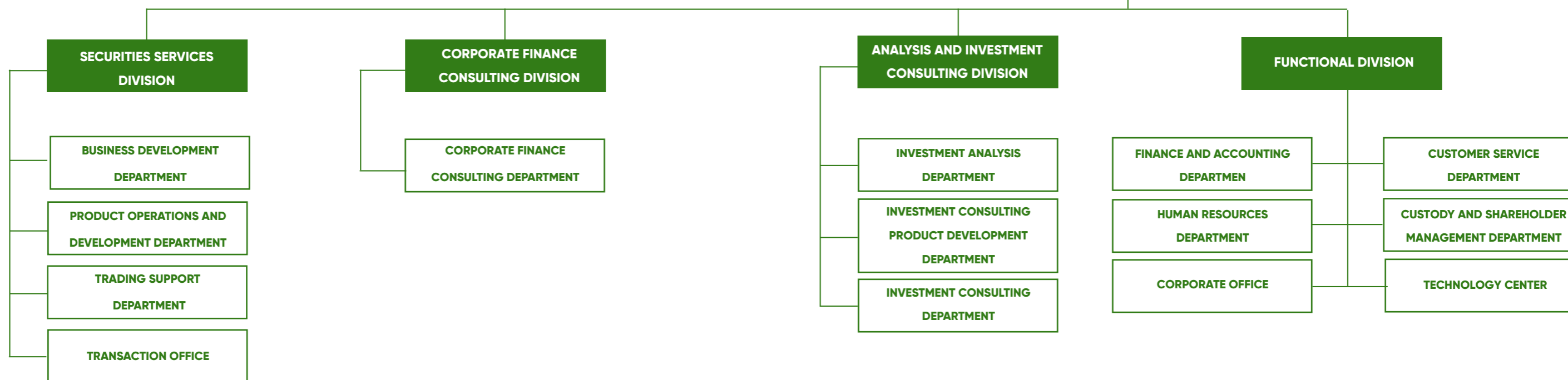
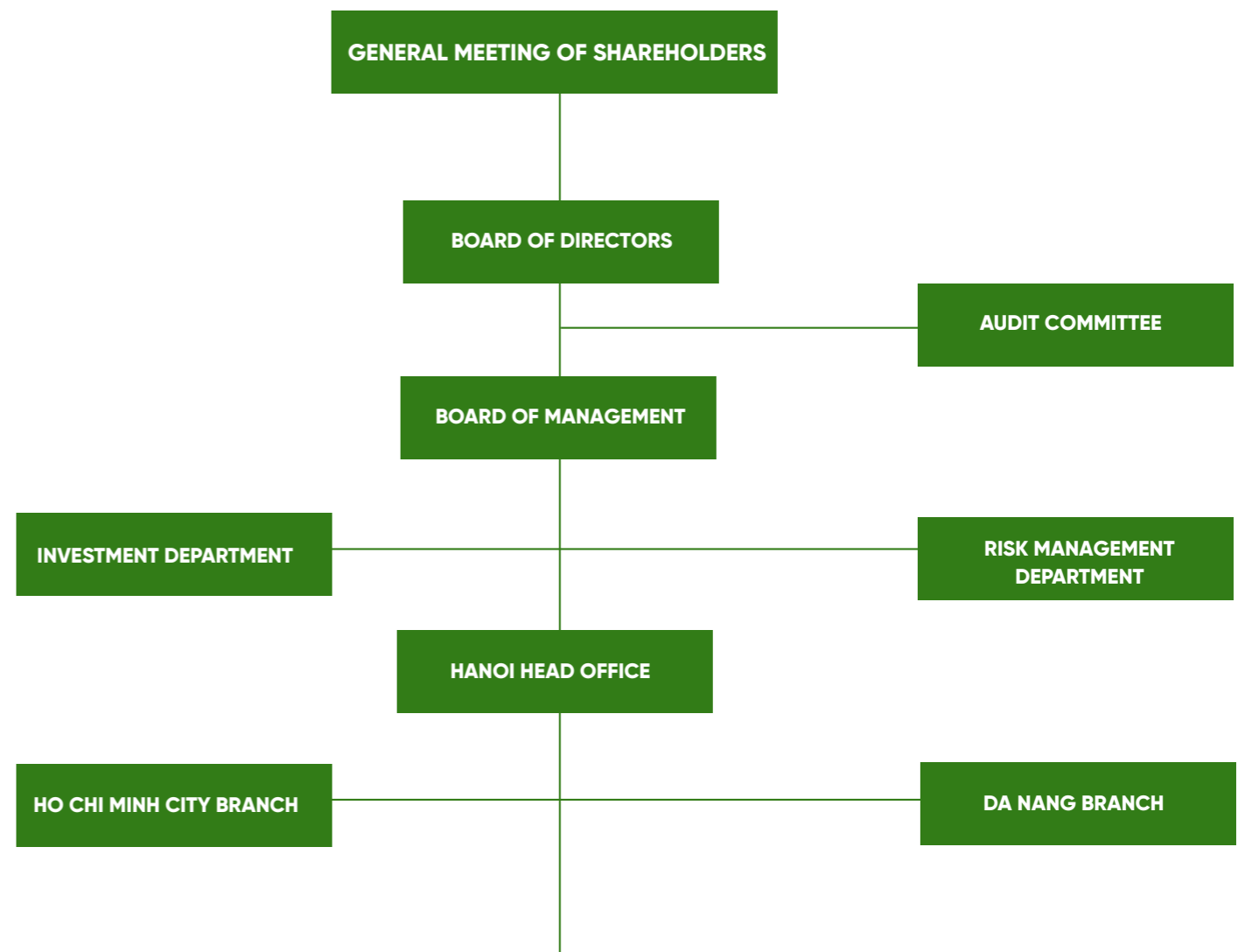
- 01. Management structure
- 02. Introduction of Board of Directors, Audit Committee, and Sub-committees
- 03. Introduction to the Board of Management
- 04. Information about subsidiaries and associates



MANAGEMENT STRUCTURE

In 2025, FPTS operates according to the model stipulated in Point b, Clause 1, Article 137 of the 2020 Law on Enterprises, including: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Audit Committee, Board of Management.

To meet business operation needs, FPTS currently has professional divisions (Securities Services Division, Corporate Finance Consulting Division, Analysis and Investment Division, Functional Division).



01

Organizational Structure

02

03

04

05

06

INTRODUCTION OF BOARD OF DIRECTORS, AUDIT COMMITTEE, AND SUB-COMMITTEES

BOARD OF DIRECTORS



MR. NGUYEN VAN DUNG

Chairman of the Board of Directors

Year of birth : 1976

Nationality : Vietnam

Professional qualifications : Bachelor of Banking Accounting, Bachelor of Foreign Languages (English Major)

Work experience

- 1996 – 1998 : Credit Officer, Risk Management Officer - Asia - Pacific Commercial Joint Stock Bank.
- 1998 – 2006 : Trade Finance Officer, Assistant to Director - Mizuho Corporate Bank, Hanoi Branch.
- 2006 – 2007 : In charge of operations, Trade finance - HSBC Bank, Hanoi Branch.
- 2007 – 3/2021 : Director of investment consulting - FPT Securities Joint Stock Company.
- 4/2018 – 7/2020 : Member of the Board of Directors - FPT Securities Joint Stock Company.
- 4/2019 – 7/2025 : Deputy General Director - FPT Securities Joint Stock Company.
- 8/2020 – present : Chairman of the Board of Directors - FPT Securities Joint Stock Company.



MR. NGUYEN DIEP TUNG

Member of the Board of Directors cum General Director

Year of birth : 1968

Nationality : Vietnam

Professional qualifications : Bachelor of Finance and Accounting

Work experience

- 1991 – 1993 : Officer of Finance and Accounting Department - FPT Corporation.
- 1993 – 2004 : Chief Accountant - FPT Corporation.
- 2004 – 2007 : Member of the Board of Directors, Head of Financial Planning Department, Chief Accountant - FPT Corporation.
- 2007 – 2010 : Member of the Board of Directors - FPT Corporation, General Director - FPT Securities Joint Stock Company.
- 2010 – 7/2020 : Chairman of the Board of Directors cum General Director - FPT Securities Joint Stock Company.
- 8/2020 – present : Member of the Board of Directors cum General Director - FPT Securities Joint Stock Company.



MR. DO SON GIANG

Non-executive member of the Board of Directors

Year of birth : 1973

Nationality : Vietnam

Professional qualifications : Bachelor of Accounting

Work experience

- 1997 – 2000 : Accountant - FPT Corporation.
- 2001 – 2003 : Deputy Head of Financial Planning Department - FPT Corporation.
- 2003 – 2010 : Chief Accountant, Head of Finance and Accounting Department - FPT Information System Company (FIS).
- 2010 – 2017 : Deputy General Director, Head of Finance and Accounting Department - FPT Information System Company (FIS); member of the Board of Directors - FPT Securities Joint Stock Company.
- 2017 – 5/2024 : Deputy General Director - FPT Information System Company Ltd. (FIS); member of the Board of Directors - FPT Securities Joint Stock Company.
- 5/2024 – present : Deputy General Director - FPT IS Company Ltd.; member of the Board of Directors - FPT Securities Joint Stock Company.

INTRODUCTION OF BOARD OF DIRECTORS, AUDIT COMMITTEE, AND SUB-COMMITTEES

BOARD OF DIRECTORS



MR. TRAN THANH TUNG

Independent Member of the Board of Directors

Year of birth : 1978
 Nationality : Vietnam
 Professional qualifications : Bachelor of Accounting

Work experience

- 12/2001 – 11/2004 : Auditor – Saigon Auditing and Financial Accounting Consulting Company.
- 11/2004 – 4/2007 : Chief Accountant – Hanoi Entertainment and Sports Culture Center Co., Ltd.
- 4/2007 – 4/2008 : Financial Consulting Specialist – FPT Securities Joint Stock Company.
- 4/2008 – 9/2017 : Chief Accountant, Head of Supervisory Board, and Financial Director – Tran Anh Digital World Joint Stock Company.
- 01/2018 – 8/2021 : Finance Manager and Sales Operation Manager – Viet Uc Refrigeration Electrical Engineering Group Joint Stock Company.
- 01/2022 – present : Finance Manager and Sales Operation Manager – Viet Uc Refrigeration Electrical Engineering Group Joint Stock Company.
- 3/2022 – present : Independent Member of the Board of Directors, Chairman of the Audit Committee, and Head of Internal Audit Department – FPT Securities Joint Stock Company.

MR. KENJI NAKANISHI

Member of the Board of Directors

Year of birth : 1966
 Nationality : Japan
 Professional qualifications : Bachelor of Law

Work experience

- 4/1992 – 11/2021 : Executive Director – Securities Company under Daiwa Securities Group.
- 7/2022 – 4/2023 : Manager at Overseas Business Management Department – SBI Holdings Inc.
- 5/2023 – present : Executive Director – SBI Royal Securities Plc (Cambodia), SBI Holdings Inc.
- 3/2024 – present : Member of the Board of Directors – FPT Securities Joint Stock Company.

INTRODUCTION OF THE BOARD OF MANAGEMENT

AUDIT COMMITTEE

MR. TRAN THANH TUNG

Chairman of the Audit Committee and Independent Member of the Board of Directors

(Introduced in the BOD Members section)

MR. DO SON GIANG

Member of the Audit Committee and Member of the Board of Directors

(Introduced in the BOD Members section)



MS. NGUYEN THI THU HUONG

Deputy General Director, Chief Accountant

(Dismissed as Chief Accountant from February 01, 2026)

Year of birth : 1974
 Nationality : Vietnam

Professional qualifications : Bachelor of Finance and Accounting

Work experience

- 1994 – 2003 : Accountant – FPT Technology Investment Development Company.
- 2003 – 2004 : General Accountant – FPT Distribution Co., Ltd.
- 2004 – 2006 : Chief Accountant – FPT Software Solutions Co., Ltd.
- 01/2007 – 6/2007 : Accountant – FPT Technology Investment Development Company.
- 7/2007 – 01/2026 : Chief Accountant and Head of Finance and Accounting Department – FPT Securities Joint Stock Company.
- 4/2019 – present : Deputy General Director – FPT Securities Joint Stock Company.

BOARD OF MANAGEMENT

MR. NGUYEN DIEP TUNG

General Director

(Introduced in the BOD Members section)

MR. NGUYEN VAN DUNG

Deputy General Director

(Dismissed from July 23, 2025)

INTRODUCTION OF THE BOARD OF MANAGEMENT

BOARD OF MANAGEMENT



MS. NGUYEN THI HANH

Deputy General Director

Year of birth : 1976

Nationality : Vietnam

Professional qualifications : Master of Economics

Work experience

- 01/01/1998 - 30/6/2006 : Chief Accountant - Ngoc Diep Production and Trading Company.
- 01/7/2006 - 31/3/2007 : Accountant in charge - Ho Chi Minh City General Import-Export Investment Company - Hanoi Branch.
- 01/4/2007 - 30/5/2008 : Corporate Finance Advisory Specialist - FPT Securities Joint Stock Company.
- 01/6/2008 - 30/4/2013 : Deputy Director of Corporate Finance Advisory Department - FPT Securities Joint Stock Company.
- 01/5/2013 - 30/6/2021 : Director of Corporate Finance Advisory - FPT Securities Joint Stock Company.
- 01/7/2021 - present : Director of Corporate Finance Advisory Division - FPT Securities Joint Stock Company.
- 23/7/2025 - present : Deputy General Director - FPT Securities Joint Stock Company.

Information about Subsidiaries and associates

The Company has no subsidiaries or associates.



MS. NGUYEN THI SON

Chief Accountant

(Appointed as Chief Accountant from February 01, 2026)

Year of birth : 1980

Nationality : Vietnam

Professional qualifications : Bachelor of Finance and Accounting

Work experience

- 3/2003 - 12/2006 : Accountant - FPT Software Solutions Co., Ltd.
- 01/2007 - 6/2007 : Accountant - FPT Technology Investment Development Joint Stock Company.
- 7/2007 - 10/2007 : General Accountant - FPT Securities Joint Stock Company.
- 11/2007 - 5/2009 : Deputy Head of Finance and Accounting Department - FPT Securities Joint Stock Company.
- 6/2009 - 01/2026 : Deputy Head of Finance and Accounting Department - FPT Securities Joint Stock Company.
- 02/2026 - present : Chief Accountant, Head of Finance and Accounting Department - FPT Securities Joint Stock Company.

03 *Part*

REPORT ON 2025 ACTIVITIES

01. Overview of vietnam's securities industry in 2025
02. Report on activities of the Board of Management
03. Organization and human resources
04. Investment status and project implementation
05. Business outlook for 2026
06. Future development plan
07. Explanations of the Board of Management regarding the audit opinions
08. Evaluation report on environmental and social responsibilities of the company

OVERVIEW OF VIETNAM'S SECURITIES INDUSTRY IN 2025

01

02

Report on 2025 activities

03

04

05

06



The year 2025 marked a period of robust growth for the Vietnamese stock market, with positive developments in both index levels and liquidity. The VN-Index ended the year at 1,784.49 points, establishing a new historical closing peak. This represented an increase of 517.71 points, or 40.87%, compared to the end of 2024. Meanwhile, the HNX-Index closed the year at 248.77 points. Despite a slight correction toward the year-end, it recorded a cumulative annual increase of 21.34 points, equivalent to 9.38%.

Market liquidity saw distinct improvements. The average daily trading volume on HOSE reached over 1 billion shares per session, up 29% compared to 2024. On HNX, the volume reached nearly 93.40 million shares per session, an increase of over 32%. These movements reflected a strong return of domestic capital flows and indicated investor expectations for a new growth cycle in the market.

However, the market's upward momentum in 2025 was not one-dimensional. It was influenced by a mix of external factors, the progress of infrastructure completion, and the evolution of the legal framework, as well as changes in the industry's structure and competitive intensity. In this context, several prominent events in 2025 significantly impacted the trends of the Vietnamese stock market.

1,784.49 Points **↑ 40.87%**
VN-INDEX compared to the end of 2024



1,000 Million shares / session
AVERAGE TRADING VOLUME ON HOSE
↑ 29%
 compared to 2024

93.40 Million shares / session
AVERAGE TRADING VOLUME ON HNX
↑ 32%
 compared to 2024



RISING GLOBAL TRADE RISKS

On April 2, 2025, the United States announced the application of tariff measures against several countries, including Vietnam. This event intensified concerns regarding international trade outlooks, impacting investor sentiment in the short term and placing additional pressure on export-related sectors. However, the Vietnamese economy continued to demonstrate relatively strong adaptability, helping to maintain the foundation for the capital market. Despite these challenges, the market quickly absorbed the information and maintained a positive trend in the following months, highlighting the increasingly prominent leading role of domestic capital flows.



TRANSACTION INFRASTRUCTURE COMPLETION: OFFICIAL OPERATION OF THE KRX SYSTEM

On May 5, 2025, the new information technology system for the Vietnamese stock market (the KRX system) was officially put into operation. The commencement of the KRX system has enhanced transaction processing capacity, improved transparency, and ensured system safety, while providing a foundation for the implementation of new products and services in line with international practices. This is considered a crucial preparatory step for the in-depth development of the market.

OVERVIEW OF VIETNAM'S SECURITIES INDUSTRY IN 2025



LEGAL FRAMEWORK COMPLETION FOR MARKET UPGRADE GOALS

On September 11, 2025, Decree 245/2025/ND-CP was officially issued to amend and update Decree 155/2020/ND-CP. This is a pivotal legal document providing detailed regulations for the implementation of certain articles of the Law on Securities.

In addition to guiding the implementation of Law 56/2024/QH15 (which amends and supplements several articles of Law 54/2019/QH14 on Securities), Decree 245/2025/ND-CP was developed to resolve practical shortcomings in the stock market's operations. It aims to enhance the effectiveness of State management over securities and the stock market, ensuring that the market operates in a public, transparent, and efficient manner, while protecting the legal rights and interests of all market participants.



SIGNIFICANT MILESTONE IN THE MARKET UPGRADE ROADMAP

On October 8, 2025, Vietnam recorded a significant step forward in the roadmap evaluated by international market rating agencies regarding its potential upgrade from a Frontier Market to a Secondary Emerging Market. This event reflects the outcomes of reform efforts in infrastructure, the legal framework, and market accessibility, while reinforcing expectations for attracting medium- to long-term capital flows in the coming period. In the context of the VN-Index maintaining strong upward momentum and liquidity showing marked improvements in the second half of the year, this milestone is seen as a factor that further bolsters market confidence and the medium- to long-term expectations of investors.



INTENSIFYING INDUSTRY COMPETITION AND RESTRUCTURING OF THE SECURITIES SECTOR

A number of large-scale securities companies announced plans to restructure their operations and prepare medium- to long-term capital mobilization schemes, including potential public offerings. This trend reflects market expectations for a new growth cycle, while simultaneously highlighting the increasing competitive intensity within the securities industry. As market liquidity improved significantly and the VN-Index established a new price floor, securities companies faced higher requirements regarding financial capacity, technology investment, service quality, and governance efficiency. Consequently, this has accelerated the screening and restructuring process toward sustainable development.

In the context of the market entering a new growth phase with both opportunities and challenges, FPTS remains steadfast in its prudent development strategy, focusing on core business segments, enhancing risk management capabilities, and making selective investments in technology and human resources. On this foundation, the Company proactively optimizes operational efficiency, consolidates service quality, and maintains financial discipline to strive for sustainable growth and create long-term value for shareholders.



01
02
03 Report on 2025 activities
04
05
06

REPORT ON ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT

2025 BUSINESS RESULTS COMPARED TO PLAN

Organization and Personnel

On April 02, 2025, the Securities Services Division - FSS was established to align with business conditions and organizational structure.

Personnel at the beginning of the year was 458 persons, and 415 persons at the end of the year.

Technology, products, and services

Launching New Apps with various improvements.

Successfully connecting to the KRX system of Stock Exchanges and VSDC.

Continuing to develop and upgrade systems, and perfecting utilities for investors and corporate clients.

Implementing transaction fee reductions to Zero fee.

Prioritizing investment in technology infrastructure development, increasing system capacity, and ensuring safe and stable system operation to serve customers.

Enhancing the quality of investment advisory services.

Risk Management

Proactively identifying and assessing risks to minimize potential impacts. Ensuring no non-performing loans (NPLs) arise from margin lending activities.

Other

Completed the 2024 cash dividend payment to shareholders at a rate of 5%. Completed the capital increase from owner's equity at a rate of 10% and the ESOP issuance for management officers in accordance with the approved 2025 Annual General Meeting of Shareholders resolution.

Implemented full, timely, and transparent information disclosure.

Perfecting the system of procedures, operating according to these procedures, and conducting quality assessments.

In its operations, the Company always integrates profit goals with environmental protection and social responsibility. The Company has also coordinated with the State Securities Commission to organize numerous workshops to enhance the understanding of the investment and business communities, aiming toward the sustainable development of the stock market in general. For employees, the Company always cares for their physical and mental health through periodic health check-ups, health insurance programs, and sports facilities, among others.



The year 2025 concluded with positive results for FPT5 amidst increasingly fierce competition in the stock market. The Company recorded realized Revenue of VND1,321.68 billion, an increase of 31.37% compared to 2024; realized profit before tax reached VND 617.30 billion, up 20.41% over the same period.

These results not only helped FPT5 exceed its annual plan, with revenue and profit before tax achievement rates reaching 132.17% and 123.46% respectively, but also reflected the efforts in flexible adaptation, optimization of core business segments, and effective cost management by the Board of Management and the entire staff.



▶ **1,321.68** VND Billion
REALIZED REVENUE

reached **132.17%**
of the 2025 Plan

↑ **31.37%**
compared to 2024 Actual

▶ **617.30** VND Billion
REALIZED PROFIT BEFORE TAX

reached **123.46%**
of the 2025 Plan

↑ **20.41%**
compared to 2024 Actual

REPORT ON ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT

BUSINESS RESULTS OVER THE YEARS

Unit: VND Billion

No.	Indicators	In 2023	In 2024	In 2025	Growth
1	OPERATING INCOME	944.17	1,147.75	1,205.81	5.06%
1.1	Gains from financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	155.20	245.49	157.76	-35.74%
1.2	Interest from loans and receivables	443.22	589.27	753.62	27.89%
1.3	Revenue from brokerage services	297.41	250.44	215.51	-13.95%
1.4	Revenue from guarantee, securities issuance agent	-	-	0.56	-
1.5	Revenue from securities investment consultancy	4.07	13.22	13.59	2.80%
1.6	Revenue from custody securities	11.10	12.56	19.25	53.26%
1.7	Revenue from financial advisory activities	32.77	36.50	44.93	23.10%
1.8	Revenue from other activities.	0.39	0.28	0.58	107.14%
2	OPERATING EXPENSE	328.96	405.56	620.10	52.90%
2.1	Loss from financial assets at fair value through profit or loss (FVTPL)	2.88	0.91	2.58	183.52%
2.2	Contingency cost of financial assets, handling losses of bad receivables, impairment of financial assets and costs of loans	116.14	179.00	368.50	105.87%
2.3	Expenses for business operating	0.11	0.42	0.84	100.00%
2.4	Expenses for brokerage services	174.88	180.56	187.06	3.60%
2.5	Expenses for activities of guarantee, securities	-	-	0.50	-
2.6	Expenses for securities investment consultancy	3.77	12.09	17.66	46.07%
2.7	Expenses for custody securities	16.62	18.01	23.95	32.98%
2.8	Expenses for financial advisory services	14.57	14.58	19.00	30.32%
2.9	Other operating expenses	-	-	-	-

Unit: VND Billion

No.	Indicators	In 2023	In 2024	In 2025	Growth
3	FINANCIAL INCOME	9.11	8.83	9.26	4.87%
3.1	Revenue, accrued dividends, and non-fixed deposit interest	9.11	8.83	9.26	4.87%
4	ADMINISTRATIVE EXPENSES OF SECURITIES COMPANY	83.58	89.84	85.55	-4.78%
5	OPERATING PROFIT	540.73	661.17	509.41	-22.95%
6	OTHER INCOME AND EXPENSE	1.21	2.00	1.28	-36.00%
6.1	Other income	48.68	58.10	69.91	20.33%
6.2	Other expense	47.46	56.10	68.63	22.34%
7	PROFIT BEFORE TAX	541.94	663.17	510.69	-22.99%
8	PROFIT AFTER TAX	444.92	567.32	396.75	-30.07%

Although revenue from two activities, securities brokerage and gains from FVTPL, experienced a decline compared to 2024, with reduction rates of 13.95% and 35.74% respectively, the 27.89% growth in interest from loans and receivables led the revenue growth momentum of FPTC, contributing significantly to the Company's positive business results. While the financial advisory revenue segment accounted for only 3.73%, it has shown stable growth over the years, increasing by 23.10% year-on-year in 2025.

ASSETS AND RESOURCES POSITION

Unit: VND Billion

Indicators	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	Growth
CURRENT ASSETS	8,045.92	9,580.16	13,750.83	43.53%
Financial assets	8,041.27	9,574.61	13,746.42	43.57%
Other current assets	4.64	5.55	4.42	-20.36%
NON-CURRENT ASSETS	188.77	179.40	168.84	-5.89%
Fixed assets	155.49	142.60	132.80	-6.87%
Construction in progress	-	-	-	-
Other non-current assets	33.28	36.80	36.05	-2.04%
Provision for impairment of non-current assets	-	-	-	-
TOTAL ASSETS	8,234.68	9,759.56	13,919.68	42.63%

REPORT ON ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT

ASSETS AND RESOURCES POSITION

Unit: VND Billion

Indicators	In 2023	In 2024	In 2025	Growth
LIABILITIES	4,590.75	5,641.59	9,499.71	68.39%
Current liabilities	4,590.75	5,641.59	9,499.71	68.39%
Non-current liabilities	-	-	-	-
OWNER'S EQUITY	3,643.94	4,117.97	4,419.97	7.33%
Owner's equity	3,643.94	4,117.97	4,419.97	7.33%
Other funds and resources	-	-	-	-
TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY	8,234.68	9,759.56	13,919.68	42.63%

▶ **13,919.68** VND Billion
TOTAL ASSETS

↑ **42.63%**
compared to 2024

As of the end of 2025, the Company's total assets increased significantly from VND 9,759.56 billion to VND 13,919.68 billion, recording a growth of 42.63% compared to the beginning of the year. The core driver of this breakthrough came from the current assets group. Within the current asset structure, loans and cash and cash equivalents were the items with the most material impact. On the contrary, non-current assets decreased slightly by 5.89%, mainly due to the recognition of fixed asset depreciation.

▶ **9,499.71** VND Billion
TOTAL LIABILITIES

↑ **68.39%**
compared to 2024

In 2025, total resources reached VND 13,919.68 billion, up 42.63% from the beginning of the year. Of which, liabilities and owner's equity recorded increases of 68.39% and 7.33%, respectively. The increase in liabilities at the end of the year primarily came from short-term borrowings, accounting for over 92.19% of total liabilities, aimed at supplementing resources for margin lending activities. The increase in owner's equity during the period mainly resulted from accumulated undistributed profits.

During the year, the Company did not incur any overdue debt and was not affected by exchange rate fluctuations.

MAJOR FINANCIAL INDICATORS

Indicators	Unit	In 2023	In 2024	In 2025
Solvency ratio				
Current ratio	Times	1.75	1.70	1.45
Quick ratio	Times	0.27	0.10	0.31
Capital structure ratio				
Debt/Total assets ratio	%	67.90	62.70	80.24
Debt/Owner's Equity ratio	%	131.31	145.37	222.53
Operation capability ratio				
Operating revenue/Average owner's equity	Turns	0.27	0.30	0.28
Operating revenue/Average total assets	Turns	0.14	0.13	0.10
Profitability indicators				
Profit after tax/Operating revenue ratio	%	47.12	49.43	32.90
Return on Assets (ROA)	%	6.58	6.31	3.35
Return on Equity (ROE)	%	12.73	14.62	9.29



REPORT ON ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT

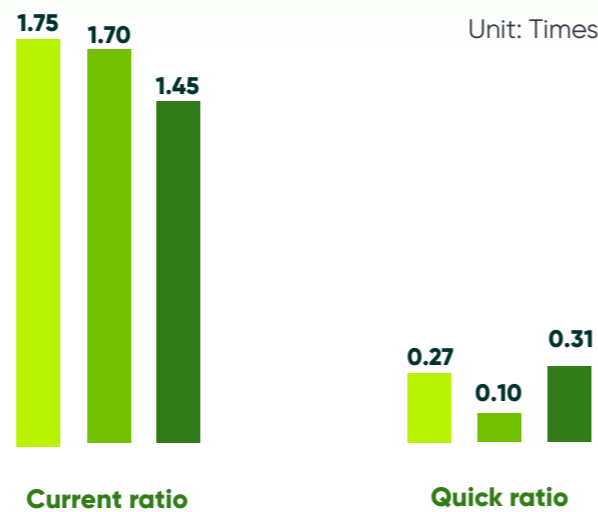
MAJOR FINANCIAL INDICATORS

Amidst fierce competitive pressure on transaction fees and interest rates, FPTs has proactively adjusted its financial structure by expanding its debt scale to finance core business activities, while accepting a short-term decline in profitability to consolidate market share and risk management.

Key Financial Indicators for 2025 are as follows:

Solvency ratio

Abundant cash reserves helped the quick ratio improve significantly compared to 2024. At the same time, as the growth rate of current liabilities exceeded that of current assets in 2025, the current ratio decreased slightly to 1.45 times, but still maintained a safe level.



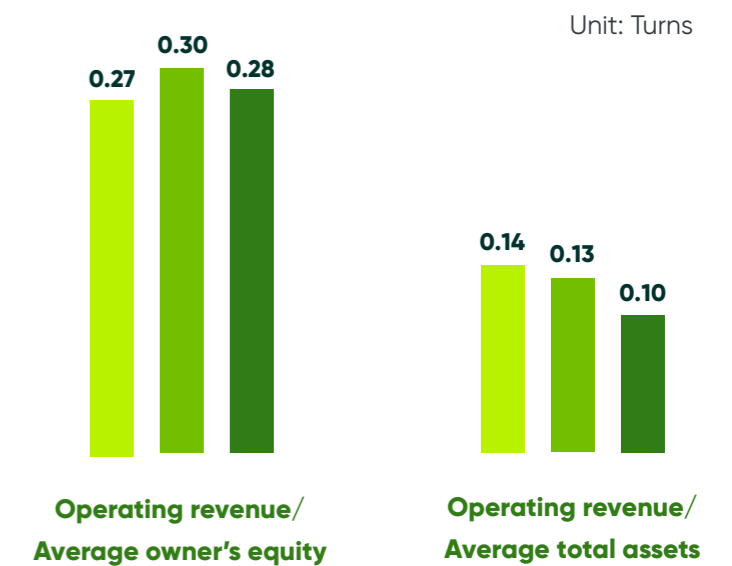
Capital structure ratio

Liabilities and owner's equity in 2025 increased by 68.39% and 7.33%, respectively. The expansion of margin lending activities caused the debt-to-total assets ratio to increase from 62.70% to 80.24%, and the debt-to-equity ratio to rise to 222.53%. The Company's liability structure continues to consist entirely of current liabilities.



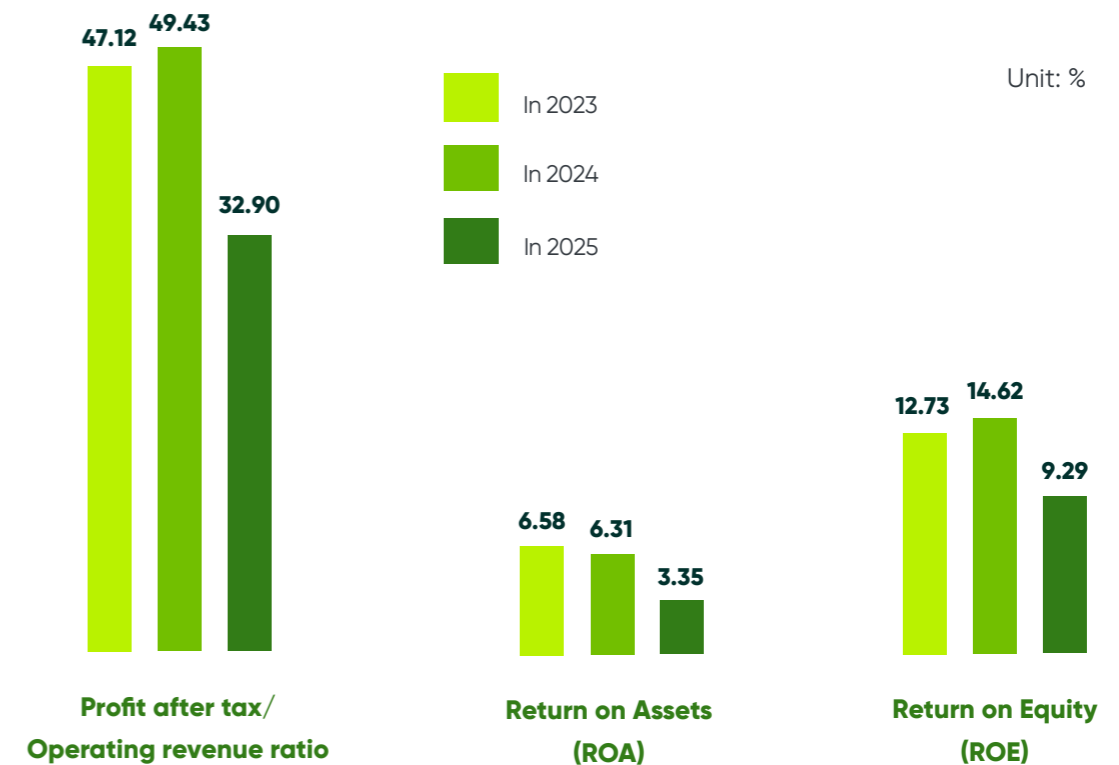
Operation capability ratio

The growth rate of operating revenue was slower than the expansion of total assets and owner's equity; consequently, the operating revenue to average total assets and average owner's equity ratios decreased slightly, reaching 0.10 turns and 0.28 turns, respectively.



Profitability indicators

Overall, the Company's profitability indicators in 2025 all experienced a decline due to the impact of FVTPL asset revaluation on profit, while the scale of total assets and owner's equity increased significantly.



01
02
03 Report on 2025 activities
04
05
06

REPORT ON ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT

ORGANIZATION AND HUMAN RESOURCES

Unit: Person

No.	Criteria	In 2024	In 2025
I BY QUALIFICATION			
1	University and Postgraduate	431	395
2	College and Professional Intermediate	12	8
3	General labor	15	12
II BY GENDER			
1	Male	233	207
2	Female	225	208
TOTAL		458	415



Recruitment policy

The Company always values the individual capability of every employee and welcomes candidates who wish to contribute and commit to long-term cooperation, possessing knowledge, competence, professional qualifications, as well as a professional and dynamic working style. To attract talent, the Company maintains clear and reasonable remuneration policies, especially for outstanding employees with significant contributions. Furthermore, the Company strictly complies with all legal requirements regarding labor employment and adheres to working hour standards. Labor recruitment is conducted in accordance with job requirements and legal regulations.

Staff training policy

Recruited officers and employees will be supported by the Company with professional training to enhance their expertise, aiming to serve the Company's operations.



Social welfare policy

The Company ensures all statutory benefits for employees (Social Insurance, Health Insurance, etc.). Notably, the Company implements a comprehensive healthcare insurance policy, FPT Care, for all officers and employees. Annually, the Company maintains rewarding policies for outstanding employees and organizes collective activities and teambuilding for staff. Additionally, the Company fully implements other welfare benefits in accordance with the labor law and the Company's collective labor agreement (funeral and wedding gifts, sickness visits, employee birthdays, etc.).

Remuneration policy

Salary policy: To ensure fairness and reasonableness in compensation, the Company has established a salary and bonus regulation, categorized by the specific job levels held by employees.

Overtime pay: The Company supports and provides overtime pay in strict accordance with the current labor code and the collective labor agreement.

Bonus policy: Annually, the Company conducts performance appraisals and employee rankings, implementing a 13th-month salary bonus scheme. Additionally, based on annual business performance, the Company executes a business efficiency bonus policy for officers and employees according to their competence, task completion level, and contribution to the Company's overall business results.

01
02
03 Report on 2025 activities
04
05
06

REPORT ON ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Investment status and project implementation

None

Business outlook for 2026



Moving into 2026, the global economy is expected to be more stable as growth remains moderate and market sentiment is supported by the prospects of monetary policy easing in major economies. International organizations (IMF, World Bank, OECD) forecast that the global economy will maintain stable growth at 2.6%–3.0%, equivalent to 2025. However, risks remain from trade conflicts and tariff policy fluctuations, causing international capital flows to continue diversifying based on the macroeconomic stability and growth quality of each market.

In Vietnam, the Government has set a GDP growth target of 10% or higher; the macroeconomic foundation for 2026 is positively assessed thanks to accelerated public investment, institutional reforms, and the recovery of domestic demand. Interest rates are expected to remain at reasonable levels, thereby supporting production and business activities while consolidating corporate profit prospects.

For the Vietnamese stock market, 2026 is expected to enter a market cycle expansion phase, with relatively attractive valuations and continued progress in market reforms. The market upgrade story is considered a key catalyst for capital flows and liquidity. In this context, FPT has opportunities to scale up its core segments (brokerage, lending), while expanding corporate financial advisory as capital raising demands and market transactions increase. The focus will be on upgrading technology, optimizing resources, and strengthening risk management to effectively leverage growth opportunities in 2026.

Future development plan

Based on the 2025 business results and the 2026 market forecast, the Board of Management of FPT proposes the 2026 business plan as follows:

Indicators	2025 Actual (VND Billion)	2026 Plan (VND Billion)	Growth
Realized revenue	1,321.68	1,200.00	-9.21%
Realized profit before tax	617.30	550.00	-10.90%



Human resources

- Continue to promote training and enhance professional qualifications for officers and employees.

Technology, products, and services

- Develop and launch new products/utilities for customers;
- Launch the new Web Trading platform;
- Apply AI technology to operations;
- Continuously upgrade and improve the system to ensure secure operations with high transaction volumes;
- Ensure the system operates safely and efficiently.



Explanations of the Board of Management regarding the audit opinions

None.

01
02
03 Report on 2025 activities
04
05
06

REPORT ON ACTIVITIES OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Evaluation report on environmental and social responsibilities of the Company

01

02

Report on 2025 activities

03

04

05

06

ENVIRONMENTAL RESPONSIBILITY

Although the Company's business nature does not consume significant amounts of electricity and water for operations, FPTs is always conscious of the importance of these two finite resources to society's general needs. The Company consistently strives to control and economize electricity and water usage, fostering an internal culture oriented towards a green, clean, and beautiful environment as an ongoing effort.

FPTS implements electricity and water-saving programs throughout the Company and disseminates awareness to every officer and employee regarding the rational and efficient use of these energy sources:

- Turning off electrical devices when not in use;
- Keeping windows and doors closed while air conditioning is on;
- Installing water taps with air-pressured mechanisms for water conservation.

Since 2019, FPTs has implemented electricity and water-saving measures. To maintain and promote the long-term effectiveness of these activities, in subsequent years, FPTs has strengthened communication to enhance saving awareness among all officers and employees.

Since 2022, the Company has applied heat-insulation films to the building's glass surfaces to maximize energy efficiency.

RESPONSIBILITY TOWARDS EMPLOYEES

Beyond providing benefits such as salaries and bonuses, FPTs aims to empower employees to enhance their future career paths and prepare them to face global labor market challenges. Therefore, the Company prioritizes training for various staff levels and leadership through diverse formats. Furthermore, employee education and training contribute to ensuring the business meets increasing market demands for labor quality and customer service.

FPTS manages its education and training through a system of onboarding programs for new hires and internal professional training. Training result reports are submitted by the Human Resources Department to the Board of Management annually or upon specific events throughout the year. Additionally, on a monthly basis, the Company rewards investment consultants with the best performance and honors outstanding collectives and individuals annually to create motivation and enhance business efficiency.

COMMUNITY AND SOCIAL RESPONSIBILITY

Compliance with environmental, economic, and social regulations represents a business's fundamental responsibility regarding its impacts. FPTs consistently ensures the highest level of compliance, which affirms the Company's management capacity, mitigates remedial obligations, and strengthens the corporate profile.

The Office, Human Resources, and Professional Departments are responsible for updating relevant legal requirements to ensure compliance and adjust the Company's operations accordingly. The Company maintains a registry of legal documents and specific requirements to be applied across all officers and employees.

CUSTOMER INFORMATION SECURITY

Amidst the Fourth Industrial Revolution (Industry 4.0) boom, information security has become a paramount concern for every business. FPTs constantly strives to maintain the privacy of customers using its services to protect the interests of both clients and the enterprise. This security commitment is stipulated in binding agreements within the contracts signed with each specific partner.

FPTS manages customer information security through a system authorized by modular layers and individual user permissions. Information regarding customer data security is reported to the Leadership Team regularly or upon the occurrence of specific issues.

CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY (CSR) ACTIVITIES

Over more than 18 years of establishment and development, FPTs has continuously achieved significant success, earning customer trust and asserting its position as a leading securities company in Vietnam. In its relentless pursuit of becoming a powerful financial institution, FPTs has made substantial contributions to the State and local budgets over the years. The Company ensures stable employment and income for hundreds of laborers and provides the market with the highest quality products and services. By offering customers a secure, convenient, accurate, fast, and fair trading system, FPTs has gradually transformed the landscape of the stock market, promoting national and local socio-economic development.



04

Part

CORPORATE GOVERNANCE

01. Assessment of the Company's operations
02. Assessment of the Board of Management's performance
03. Plans and orientations of the Board of Directors for 2026
04. Report on the Audit Committee's activities in 2025
05. Recommendations and orientations for the Audit Committee's activities in 2026
06. Transactions, remuneration, and other benefits
07. Assessment of compliance with corporate governance regulations
08. Risk management

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

ASSESSMENT OF THE COMPANY'S OPERATIONS

In 2025, global economic growth slowed to approximately 3.20%. U.S. trade protectionist policies, characterized by new tariff packages, disrupted global trade and investment capital flows. The world continued to face numerous challenges from high debt pressures and geopolitical instability. Global inflation trended downward, allowing major central banks to begin lowering interest rates. During 2025, the Fed implemented three rate cuts, totaling a 0.75% reduction for the year, bringing interest rates to the 3.50%–3.75% range.

Growth rates across regions and major economies showed significant divergence. According to IMF forecasts, in 2025, advanced economies (including North America and Europe) achieved a growth rate of 1.60%, while the Asia-Pacific region was projected to grow significantly higher than the global average, at approximately 4.50%. In Vietnam, 2025 recorded an impressive GDP growth rate of 8.02%, meeting the targets set by the National Assembly and the Government. GDP per capita reached USD 4,700, an increase of USD 377 compared to 2024. Inflation was controlled at appropriate levels. The average Consumer Price Index (CPI) for 2025 increased by 3.31%, lower than the 3.63% increase in 2024 and outperforming the National Assembly's target. Core inflation rose by 3.21%.

The number of business registrations in 2025 surged following the effective implementation of Resolution No. 68-NQ/TW. New market entrants reached 297,500 businesses, up 27.40% year-on-year and 1.30 times the number of businesses withdrawing from the market. The total supplementary registered capital added to the economy in 2025 reached nearly VND 6.40 quadrillion, a 77.80% increase compared to 2024. Of this, additional registered capital from existing enterprises accounted for over VND 4.40 quadrillion, up 118.30%.

Realized foreign direct investment (FDI) for the year reached USD 27.62 billion, a 9% increase, marking the highest level in the 2021–2025 period.

In 2025, FPTS recorded a realized profit before tax of VND 617.30 billion, achieving 123.46% of its target and increasing by 20.4% compared to 2024. As of December 31, 2025, FPTS's total assets reached VND 13,919.68 billion, with owner's equity at VND 4,419.97 billion. During the year, the Company also completed its charter capital increase from VND 3,059 billion to VND 3,465 billion. These results reflect the dedicated efforts of the Board of Management and staff amidst increasingly fierce market competition.

MARGIN LENDING ACTIVITIES

FPTS continues its orientation toward strict risk management, ensuring safety and preventing the occurrence of bad debts.

SECURITIES TRADING SERVICES

In 2025, FPTS opened 15,584 new underlying securities trading accounts and 3,779 derivative accounts for investors. As of December 31, 2025, the total number of investor accounts at the Company stood at 244,354 underlying accounts and 37,881 derivative accounts. In 2025, the market share for brokerage of shares, fund certificates, and covered warrants was 2.56% on HOSE (outside the Top 10), 2.92% on HNX (ranked 8th), and 3.62% on the UPCoM trading floor (ranked 8th). FPTS also ranked 8th in derivatives brokerage market share with 2.39%.

CORPORATE FINANCIAL ADVISORY

The Company focused on enhancing the expertise of its consultants and expanding its corporate client base. In 2025, revenue from this segment reached VND 44.93 billion.

TECHNOLOGY

The Company continues to prioritize the research, improvement, and development of technological products, ensuring stable and secure system operations to effectively serve business activities.

REALIZED PROFIT BEFORE TAX

▶ **617.30** VND Billion

TOTAL ASSETS

▶ **13,919.68** VND Billion

OWNER'S EQUITY

▶ **4,419.97** VND Billion

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

05

01

02

03

04 Corporate governance

ASSESSMENT OF THE COMPANY'S OPERATIONS

Consistent Values - Dynamic Actions

In addition to enhancing service quality and customer development, the Company paid significant attention to its workforce and social responsibilities. Notable activities included:

- ▶ Caring for the physical and mental health of employees through periodic medical check-ups, health insurance programs, and sports facilities.
- ▶ Organizing seminars to introduce investment opportunities in the Vietnamese stock market and equipping the community with investment knowledge, contributing to the sustainable development of the market.



Resolutions and Decisions of the Board of Directors in 2025

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval Rate
1	01-2025/QD/HDQT/FPTS	15/01/2025	Issue FPTS risk management policy in 2025.	100%
2	01-2025/NQ/HDQT/FPTS	05/02/2025	Ratify the report on business performance results in 2024 and the business plan for 2025; ratify the contents and agenda of the Annual General Meeting of Shareholders 2025.	100%
3	02-2025/QD/HDQT/FPTS	19/3/2025	Regarding borrowings from VIB and mortgages for borrowings from VIB.	100%
4	02-2025/NQ/HDQT/FPTS	01/4/2025	Ratify the implementation of the plan to increase capital from owner's equity, the plan to issue shares according to the Employee stock ownership plan (ESOP), and concurrently authorize the General Director to represent the Company in implementing this content.	100%
5	03-2025/NQ/HDQT/FPTS	01/4/2025	Agree on the implementation of contracts and transactions between FPTS and related persons specified in Clause 1, Article 167 of the Law on Enterprises.	100%
6	04-2025/NQ/HDQT/FPTS	25/4/2025	Ratify the report on business performance results in the first quarter of 2025 and the plan on business performance in the second quarter of 2025; Ratify the selection of the auditing company for auditing the financial statements and financial safety ratio report in 2025; Ratify the cash dividend and stock dividend payment for the fiscal year of 2024 to increase the share capital from owner's equity.	100%
7	03-2025/QD/HDQT/FPTS	25/4/2025	Ratify the record date of exercising the right to receive cash dividend and stock dividend for FY 2024 to increase the share capital from owner's equity.	100%
8	04-2025/QD/HDQT/FPTS	25/4/2025	Decision of the Chairman of the Board of Directors regarding borrowings from Vietcombank and mortgages for borrowings from Vietcombank.	100%
9	05-2025/QD/HDQT/FPTS	14/5/2025	Regarding to the issuance of risk management regulations 2025.	100%
10	06-2025/QD/HDQT/FPTS	15/5/2025	Decision of the Chairman of the Board of Directors regarding borrowings from ACB.	100%

ASSESSMENT OF THE COMPANY'S OPERATIONS

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval Rate
11	05-2025/NQ/HDQT/FPTS	21/5/2025	Ratify the termination of the operation of Tran Binh Trong Transaction Office of FPT Securities Joint Stock Company - Ho Chi Minh City Branch due to change in business strategy.	100%
12	07-2025/QD/HDQT/FPTS	21/5/2025	Decision of the Chairman of the Board of Directors regarding borrowings from HDBank.	100%
13	08-2025/QD/HDQT/FPTS	26/5/2025	Increase registered capital by issuing shares to increase share capital from owner's equity.	100%
14	09-2025/QD/HDQT/FPTS	30/5/2025	Decision of the Chairman of the Board of Directors regarding borrowings from VIB and mortgages for borrowings from VIB.	100%
15	10-2025/QD/HDQT/FPTS	04/6/2025	Decision of the Chairman of the Board of Directors regarding borrowings from Techcombank.	100%
16	11-2025/QD/HDQT/FPTS	06/6/2025	Amend Appendix 01 of the corporate charter regarding the change in registered capital.	100%
17	06-2025/NQ/HDQT/FPTS	11/6/2025	Ratify the termination of the operation of Ky Dong Transaction Office and Han Thuyen Transaction Office of FPT Securities Joint Stock Company - Ho Chi Minh City Branch due to change in business strategy.	100%
18	12-2025/QD/HDQT/FPTS	02/7/2025	Increase the registered capital by issuing shares under the employee stock ownership plan (ESOP).	100%
19	13-2025/QD/HDQT/FPTS	16/7/2025	Amend Appendix 01 of the corporate charter regarding the capital increase under employee stock ownership plan (ESOP).	100%
20	07-2025/NQ/HDQT/FPTS	23/7/2025	Ratify the report on business performance results in the second quarter of 2025 and the plan on business performance in the third quarter of 2025; Ratify the dismissal of Mr. Nguyen Van Dung from his position as Deputy General Director and the appointment of Ms. Nguyen Thi Hanh as Deputy General Director of FPT Securities Joint Stock Company.	100%
21	14-2025/QD/HDQT/FPTS	23/7/2025	Dismiss Mr. Nguyen Van Dung from the position of Deputy General Director.	100%

No.	Resolution/ Decision No.	Date	Content	Approval Rate
22	15-2025/QD/HDQT/FPTS	23/7/2025	Appoint Ms. Nguyen Thi Hanh as Deputy General Director in charge of the corporate finance advisory division.	100%
23	16-2025/QD/HDQT/FPTS	16/9/2025	Decision of the Chairman of the Board of Directors regarding borrowings and mortgages for borrowings from Vietinbank.	100%
24	17-2025/QD/HDQT/FPTS	16/10/2025	Dismiss Ms. Tuong Nu Thu Lan from the position of Director of Ho Chi Minh City Branch of FPT Securities Joint Stock Company.	100%
25	18-2025/QD/HDQT/FPTS	16/10/2025	Appoint Mr. Dinh Quang Thuan as Director of Ho Chi Minh City Branch of FPT Securities Joint Stock Company.	100%
26	08-2025/NQ/HDQT/FPTS	23/10/2025	Ratify the Report on business performance results in the third quarter of 2025 and the plan on business performance in the fourth quarter of 2025; Ratify the removal of Ms. Tuong Nu Thu Lan from the position of Director of Ho Chi Minh City Branch and the appointment of Mr. Dinh Quang Thuan as Director of Ho Chi Minh City Branch of FPT Securities Joint Stock Company.	100%
27	19-2025/QD/HDQT/FPTS	02/12/2025	Decision of the Chairman of the Board of Directors regarding borrowings from HDBank.	100%
28	20-2025/QD/HDQT/FPTS	31/12/2025	Reissue the FPTS salary scales and payroll system.	100%



ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT'S PERFORMANCE

Based on the Company's Charter and Corporate Governance Regulations, the Board of Directors (BOD) performs supervision of the General Director and other management officers in implementing Resolutions of the General Meeting of Shareholders (GMS) and the BOD, as well as in managing the Company's day-to-day operations. The BOD's supervision is maintained regularly and strictly, ensuring that the business operations led by the Board of Management are not hindered. The BOD evaluates that the General Director and the Board of Management have correctly and fully exercised the rights and duties assigned in accordance with current laws, the Company's Charter, and GMS Resolutions. The General Director and the Board of Management have made necessary decisions to ensure efficient and safe business operations, aiming for the Company's sustainable development. Members of the BOD and the Board of Management practice corporate governance according to modern standards, upholding professional ethics and always acting in the best interests of the Company's shareholders. During the year, the General Director fulfilled the responsibilities of reporting, explaining, and disclosing information regarding business operations in a full and transparent manner. The General Director complied with requirements for submitting and seeking opinions on matters within the BOD's approval authority during BOD meetings. Day-to-day business and professional activities are all carried out in compliance with operating and management procedures. In 2025, the Company's business activities ensured compliance with current legal regulations. The General Director and management officers of FPT Securities Joint Stock Company have demonstrated high responsibility in management and have been proactive in implementation plans. As a result, FPT's business operations remained safe and stable; actual revenue reached over 132% and actual profit before tax reached over 123% compared to the targets set by the 2025 Annual GMS Resolution.

PLANS AND ORIENTATIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS FOR 2026

Based on the 2025 business results and the 2026 market outlook, the BOD submits the 2026 Business Plan to the GMS for approval as follows:

Indicators	2026 Plan	2025 Actual	% Growth Rate
Revenue from business and financial activities (VND billion)	1,200	1,321.68	-9.21%
Realized Profit Before Tax (VND billion)	550	617.30	-10.9%

REPORT ON THE AUDIT COMMITTEE'S ACTIVITIES IN 2025

List of audit committee members

No.	Audit Committee Members	Position	Date of appointment	Qualification	Percentage ownership of voting shares
1	Mr. Tran Thanh Tung	Chairman	April 27, 2022	Bachelor	0%
2	Mr. Do Son Giang	Member	April 22, 2021	Bachelor	0.23%

The audit committee meeting

No.	Audit Committee Members	Number of meetings attended	Attendance rate	Voting rate	Reason for not attending the meeting
1	Mr. Tran Thanh Tung	2/2	100%	100%	-
2	Mr. Do Son Giang	2/2	100%	100%	-

In 2025, the Audit Committee performed its supervisory functions in accordance with the Law on Enterprises, the Law on Securities, the Company's Charter, and the Audit Committee's Operational Regulations. The supervisory activities focused on overseeing the execution of duties and authorities by the BOD, the Board of Management, and the management team, while also assessing the operational effectiveness of the corporate governance, risk management, and internal control systems at FPT Securities Joint Stock Company. Based on the reports and documents provided by the Board of Management, the results of working sessions, and the supervisory matters conducted, the Audit Committee did not record any signs of material irregularities related to the Company's management and administration during the year. Management and executive activities, as well as the implementation of business operations—including the delivery of products and services and the operation of the trading system—were carried out in line with the resolutions and decisions of the Board of Directors, in compliance with the delegated authorities, internal regulations, and applicable laws, and remained integrated with internal control mechanisms to mitigate risks arising during operations.

Based on the supervisory results, the Audit Committee did not record any material issues that significantly affect the Company's effectiveness in governance, risk management, and internal control. These supervisory contents serve as a basis for the Board of Directors to review and assess matters related to the interests of relevant stakeholders and to determine the Company's long-term development objectives.



RECOMMENDATIONS AND ORIENTATIONS FOR THE AUDIT COMMITTEE'S ACTIVITIES IN 2026

Recommendations of the Audit Committee

Based on the 2025 supervisory results and an assessment of factors potentially affecting the

Company's operations in 2026, the Audit Committee recommends that the Board of Directors and the Board of Management maintain a prudent governance stance, ensuring the continued effectiveness of the governance, risk management, and internal control systems across all operations.

The monitoring and evaluation of domestic and international macroeconomic factors—including monetary policies, fiscal policies, and other market-influencing conditions—must be conducted regularly and systematically. This is essential to promptly identify risks that could impact the Company's business operations, financial position, and the realization of its long-term objectives.

Furthermore, the Audit Committee recommends the continuous review and refinement of the risk management system and internal control procedures. These must be kept in alignment with the scale of operations, the complexity of products and services, and upcoming governance requirements, thereby enhancing the capacity to protect the legitimate interests of all stakeholders.



In 2026, the Audit Committee will continue to fully perform its supervisory functions in accordance with legal regulations, the Company's Charter, and the Operational Regulations of the Audit Committee. The focus of supervision includes the implementation of resolutions and decisions by the Board of Directors; the management and executive activities of the Board of General Directors; as well as the operational effectiveness of the corporate governance, risk management, and internal control systems.

The Audit Committee will strengthen the monitoring of risk management measures implemented under established scenarios, evaluating the appropriateness of control mechanisms amid potentially changing operational conditions. Based on the supervisory results, the Audit Committee will consolidate, report, and provide recommendations to the Board of Directors on arising issues within its scope of responsibility. These efforts aim to ensure that the Company's operations are controlled in alignment with the governance orientation and operational objectives for 2026.

Operational directions of the Audit Committee

TRANSACTIONS, REMUNERATION, AND OTHER BENEFITS

Transactions with related parties

No.	Name of organization/ individual	Relationship with the Company	No., Issued Date, issued place of identification paper	Address	Time of transactions with the Company	Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors	Content, quantity, total value of transaction
1	FPT IS Company Limited	Related to internal person Do Son Giang	0104128565 issued by Hanoi Department of Finance on August 13, 2009	No. 10, Pham Van Bach, Cau Giay Ward, Hanoi	In 2025	03-2025/NQ/HDQT/FPTS	IT equipment, maintenance services, IT services, prepayments to suppliers. Value: VND 4,173,998,000.
2	SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Shareholders owning more than 10% of the voting shares	CC8959 issued by Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) on June 29, 2021	Izumi Garden Tower 20F, 1-6-1 Roppongi, Minato Ward, Tokyo, Japan.	In 2025	03-2025/NQ/HDQT/FPTS	Custodial fee, money transfer fee. Value: VND 50,759,614.
3	FPT Corporation	Shareholders owning more than 10% of the voting shares	0101248141 issued by Hanoi Department of Finance on May 13, 2002	No. 10, Pham Van Bach, Cau Giay Ward, Hanoi	In 2025	03-2025/NQ/HDQT/FPTS	Information disclosure consulting services, online investor relations portal EzIR, service on dividend payment, management service for shareholders whose securities haven't re-deposited. Value: VND 90,897,102.
4	Song Hong Garment Joint Stock Company	Related to internal person Nguyen Thi Hanh	0600333307 issued by Ninh Binh Department of Finance on June 03, 2004	No. 105 Nguyen Duc Thuan Street, Nam Dinh Ward, Ninh Binh Province, Vietnam	From July 23, 2025 to December 31, 2025	03-2025/NQ/HDQT/FPTS	1. Corporate finance advisory services. Value: VND 770,000,000. 2. Cash dividend receipt. Value: VND 48,000,000,000.

Remuneration of the Board of Directors

Unit: VND

No.	Full name	Position	2024	2025
1	Mr. Tran Thanh Tung	Members of the BOD	96,000,000	120,000,000

The Chairman of the Board of Directors and other members of the Board of Directors do not receive remuneration.

Salary of the Board of Management

Unit: VND

No.	Full name	Position	2024	2025
1	Mr. Nguyen Diep Tung	General Director	886,380,000	791,340,000
2	Mr. Nguyen Van Dung	Deputy General Director	680,580,000	396,940,000
3	Ms. Nguyen Thi Thu Huong	Deputy General Director	649,080,000	572,040,000
4	Ms. Nguyen Thi Hanh	Deputy General Director	-	169,150,000
Total			2,216,040,000	1,929,470,000

Purchasing shares under the employee stock ownership plan (ESOP)

No.	Full name	Position	Quantity (shares)	Value (VND)
1	Mr. Nguyen Diep Tung	General Director	161,100	1,611,000,000
2	Mr. Nguyen Van Dung	Deputy General Director	529,600	5,296,000,000
3	Ms. Nguyen Thi Thu Huong	Deputy General Director	534,900	5,349,000,000
4	Ms. Trinh Thanh Hang	Information Disclosure Officer	209,800	2,098,000,000
Total			1,435,400	14,354,000,000

Assessment of compliance with corporate governance regulations

In 2025, the Company implemented corporate governance in accordance with the regulations applicable to public companies under Decree No. 155/2020/ND-CP of the Government and Decree No. 245/2025/ND-CP amending and supplementing Decree No. 155/2020/ND-CP, as well as Circular No. 116/2020/TT-BTC of the Ministry of Finance. This was done in conjunction with the Company's Charter and its internal governance regulations of FPT Securities Joint Stock Company. The governance system is organized and operated to ensure compliance with the law, clearly delineate authority, responsibilities, and oversight mechanisms as prescribed. The Board of Directors, the Executive Board, the Company Secretary, and relevant departments continuously update legal regulations and governance requirements. During the year, the Company sent representatives to participate in training programs and workshops on corporate governance, risk management, and legal compliance to keep abreast of new regulations and governance practices commonly adopted in the market.

The Company's governance system is designed and operated to enhance governance effectiveness, support risk governance, and strengthen internal control across all activities. Accordingly, management decisions are considered in relation to the interests of stakeholders and their long-term impacts, thereby providing a basis for implementing sustainable development orientations and maintaining the Company's long-term value.



RISK MANAGEMENT

Principles of risk management

The Company's risk governance system is designed and operated according to a top-down governance model, ensuring alignment among strategic objectives, the risk appetite, and the oversight and implementation mechanisms throughout the organization. Specifically:

- ▶ Risk management activities are implemented in line with the Company's objectives and strategic direction, and are considered an integral component of the process of assessing and approving decisions related to production and business operations and management and administration.
- ▶ Risk identification, assessment, and monitoring are conducted based on reliable information sources, ensuring both quantity and quality. These include internal data, operational experience, feedback, as well as relevant observations and forecasted factors.
- ▶ The risk management system is organized within the Company's management and executive framework, with the participation of relevant departments and personnel, and is designed to be commensurate with the scale, scope, and complexity of its operations.
- ▶ Risk management policies and procedures are maintained, reviewed, and adjusted regularly to ensure their suitability for the Company's operational conditions and changes in the business environment.

The risk management system contributes to ensuring governance discipline and supervisory effectiveness, supporting the Company in proactively controlling risks, adapting to business fluctuations, and maintaining a stable long-term development orientation.

RISK MANAGEMENT

The operation of the Vietnamese stock market is influenced by domestic and international economic and financial factors, including monetary policy management, interest rate trends, exchange rate fluctuations, cross-border investment flows, and changes in the tax and trade policies of major economies. These factors can impact liquidity, stock price levels, and trading behavior, thereby increasing the uncertainty of the investment environment and giving rise to market risks for securities companies.

MARKET RISK

Market risk may impact FPT's operations through fluctuations in trading volume, the value of financial asset portfolios, and the ability to execute core business activities. During periods of unfavorable market conditions, risks related to portfolio valuation, margin lending balances, and proprietary trading performance may be affected, consequently impacting the Company's business results in each period.

In 2025, FPT maintained its market risk management by regularly monitoring and evaluating domestic and international economic-financial developments. Based on these assessments, the Company made appropriate adjustments to investment activities, the structure of its proprietary portfolio, and margin lending policies. Concurrently, coordination and reporting mechanisms among relevant departments were maintained to ensure a timely response to changes in the investment environment.

LIQUIDITY RISK

Liquidity risk arises when the Company fails to maintain the ability to fully and promptly meet its payment obligations, including maturing financial obligations, disbursement needs for margin lending activities, and payment requirements arising from investors' trading activities.

In 2025, the market experienced periods of increased demand for leverage, causing FPT's margin lending balances to occasionally approach established safety thresholds. Under these conditions, liquidity risk was considered not only from the perspective of cash flow balancing but also regarding the potential limitation in fully meeting investors' margin trading demands as disbursement headroom narrowed. In response to the aforementioned factors, FPT maintained its liquidity management by regularly monitoring cash flow status and margin lending balances, ensuring compliance with internal governance limits and a prudent orientation in capital utilization. Capital regulation was implemented to balance financial safety requirements with operational needs, thereby ensuring the ability to fulfill payment obligations and maintaining stable trading activities throughout 2025.



LEGAL RISK

FPT operates within the current legal framework, including the Law on Enterprises, the Law on Securities, and other relevant legal instruments. Changes in legal regulations may impact the Company's management and business activities, thereby giving rise to compliance-related risks.

To mitigate legal risks, FPT maintains the continuous monitoring and timely updating of new State regulations concerning the securities market and related sectors. Concurrently, the Company reviews and adjusts its internal regulations to ensure ongoing alignment.

The Company places special emphasis on developing, issuing, and operating business processes in accordance with ISO standards for each department, ensuring that activities are performed consistently, clearly, and under control. These processes are disseminated to all relevant staff and applied throughout the work process, thereby helping to minimize errors, enhance compliance levels, and mitigate legal risks arising from the Company's operations.

01
02
03
04 Corporate governance
05
06

RISK MANAGEMENT

SETTLEMENT RISK

Settlement risk arises when a client or counterparty fails to fully or promptly fulfill their payment obligations, or fails to deliver assets as committed, which may subsequently affect the Company's operational safety and effectiveness.

To mitigate the adverse impacts of settlement risk, FPTS implements synchronized management and control measures throughout its service delivery process, focusing on the following key areas:

- ▶ **Limit Management and Approval Authority:** FPTS implements a clear hierarchy of authority for proposing and approving capital support limits for each client. This is based on regular assessments and updates of the client's financial capacity, collateral assets, and transaction history to ensure safety throughout the capital provision process.
- ▶ **Strict regulations on handling collateral assets:** Margin trading agreements are structured with clear provisions regarding obligations to supplement collateral and mechanisms for liquidation. In cases where the value of collateral falls below the prescribed threshold or upon maturity, the Company carries out collateral liquidation in accordance with established procedures to ensure full recovery of principal, interest, and related costs.
- ▶ **Application of technology in risk control:** FPTS utilizes the EzMargin software to monitor the status of margin loans, provide early warnings, and support automated handling based on predefined thresholds. This system enables the Company to proactively control settlement risks and implement timely measures in response to market fluctuations.

Accordingly, settlement risk management is implemented consistently within the overall governance framework, ensuring operational safety, enforcement discipline, and effective risk control capacity under various market conditions.

HUMAN RESOURCE RISK

The human factor plays a central role in the Company's governance system and sustainable development orientation, especially in the securities sector—where high requirements are placed on professional expertise, practical experience, and ethical standards. The quality and stability of the workforce have a direct impact on operational efficiency and risk control capabilities.

FPTS identifies high-quality human resources as a core competitive advantage, while clearly recognizing the risk of brain drain in the context of market volatility and increasingly intense competition for talent. On that basis, the Company implements long-term human resource management strategies, focusing on quality over quantity to maintain workforce stability and continuity. Training and development activities are organized systematically to ensure succession and enhance employee capabilities, thereby helping to mitigate workforce fluctuation risks and maintain stability in governance and operations. Currently, FPTS maintains a team of over 400 highly qualified staff and experts, including many key personnel who have long-term tenure with the Company. At FPTS, the human factor is not only regarded as an operational resource but also as a fundamental pillar ensuring the Company's sustainability and governance quality throughout all stages of development.

05

Part

SUSTAINABILITY REPORT

- 01. Environmental impact
- 02. Environmental responsibility
- 03. Compliance with environmental protection laws
- 04. Work environment
- 05. Commitment to product sustainability
- 06. Value to the community
- 07. Investor and shareholder relations activities



ENVIRONMENTAL IMPACT

Based on the specific nature of operations in the financial and securities services sector, the Company's environmental impacts primarily arise from office activities, system operations, and product development orientation. These impacts are identified and managed through a prudent approach, consistent with the scale of operations, operating conditions, and long-term sustainable development goals.

1 Product and service development orientation.
Toward supporting responsible financial activities, contributing to the promotion of a sustainable capital market.

2 Encouraging savings practices and improvement initiatives.
Creating favorable conditions for appropriate proposals to be considered and implemented within the scope of general governance.

3 Improving the efficiency of energy and material consumption.
Prioritizing the selection of office equipment, machinery, and supplies with appropriate consumption levels, ensuring user safety and environmental friendliness.

4 Managing environmental impacts in operational activities.
Through the economical and efficient use of resources such as electricity, water, and fuel; and by controlling emissions and waste generation within office operations.

5 Maintaining a sustainable working environment.
Associated with improving working conditions and raising internal awareness of energy conservation and environmental protection within the Company.

ENVIRONMENTAL RESPONSIBILITY

Within the framework of a financial and securities services provider, FPTS does not generate large-scale direct environmental impacts. Nevertheless, the Company identifies the rational use of common social resources, particularly electricity and water in daily operations, as a responsibility that requires consistent attention and management.

FPTS manages and uses electricity and water based on the principles of economy, consistent with the actual operating conditions of its office systems and technology infrastructure. The core of this approach lies not only in technical measures but also in fostering awareness and energy-use discipline among employees, integrated with a corporate culture oriented toward a green, clean, and sustainable environment.



Electricity and water conservation programs are implemented company-wide and communicated regularly to every employee through daily practices, such as turning off equipment when not in use, using air conditioning efficiently, and minimizing energy loss in office operations. Water supply systems at the headquarters are equipped with water-saving devices to control consumption and improve usage efficiency. Since 2019, electricity and water-saving measures have been maintained continuously, while internal communications have been strengthened to establish responsible energy-use habits.

In tandem, the Company is gradually applying appropriate technical solutions to improve energy efficiency in its facilities, including the application of heat-resistant films to building glass surfaces since 2022. Environmental responsibility is therefore executed consistently by FPTS in its daily operations, contributing to the efficient use of resources, strengthening internal discipline, and supporting the Company's long-term sustainable development goals.

01
02
03
04
05 Sustainability report
06

COMPLIANCE WITH ENVIRONMENTAL PROTECTION LAWS

“ In 2025, the Company recorded no instances of administrative penalties for violations of environmental protection laws. Accordingly, no obligations for fines related to environmental non-compliance arose during the reporting period.

WORK ENVIRONMENT

With the perspective that people are the foundation of effective governance and long-term growth, FPTS leadership consistently prioritizes building and maintaining a professional, standardized, and stable working environment. In the context of advancing technology and automation, the work environment is oriented toward governance requirements, operational discipline, and the Company's development goals in each stage. Simultaneously, it creates conditions for individuals to promote their professional competence, independent thinking, and adaptability—factors that are increasingly decisive for organizational effectiveness.

FPTS organizes its work environment based on transparency, respect for professional standards, and emphasis on individual responsibility, consistent with the specific nature of a financial and securities services enterprise. Recruitment, training, and personnel development are implemented systematically, linked to specific job requirements and long-term orientations. This process forms a team of highly qualified and experienced officers and experts

capable of adapting to technological changes and ensuring operational succession.

Alongside enhancing professional capacity, the Company's leadership identifies caring for spiritual life and maintaining balance within the work environment as part of its long-term human resource management orientation. Internal engagement and extracurricular activities are organized appropriately according to operating conditions to build a positive work environment, strengthen companionship, and foster mutual support. This allows each individual to develop harmoniously and sustainably while maintaining a long-term commitment to the Company.

By maintaining a stable, disciplined work environment and focusing on comprehensive human development amidst technological transformation, FPTS is step-by-step consolidating its personnel foundation and internal culture, thereby improving governance quality and ensuring the Company's long-term sustainable development.



COMMITMENT TO PRODUCT SUSTAINABILITY

SUSTAINABILITY

FPTS determines that the core value of its financial products and services lies not only in short-term business efficiency but also in the ability to safeguard the legitimate and long-term interests of customers. On this basis, the Company orients product development to be closely linked with risk management and capital preservation requirements, considering these the foundation for safety and sustainability in business operations.

COMPLIANCE

FPTS products and services are built and deployed on a foundation of legal compliance, information transparency, and strict risk control. During the provision process, the Company emphasizes a comprehensive assessment of product characteristics, risk levels, and suitability for each customer group, thereby supporting customers in making prudent investment decisions aligned with their financial goals and risk tolerance.

SECURITY

FPTS prioritizes the safety and stability of capital flows for both customers and the Company throughout the product lifecycle. Products are managed throughout every stage—from design and implementation to periodic monitoring and review—integrated with the internal control system and risk management mechanisms to mitigate emerging risks and ensure operational discipline and continuity.

DISCIPLINE

Through a product development orientation tied to risk management and execution discipline, FPTS not only creates sustainable value for customers but also consolidates its financial safety foundation, improves governance quality, and contributes to the long-term stability and healthy development of the capital market.

01

02

03

04

05

06

Sustainability report

VALUE TO THE COMMUNITY

Community responsibility and social contribution

In 2025, FPTS implemented community engagement activities closely linked to its core business, focusing on financial education and youth workforce development. The Company sponsored and partnered with academic programs and competitions for finance students, creating opportunities for learners to access practical knowledge, enhance professional competence, and shape their career mindsets within the finance and securities sector.

Prominent among these was the “EzInvest – Financial Investment with FPTS” program, a competition exploring foundational theoretical and practical knowledge in financial investment. This initiative was co-implemented by the Securities Business Department (Faculty of Finance, Banking Academy) and FPTS. The program aimed to improve market understanding and

accessibility for investors, with a focus on university students in Vietnam, thereby contributing to the formation of a responsible investment mindset aligned with the specific characteristics and risk levels of the financial and securities markets. Additionally, FPTS organized specialized workshops combined with practical site visits to the Company, while maintaining collaboration with economics and finance educational institutions to deploy academic activities and professional experiences. These programs have strengthened the connection between enterprises and academia, supporting workforce development for the industry while spreading intellectual values and social responsibility throughout the community.

Economic contribution and local development

In 2025, FPTS fully fulfilled its financial obligations to the State. Total taxes and other payables to the state budget reached over 415 billion VND, an increase of 27.14% compared to 2024, reflecting the Company's business efficiency and financial responsibility.

FPTS maintains operations in major economic centers, including Hanoi, Da Nang, and Ho Chi Minh City, through a system of headquarters, branches, and transaction offices. The total number of employees reached 415, providing stable employment and contributing to local economic development while maintaining cooperative relationships with partners and suppliers within its operational areas.



Contribution to the development of the securities market

In 2025, FPTS continued to expand its investor base by opening 15,584 new underlying securities trading accounts and 3,669 derivatives accounts. The Company provides a comprehensive ecosystem of individual securities services, such as EzTrade and EzMargin, meeting investor needs ranging from trading to margin lending. Simultaneously, it implements risk management principles, leverage control, and regulatory compliance to protect customer interests and financial safety. Alongside business operations, FPTS has stepped up its seminars, livestreams, and investment knowledge-sharing activities, focusing on improving financial literacy, risk recognition, and building a prudent investment mindset. These activities assist investors in making informed decisions, mitigating emerging risks, and promoting the healthy and sustainable development of the Vietnamese stock market.

Furthermore, FPTS has bolstered its services for corporate clients, including investment banking operations and solutions for governance, information disclosure, and investor relations. Notable among these are EzGSM—an online General Meeting of Shareholders solution—and EzIR, a platform that helps businesses standardize information disclosure, manage IR content, and strengthen connections with investors, thereby enhancing governance efficiency and market transparency in the context of digital transformation.

Through its analysis and information disclosure activities, FPTS maintains a team of in-depth analysts with expertise across various industries and macroeconomics, providing high-quality analysis reports that are well-regarded by the market. Combined with knowledge-sharing initiatives for the investment community, FPTS contributes to enhancing transparency, supporting informed decision-making, and fostering the healthy and sustainable growth of the Vietnamese securities market.

INVESTOR AND SHAREHOLDER RELATIONS ACTIVITIES

- In 2025, FPTS implemented investor and shareholder relations activities oriented toward transparency, compliance, and alignment with corporate governance standards. The Company fully fulfilled its information disclosure obligations as required by law, ensuring that shareholders and investors had timely, accurate, and consistent access to information.
- Information disclosure activities were conducted through official channels, including financial statements, annual reports, corporate governance reports, and extraordinary information disclosures as regulated. The disclosed content faithfully reflected the Company's financial position, business performance, and development orientation.
- FPTS organized its Annual General Meeting of Shareholders (AGM) in strict accordance with regulations, safeguarding shareholders' rights to participate, vote, and access information. Through these activities, the Company contributed to strengthening the confidence of shareholders and investors while promoting a transparent, fair, and sustainable corporate governance environment in the Vietnamese securities market.



AUDITED FINANCIAL STATEMENTS 2025



FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

*Report of the Board of Management &
Audited Financial Statements***FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
*Audited Financial Statements
For the year 2025***Audited by:****SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES
COMPANY LIMITED (AASCS)**Address: No. 29 Vo Thi Sau, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Tel: (028) 38 205 944- 8 205 947
Fax: 38 205 942**FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

Address: No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

CONTENTS	Page
Report of the Board of Management	03 – 04
Independent Auditors' Report	05 – 06
Audited Financial Statements	
Separate Statement of Financial Position as at 31 st December 2025	07 – 10
Separate Income Statement for the year 2025	11 – 13
Separate Cash Flows Statement for the year 2025	14 – 16
Separate Statement of Changes in Owner's Equity for the year 2025	17 – 18
Notes to the Separate Financial Statement for the year 2025	19 – 46



FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of **FPT Securities Joint Stock Company** (hereinafter called the "Company") presents its report and the Company's financial statements for the year 2025.

FPT Securities Joint Stock Company was established under the Business Registration Certificate No. 59/UBCK- GP dated 13th July, 2007; Adjusted Business Registration Certificate No.47/GPDC-UBCK dated 15th July 2025 issued by State Security Commission of Vietnam. The Company operates under the Joint Stock Company Business Registration Certificate, first registered on 13th July 2007, registered for the sixth change on 05th August 2025 by Hanoi Department of Finance.

The main of activities of company: Securities.

The Company's main fields are:

- Securities brokerage service;
- Securities trading activities;
- Securities investment advisory service;
- Underwriting for share issues;
- Shareholders management and custody service.

The company's head office is located at No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City.

The company's Branch: 02 branches

- **Ho Chi Minh Branch:** 3rd Floor, Building No 136 -138 Le Thi Hong Gam Street, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam.
- **Da Nang Branch:** No.100 Quang Trung Street, Hai Chau Ward, Da Nang City, Viet Nam.

EVENTS SINCE THE BALANCE SHEET DATE:

There have been no significant events occurring after the balance sheet date, which would require adjustment or disclosures in the financial statements.

BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF MANAGEMENT

Member of the Board of Directors:

Mr Nguyen Van Dung	Chairman
Mr Kenji Nakanishi	Member
Mr Nguyen Diep Tung	Member
Mr Do Son Giang	Member
Mr Tran Thanh Tung	Member

Members of the Board of Management:

Mr Nguyen Diep Tung	General Director
Mr Nguyen Van Dung	Deputy General Director (Dismissed on July 23, 2025)
Ms Nguyen Thi Thu Huong	Deputy General Director
Ms Nguyen Thi Hanh	Deputy General Director (Appointed on July 23, 2025)

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Address: No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

Member of the Audit Committee:

Mr Tran Thanh Tung	Chairman
Mr Do Son Giang	Member

AUDITORS

The auditors of Southern Auditing and Accounting Financial Consultancy Service Company (AASCS) have expressed their willingness to accept reappointment.

Statement of the Board of Management's responsibility in respect of the financial statements

The Board of Management is responsible for the financial statements which give a true and fair view of the state of affairs of the Company and of its separate income statement, separate statement of financial position, separate cash flow statement and separate statement of changes in owner's equity for the year 2025. In preparing those financial statements, management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements;
- Prepare the financial statements on the basis of compliance with accounting standards and system and other related regulations;
- Prepare the financial statements on going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclosed, with reasonable accuracy at any time, the financial position of Company and to ensure that the accounting records comply with the registered accounting system. It is responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities

The Board of Management is responsible for ensuring that the financial statements for the year 2025 reflect adequate and fairly the financial position of the company accordance with the Vietnamese Accounting System and comply with relevant statutory requirements.

Ha Noi City, 25th February 2026
On behalf of the Board of Management
General Director


Nguyen Diep Tung



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

No: 65 /BCKT/TC/2026/AASCS

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

(On the financial statements of FPT Securities Joint Stock Company
for the year 2025)

To: - Shareholders
- The Board of Directors of FPT Securities Joint Stock Company
- The Board of Management of FPT Securities Joint Stock Company

We have audited the accompanying financial statements of **FPT Securities Joint Stock Company**, prepared on 25th February 2026, from page 07 to 46, which comprise the separate financial position as at 31st December 2025, and the separate income statement, separate cash flows statement, separate statement of changes in owner's equity for the year 2025 and notes to the financial statement for the year 2025.

Responsibility of Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with the accounting standards, the Vietnamese accounting system and legal regulations. Internal controls are made by Board of Management to ensure that the financial statements is presented without material misstatement, due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Auditing Standards. Those standards require us to comply with ethical requirements, to plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonable estimations made by the Board of Management, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion's auditor

In our opinion, the financial statements of FPT Securities Joint Stock Company give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of the Company as at 31st December 2025, as well as the separate income statement, separate cash flow statement and separate statement of changes in owner's equity of the Company for the year 2025, in accordance with Vietnamese Accounting Standards and System and comply with relevant statutory requirements.

Ho Chi Minh City, March 02nd 2026

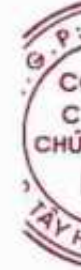
Southern Auditing and Accounting Financial
Consultancy Service Company Limited (AASCS)



Dinh The Duong
Certificate of Registration Audit Practice
No: 0342-2023-142-1

Auditor

Chu The Binh
Certificate of Registration Audit Practice
No: 1858-2023-142-1



FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2025

Currency: VND

Items	Codes	Notes	Ending balance	Opening balance
A	B	C	1	2
A. CURRENT ASSETS (100 = 110 + 130)	100		13.750.838.979.456	9.580.161.791.615
I. Financial assets	110		13.746.420.453.894	9.574.610.342.486
1. Cash and cash equivalents	111	A.7.1	2.913.630.824.055	565.564.523.996
1.1. Cash on hand	111.1		1.563.630.824.055	155.685.498.972
1.2. Cash equivalents	111.2		1.350.000.000.000	409.879.025.024
2. Financial Assets at Fair Value through Profit and Loss (FVTPL)	112	A.7.3.1	2.508.787.157.290	1.914.035.124.647
4. Loans	114	A.7.3.2	8.248.145.852.555	7.068.146.259.915
6. Provision for impairment of financial and collateral assets	116	A.7.4	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
7. Receivables	117		82.694.785.252	32.363.945.074
7.1. Receivable to sell the financial assets	117.1			
7.2. Receivables and accrual from dividend and interest income	117.2	A.7.5.1	82.694.785.252	32.363.945.074
7.2.1. Receivables from dividend and interest on the date of receipt	117.3		305.030.975	72.835.969
7.2.2. Accrual from dividend and interest is not the date of receipt	117.4		82.389.754.277	32.291.109.105
8. Advances to suppliers	118		679.500.760	2.241.349.233
9. Receivables from services provided by the Company	119	A.7.5.2	2.015.523.494	2.257.938.624
12. Other receivables	122	A.7.5.4	1.551.836.664	1.060.292.143
13. Provision for impairment of receivables	129	A.7.6	(199.410.000)	(173.475.000)
II. Other current assets	130		4.418.525.562	5.551.449.129
1. Advance payment	131			
2. Office supplies, tools, instruments	132	A.7.7	1.032.362.460	1.334.990.049
3. Short-term prepaid expenses	133	A.7.8a	2.396.437.017	3.143.226.089
4. Mortgages, collateral, short-term deposits	134		8.800.000	80.800.000
5. Value-added tax deductible	135			519.111
6. Taxes and receivables of the State	136		980.926.085	991.913.880
B. NON-CURRENT ASSETS (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		168.842.075.462	179.399.308.818
I. Long-term financial assets	210			
II. Fixed assets	220		132.796.703.401	142.596.719.735
1. Tangible fixed assets	221	A.7.10	113.103.635.393	122.365.384.893
- Cost	222		263.837.973.219	262.174.298.013
- Accumulated depreciation	223a		(150.734.337.826)	(139.808.913.120)
2. Financial lease assets	224			
3. Intangible fixed assets	227	A.7.11	19.693.068.008	20.231.334.842
- Cost	228		44.912.945.438	44.912.945.438
- Accumulated depreciation	229a		(25.219.877.430)	(24.681.610.596)
IV. Construction in progress	240			
V. Other non-current assets	250		36.045.372.061	36.802.589.083
1. Mortgages, collateral, long - term deposits	251		923.099.800	1.221.270.570
2. Long-term prepaid expenses	252	A.7.8b	5.046.824.671	5.525.991.266
4. Payment for Settlement Assistance Fund	254	A.7.9	30.075.447.590	30.055.327.247
VI. Provision for impairment of long-term assets	260			
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		13.919.681.054.918	9.759.561.100.433

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2025

Currency: VND

Items	Codes	Notes	Ending balance	Opening balance
A	B	C	1	2
C. LIABILITIES (300 = 310 + 340)	300		9.499.714.583.644	5.641.592.000.542
I. Current liabilities	310		9.499.714.583.644	5.641.592.000.542
1. Borrowings and short-term financial liabilities	311	A.7.26	8.758.100.000.000	5.475.933.586.028
1.1. Short-term borrowings	312		8.758.100.000.000	5.475.933.586.028
1.2. Short-term financial liabilities	313			
6. Payables to securities transaction	318		9.814.216.160	7.371.171.602
8. Short-term payment to suppliers	320	A.7.24	1.223.739.036	971.133.640
9. Short-term advance to customers	321		4.718.575.000	4.079.400.000
10. Taxes and payables to the State	322	A.7.22	73.436.461.163	30.681.520.777
11. Payables to employees	323		21.342.325.618	21.214.075.319
12. Employee benefits deductions	324		2.134.524.652	2.031.858.425
13. Short-term accrued expenses	325	A.7.23	21.499.330.495	9.246.767.305
17. Other short-term payables	329	A.7.25	506.593.705.503	6.242.575.206
18. Provisions for short-term payables	330			
19. Bonus and welfare fund	331		100.851.706.017	83.819.912.244
II. Non-current liabilities	340			
D. OWNERS' EQUITY (400 = 410 + 420)	400		4.419.966.471.274	4.117.969.099.891
I. Owners' equity	410		4.419.966.471.274	4.117.969.099.891
1. Paid-in capital	411		3.465.062.838.150	3.059.276.408.150
1.1. Owners equity	411.1		3.464.980.090.000	3.059.193.660.000
a. Common stock with voting rights	411.1a		3.464.980.090.000	3.059.193.660.000
b. Preferred stock	411.1b			
1.2. Share premium	411.2		82.748.150	82.748.150
1.3. Convertible bond - Equity component	411.3			
1.4. Owners' other equity	411.4			
1.5. Treasury shares	411.5			
2. Difference from revaluation of assets at fair value	412			
3. Foreign exchange differences	413			
4. Authorized capital reserve fund	414			
5. Financial reserve fund and operational risk	415			
6. Other funds under the owner's equity	416			
7. Undistributed profits	417	A.7.30	954.903.633.124	1.058.692.691.741
7.1. Realized profits	417.1		576.015.898.965	573.193.957.927
7.2. Unrealized profits	417.2		378.887.734.159	485.498.733.814
II. Funding sources and other funds	420			
TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY (440 = 300 + 400)	440		13.919.681.054.918	9.759.561.100.433

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

OFF-BALANCE SHEET ITEMS

Items	Codes	Notes	Ending balance	Opening balance
A	B	C	1	2
A. ASSETS OF THE COMPANY AND ASSETS MANAGED UNDER AGREEMENTS				
1. Leased fixed assets	001			
2. Valued certificate under trust	002			
3. Hypothecated assets	003			
4. Bad debts treated	004	A.7.12	172.000.000	172.000.000
5. Foreign currencies	005			
6. Outstanding shares	006		346.498.009	305.919.366
7. Treasury stock	007			
Vietnam Securities Depository of the Securities Company	008	A.7.13	401.061.950.000	463.004.470.000
9. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and have not transacted yet	009			
10. Awaiting financial assets of the Company	010			
12. Financial assets which have not been deposited yet at Vietnam Securities Depository of the Company	012	A.7.14	1.722.676.440.000	206.674.730.000
13. Financial assets are entitled of the Securities Company	013			
B. ASSETS AND PAYABLES UNDER AGREEMENT WITH CUSTOMERS				
1. Financial assets listed/registered transactions of Investors	021	A.7.15	35.747.373.012.145	32.467.423.084.975
a. Financial assets are traded and freely assignable	021.1		33.791.343.565.245	30.915.187.615.975
b. Financial assets are restrictedly assignable	021.2		426.953.920.000	111.405.300.000
c. Mortgaged financial assets	021.3		1.122.311.090.000	1.133.522.100.000
d. Financial asset are temporarily suspended and isolated	021.4		10.482.190.000	10.715.400.000
e. Financial assets awaiting settlement	021.5		396.282.246.900	296.592.669.000
f. Financial assets awaiting lending	021.6			
2. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and not transacted yet of Investor	022	A.7.16	29.941.320.000	348.008.990.000
a. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and not transacted, freely transferred yet	022.1		2.661.400.000	2.662.400.000
b. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and not transacted yet, limited to transfer	022.2		27.279.920.000	345.346.590.000
c. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and not transacted and pledged yet	022.3			
d. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and not transacted, blockaded or temporarily held	022.4			
3. Awaiting financial assets of Investors	023	A.7.17	440.811.306.525	332.380.238.600
4. Financial assets correct transaction errors of Investors	024.a			

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

OFF-BALANCE SHEET ITEMS

Items	Codes	Notes	Ending balance	Opening balance
A	B	C	1	2
5. Financial assets have not been deposited yet at Vietnam Securities Depository by Investors	024.b			
6. Financial assets are entitled of Investors	025	A.7.18	60.760.470.000	56.090.720.000
7. Deposits of investors	026		3.385.534.016.503	2.775.500.118.801
7.1. Deposits of investors on securities trading managed by the Securities Company	027	A.7.19	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
7.2. Deposits from securities trading for customers	028			
7.3. Compensatory deposits and settlement of securities trading	029			
a. Compensatory deposits and settlement of securities trading of local Investors	029.1			
b. Compensatory deposits and settlement of securities trading of foreign Investors	029.2			
7.4. Deposit of the issuer of securities	030	A.7.20	2.160.111.300	1.896.647.800
8. Payable to Investors on deposits of securities trading under the method managed by securities company	031	A.7.28	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
8.1. Payable to local Investors on deposits of securities trading under the method managed by securities company	031.1		3.354.560.978.096	2.727.014.848.853
8.2. Payable to foreign Investors on deposits of securities trading under the method managed by securities company	031.2		28.812.927.107	46.588.622.148
9. Payable to the issuer of securities	032			
10. Receivables of Customers on financial asset trading errors	033			
11. Payables of customers on financial assets trading errors	034			
12. Payable dividends, bond principal and interest	035		2.160.111.300	1.896.647.800

Ha Noi City, 25th February 2026

PREPARER



Tran Thi Thu Chung

CHIEF ACCOUNTANT



Nguyen Thi Son

GENERAL DIRECTOR



Nguyen Diep Tung



FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

SEPARATE INCOME STATEMENT

For the year 2025

Currency: VND

Items	Codes	Notes	This year	Previous year
A	B	C	1	2
I. OPERATING INCOME				
1.1. Gain from Financial assets at Fair Value through Profit and Loss (FVTPL)	01		157.758.123.718	245.487.971.843
a. Gain from selling financial assets at FVTPL	01.1	B7.32.1	93.246.869.919	2.517.884.655
b. Gain from re-evaluation of financial assets at FVTPL	01.2	B7.32.2	(106.611.366.554)	150.503.304.470
c. Dividends, interests income from financial assets at FVTPL	01.3	B7.32.3.1	171.122.620.353	92.466.782.718
1.2. Interests from the holding investments to maturity date (HTM)	02			
1.3. Interests from loans and receivables	03	B7.32.3.3	753.622.810.833	589.269.375.765
1.4. Gain from available for sale (AFS) financial assets	04			
1.5. Gains from hedging derivatives	05			
1.6. Revenue from brokerage services	06		215.508.563.439	250.438.462.655
1.7. Revenue from guarantee, securities issuance agent	07		558.836.092	
1.8. Revenue from securities investment consultancy	08		13.591.833.214	13.221.047.441
1.9. Revenue from custody securities	09		19.251.565.091	12.561.057.592
1.10. Revenue from financial advisory activities	10		44.934.544.886	36.495.235.764
1.11. Revenue from other activities.	11	B7.32.4	581.823.729	275.380.000
Total of operating revenue (20 = 1->11)	20		1.205.808.101.002	1.147.748.531.060
II. OPERATING EXPENSE				
2.1. Loss from financial assets at Fair Value through Profit and Loss (FVTPL)	21		2.582.928.827	910.110.023
a. Loss from selling financial assets at FVTPL	21.1	B7.32.1	2.583.295.726	912.095.500
b. Loss from re-evaluation of financial assets at FVTPL (*)	21.2	B7.32.2	(366.899)	(1.985.477)
2.4. Contingency cost of financial assets, handling losses of bad receivables, impairment of financial assets and costs of loans	24	B7.34	368.502.691.100	178.997.567.556
2.6. Expenses for business operating	26		838.542.324	416.058.645
2.7. Expenses for brokerage services	27	B7.34	187.063.982.170	180.559.800.828
2.8. Expenses for activities of guarantee, securities	28	B7.34	497.064.438	
2.9. Expenses for securities investment consultancy	29	B7.34	17.663.893.732	12.090.861.932
2.10. Expenses for custody securities	30	B7.34	23.954.622.477	18.007.016.134
2.11. Expenses for financial advisory services	31	B7.34	18.999.875.238	14.583.323.095
2.12. Other operating expenses.	32			
Total of operating costs (40 = 21->32)	40		620.103.600.306	405.564.738.213

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

SEPARATE INCOME STATEMENT

For the year 2025

Currency: VND

Items	Codes	Notes	This year	Previous year
A	B	C	1	2
III. FINANCE INCOME				
3.1. Realized and unrealized gain from changes in foreign exchange rate	41			
3.2. Revenue, accrual from non-fixed interest and	42	B7.33	9.261.788.347	8.827.691.678
Total of financial operations revenue (50 = 41->44)	50		9.261.788.347	8.827.691.678
IV. FINANCIAL EXPENSE				
4.1. Realized and unrealized loss from changes in foreign exchange rate	51			
4.2. Interest expense	52			
4.4. Other financial expenses	55			
Total of financial expense (60 = 51->55)	60			
V. COST OF SALES	61			
VI. ADMINISTRATIVE EXPENSES OF SECURITIES COMPANY	62	B7.35	85.552.355.407	89.837.818.690
VII. OPERATING PROFIT (70= 20+50-40 -60-61-62)	70		509.413.933.636	661.173.665.835
VIII. OTHER INCOME AND EXPENSE				
8.1. Other income	71	B7.36	69.911.509.456	58.101.747.592
8.2. Other expense	72	B7.37	68.631.862.267	56.102.146.282
Total of other profit (80= 71-72)	80		1.279.647.189	1.999.601.310
IX. PROFIT BEFORE TAX (90=70 + 80)	90		510.693.580.825	663.173.267.145
9.1. Realized profit	91		617.304.580.480	512.667.977.198
9.2. Unrealized profit	92		(106.610.999.655)	150.505.289.947
X. CORPORATE INCOME TAX	100		113.939.306.003	95.855.772.808
10.1. Current corporate income tax expense	100.1	B7.38	113.939.306.003	95.855.772.808
10.2. Deferred corporate income tax expense	100.2			
XI. PROFIT AFTER TAX (200 = 90 - 100)	200		396.754.274.822	567.317.494.337
XII. OTHER COMPREHENSIVE PROFIT (LOSS) AFTER CORPORATE INCOME TAX	300			
12.1. Profit/(Loss) from re-evaluating financial assets ready for sale	301			
12.2. Profit/(Loss) from exchange rate difference for foreign activities	302			
12.3. Profit/(Loss) from re-evaluating fixed assets according to a reasonable value model of the company	303			
12.4. Other comprehensive profit/(loss)	304			
Total of comprehensive income	400			

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

SEPARATE INCOME STATEMENT

For the year 2025

Currency: VND

Items	Codes	Notes	This year	Previous year
A	B	C	1	2
XIII. NET INCOME ON THE COMMON SHARES	500			
13.1. Basic earnings per share (VND/1 share)	501	B7.39	1.161	1.732
13.2. Diluted earnings per share (VND/1 share)	502		1.161	1.732

Ha Noi City, 25th February 2026

PREPARER

CHIEF ACCOUNTANT

GENERAL DIRECTOR



Tran Thi Thu Chung

Nguyen Thi Son

Nguyen Diep Tung

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

SEPARATE CASH FLOW STATEMENT

(According to the indirect method)

Year 2025

Currency: VND

Items	Codes	Notes	This year	Previous year
A	B	C	1	2
I. Cash flow from operating activities	0			
1. Profit before Corporate Income Tax	01		510.693.580.825	663.173.267.145
2. Adjustments for the items:	02		(34.619.492.527)	34.859.019.826
- Depreciation of fixed assets	03		15.527.591.330	19.145.813.755
- Provisions	04		25.935.000	15.150.000
- Interest expense	06			
- Profit, loss from investment activities	07		(74.373.685)	(57.407.407)
- Accrued interests	08		(50.098.645.172)	15.755.463.478
- Other adjustments	09			
3. Increase non-monetary expenses	10		(366.899)	(1.985.477)
- Loss from re-evaluating of financial assets at FVTPL	11		(366.899)	(1.985.477)
4. Reduce non-monetary revenue	18		106.611.366.554	(150.503.304.470)
- Profit from re-evaluating of financial assets at FVTPL	19		106.611.366.554	(150.503.304.470)
5. Profits from business operations before changes in working capital	30		(1.458.719.993.555)	(3.505.326.135.568)
- Increase (decrease) in financial assets at FVTPL	31		(701.363.032.298)	(414.216.654.670)
- Increase (decrease) in loans	33		(1.179.999.592.610)	(1.674.066.439.441)
- Increase (decrease) the receivables and accrued dividends, interests of financial assets	36		(232.195.006)	155.222.403
- Increase (decrease) the receivables of services that Securities Company provides	37		242.415.130	597.308.368
- Increase (decrease) other receivables	39		1.081.810.858	1.188.339.443
- Increase (decrease) other assets	40		302.627.589	40.225.599
- Increase (decrease) the payable costs (excluding interests)	41		14.695.607.748	4.982.930.767
- Increase (decrease) the prepaid costs	42		1.225.955.667	(4.438.232.424)
- Corporate income tax paid	43		(74.256.778.709)	(99.881.896.967)
- Interest expenses paid	44			
- Increase (decrease) the payables	45		252.605.396	529.049.673
- Increase (decrease) deductions for employee benefits	46		102.666.225	283.930.182
- Increase (decrease) taxes and contributions to the State (excluding the paid corporate income tax)	47		3.072.413.092	2.173.905.105
- Increase (decrease) payable to employees	48		128.250.305	527.056.741
- Increase (decrease) other payables	50		500.326.629.297	(1.300.275.558.889)
- Proceeds from business activities	51		861.290.770	251.000.000
- Payments from business activities	52		(25.160.667.009)	(23.176.321.458)
Net cash flow from operating activities	60		(876.034.905.602)	(2.957.799.138.544)

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

SEPARATE CASH FLOW STATEMENT

(According to the indirect method)

Year 2025

Currency: VND

Items	Codes	Notes	This year	Previous year
A	B	C	1	2
II. Cash flows from investing activities				
1. Payment for purchases or construction of fixed assets, investment properties and other long term assets	61		(5.745.103.400)	(6.250.516.484)
2. Proceeds from liquidation and concession for sale of fixed assets and investment properties and other assets	62		91.902.089	57.407.407
Net cash flow from investing activities	70		(5.653.201.311)	(6.193.109.077)
III. Cash flow from financing activities				
1. Proceeds from the issuance of bonds, or capital contributed by shareholders	71		99.884.000.000	55.299.500.000
2. Repayment of capital contributed by Shareholders, redemption of issued shares	72			
3. Borrowing	73		20.739.389.769.359	14.160.228.112.821
3.1. Borrowing from Settlement Assistance Fund	73.1			
3.2. Other borrowing	73.2		20.739.389.769.359	14.160.228.112.821
4. Repayments of borrowings	74		(17.457.223.355.387)	(11.832.396.362.486)
4.1. Repayment principal borrowing to the settlement assistance fund	74.1			
4.2. Repayment of borrowings for financial assets	74.2			
4.3. Other repayments of borrowings	74.3		(17.457.223.355.387)	(11.832.396.362.486)
5. Payments for financial leases debts	75			
6. Dividends paid to shareholders	76		(152.296.007.000)	(106.931.808.500)
Net cash flow from financing activities	80		3.229.754.406.972	2.276.199.441.835
IV. Net decrease in cash during the period	90		2.348.066.300.059	(687.792.805.786)
V. Cash and cash equivalents at the beginning of the period	101		565.564.523.996	1.253.357.329.782
- Cash	101.1		155.685.498.972	415.357.329.782
- Cash equivalents	101.2		409.879.025.024	838.000.000.000
VI. Cash and cash equivalents at the end of the period	103		2.913.630.824.055	565.564.523.996
- Cash	103.1		1.563.630.824.055	155.685.498.972
- Cash equivalents	103.2		1.350.000.000.000	409.879.025.024
- The effect of exchange rate changes in foreign currency	104			

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

CASH FLOW FROM BROKERAGE ACTIVITIES, CUSTOMERS' AUTHORIZATION

Items	Codes	Notes	This year	Previous year
A	B	C	1	2
I. Cash flow from brokerage activities, customers' authorization				
1. Proceeds from the sale of brokerage securities to customers	1		191.373.651.523.476	146.823.476.127.761
2. Payment for the purchase of brokerage securities to customers	2		(192.469.773.889.509)	(147.264.955.221.619)
7. Receipt of deposits for payment of customers' securities transactions	7		1.726.416.162.428	(218.022.068.369)
11. Payment of customers' securities custody cost	11		(20.523.362.193)	(14.783.796.220)
12. Proceeds from stock trading errors	12			
13. Payment for stock trading errors	13			
14. Proceeds from securities issuers	14		1.979.735.896.233	1.671.520.938.337
15. Payment for securities issuers	15		(1.979.472.432.733)	(1.669.999.809.487)
Increase/decrease net cash in the period	20		610.033.897.702	(672.763.829.597)
II. Cash and cash equivalents at the beginning of the period of customers	30		2.775.500.118.801	3.448.263.948.398
Deposits in bank at the beginning of the period	31			
- Investors' deposits managed by the Company for securities trading activities	32		2.773.603.471.001	3.447.888.429.448
In which: deposit account				
- Deposits of securities issuers	35		1.896.647.800	375.518.950
In which: deposit account				
Cash equivalents	36			
The effect of exchange rate changes in foreign currency	37			
III. Cash and cash equivalents at the end of the period of customers (40 = 20 + 30)	40		3.385.534.016.503	2.775.500.118.801
Deposits in bank at the end of the period:	41			
- Investors' deposits managed by the Company for securities trading activities	42	C7.40	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
In which: deposit account				
- Deposits of securities issuers	45	C7.40	2.160.111.300	1.896.647.800
In which: deposit account				
Cash equivalents	46			
The effect of exchange rate changes in foreign currency	47			

Ha Noi City, 25th February 2026

PREPARER

Tran Thi Thu Chung

CHIEF ACCOUNTANT

Nguyen Thi Son

GENERAL DIRECTOR

Nguyen Diep Tung

Items	Codes	Opening balance		Increase/decrease in the period				Ending balance	
		Previous year	Current year	Previous year		Current year		Previous year	Current year
				Increase	Decrease	Increase	Decrease		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Changes in owners' equity									
1. Share capital		2,145,732,618,150	3,059,276,408,150	913,543,790,000		405,786,430,000		3,059,276,408,150	3,465,062,838,150
1.1. Common shares with the voting rights (*)		2,145,649,870,000	3,059,193,660,000	913,543,790,000		405,786,430,000		3,059,193,660,000	3,464,980,090,000
1.2. Preferred shares									
1.3. Share premium		82,748,150	82,748,150					82,748,150	82,748,150
1.4. Bond swap option - capital contribution									
1.5. Other capital of Investor									
1.6. Treasury stocks									
2. Reserve fund of charter capital									
3. Financial reserve fund and operational risk									
4. Difference from revaluation of financial assets at fair value.									
5. The exchange rate differences									
6. Other Funds belonging to owners' capital									
7. Undistributed profit		1,498,203,140,705	1,058,692,691,741	576,884,281,028	1,016,394,729,992	576,199,578,519	679,988,637,136	1,058,692,691,741	954,903,633,124
7.1. Realized profit after tax (**)		1,163,209,696,838	573,193,957,927	416,812,204,390	1,006,827,943,301	503,365,274,477	500,543,333,439	573,193,957,927	576,015,898,965
7.2. Unrealized profit		334,993,443,867	485,498,733,814	160,072,076,638	9,566,786,691	72,834,304,042	179,445,303,697	485,498,733,814	378,887,734,159
II. Other comprehensive income		3,643,935,758,855	4,117,969,099,891	1,490,428,071,028	1,016,394,729,992	981,986,008,519	679,988,637,136	4,117,969,099,891	4,419,966,471,274
Total									

Currency: VND

SEPARATE STATEMENT OF CHANGES IN OWNER'S EQUITY

For the year 2025

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

SEPARATE STATEMENT OF CHANGES IN OWNER'S EQUITY

For the year 2025

Note	(*) : Increasing of common shares with the voting rights includes:		
	- Issuance of shares to increase capital from owner's equity	(Number of shares: 30,590,243)	VND 305,902,430,000
	- Issuance of shares under the employee option program	(Number of shares: 9,988,400)	VND 99,884,000,000
			<u>405,786,430,000</u>
(**) Decrease of undistributed realized profit after tax includes:			
	- Appropriation for bonus and welfare fund according to the Resolution and Minutes of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders		VND 41,681,220,439
	- Paying dividends for the year 2024 to shareholders in cash		VND 152,959,683,000
	- Issuance of shares to increase capital from owner's equity		VND 305,902,430,000
			<u>500,543,333,439</u>

PREPARER

Tran Thi Thu Chung

CHIEF ACCOUNTANT

Nguyen Thi Son

Ha Noi City, 25th February 2026

G. GENERAL DIRECTOR

CÔNG TY

CỔ PHẦN

CHỨNG KHOAN

FPT

P. TAY HO

Nguyễn Diệp Tung

5011729
CÔNG TY
TNHH
H VU TÚ
HÌNH KẾ
A KIỂM TC
PHIA NAI
- TP H

18

S. G. P.
CHỦ C
P. TAY

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

For the year 2025

1. Corporate information

1.1. License for establishment and operation:

FPT Securities Joint Stock Company was established under the Business Registration Certificate No. 59/UBCK- GP dated 13th July, 2007; Adjusted Business Registration Certificate No.47/GPDC-UBCK dated 15th July 2025 issued by State Security Commission of Vietnam. The Company operates under the Joint Stock Company Business Registration Certificate, first registered on 13th July 2007, registered for the sixth change on 05th August 2025 by Hanoi Department of Finance.

1.2. Contact address of the Company:

No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City.

1.3. **Operation and organization terms of the Company:** issued on 07/2007 and amending according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders dated 29/03/2022 and Decision No.13-2025/QĐ/HĐQT/FPTS dated 15/07/2025.

1.4. Main features of the operation of the Company:

- Capital scale of the Company:

Charter capital of the Company at the date of prepared financial statements is 3,464.980.090.000 VND (Three trillion four hundred sixty-four billion nine hundred eighty million ninety thousand Vietnamese dong).

- Investment restriction: the Company complies with regulations on investment restriction according to Circular No.121/2020/TT-BTC dated 30/12/2020 on establishment of the securities company.

- Structure of the Company:

. List of subsidiaries: none

. List of joint ventures, associated companies: none

. The subordinate units without the dependent legal entity status: none

- List of branches:

Ho Chi Minh City Branch: 3rd Floor, 136 Building – 138 Le Thi Hong Gam, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Da Nang Branch: No.100 Quang Trung Street, Hai Chau Ward, Da Nang City, Vietnam.

1.5. **The total number of employees of the Company as of 31/12/2025 is: 415 people.**

2. Accounting period, currency used in accounting:

2.1. Accounting period:

a. Annual fiscal year of the Company begins from 01/01 and ends on 31/12.

b. The first fiscal year begins on July 13, 2007 with the issuance of the Certificate of Establishment of a Securities Company and ends on December 31, 2007.

2.2. Currency used in accounting: Vietnam dong.

3. Applied Accounting Standards and Regimes:

3.1. **Applied Accounting Regimes:** Accounting Regimes of the Securities Company shall be issued according to Circular No.210/2014/TT-BTC dated 30/12/2014 of Ministry of Finance, Circular No.334/2016/TT-BTC dated 27/12/2016 of Ministry of Finance on modifying, replacing and supplementing the Appendix 02 and 04 of Circular No.210/2014/TT-BTC.

3.2. **Declaration of compliance with Accounting standards and regimes:** Carry out accounting the Securities Company on the basis of compliance with the related Vietnamese accounting standards and

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

regimes of the Securities Company according to Circular No.210/2014/TT-BTC dated 30/12/2014 of Ministry of Finance, Circular No.334/2016/TT-BTC dated 27/12/2016 of Ministry of Finance on modifying, replacing and supplementing the Appendix 02 and 04 of Circular No.210/2014/TT-BTC, the current Vietnamese corporate accounting regimes and related legal regulations.

3.3. **Applied accounting form:** Common diary.

4. Applied accounting policies

4.1. Principles of recording cashes or equivalent cashes

4.1.1. Recognition of capital in cash:

Cash and cash equivalents include the entire of existing amount of the Company (cash on hand, cash at bank), short-term investments with the withdrawal and maturity date within 3 months can convert easily into a certain amount and there is no risk in translating into money from the date of purchase the investment at the time of statement.

Investors' deposits on securities trading, clearing and settlement of securities trading, and cash deposited by securities issuers are presented on the off-balance sheet.

4.1.2. The method of translating other currencies into the currency used in accounting:

To comply with current regulations on recognizing, evaluating and dealing with the exchange rate difference in the translation of other currencies into the currency used in accounting.

4.2. Accounting principles and methods of financial assets are recognized through the profit or loss and the holding investments to the maturity date, loans and receivables, financial assets available for sale, financial liabilities:

4.2.1. Principles of classification of financial assets and financial liabilities under the investment portfolio of the Company (in compliance with accounting standards and regimes and current regulations on Securities law):

4.2.1.1 Principles of classification of financial assets: (FVTPL, HTM, Loans, AFS)

The classification of financial assets shall be implemented according to Circular No.210/2014/TT-BTC and Circular No.334/2016/TT-BTC.

4.2.1.2 Principles of classification of financial liabilities (Debts, debts of financial assets, convertible bonds, bonds issued, tax liabilities of financial assets, payables to seller, and liabilities arising in securities trading activities)

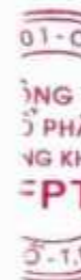
Comply with Accounting Standards and Regimes of the Securities Company according to Circular No.210/2014/TT-BTC and Circular No.334/2016/TT-BTC.

4.2.2. Recognition principles and accounting method recognizes the value of revaluation of investments according to market price or reasonable price (in case there is no market price) (comply with current regulations of Securities law) or original price:

Accounting Law No.88/2015/QH13 takes effect from 01/01/2017, accordingly the Law issued regulations on applying the reasonable price principles for assets and liabilities that their values frequently fluctuate under the market price and can determine reliably.

4.2.2.1. Financial assets at fair value through profit/loss FVTPL are recognized initially under the original price (purchase price excludes the direct arising expenses from buying these financial assets). Purchase expenses (brokerage fee, transaction fee, etc.) will be recognized in transaction expenses from buying the financial assets of the separate income statement immediately after arising.

At the end of accounting period, FVTPL financial assets will be re-evaluated according to the market price or reasonable value. Differences increase or decreases from re-evaluating will be recognized in the Separate income statement at item "Difference increases due to revaluation of Financial assets through Profit/Loss" and item "Difference decreases due to revaluation of Financial assets at FVTPL"



FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

4.2.2.2. Financial assets held to maturity HTM: will be determined the original value under the value of adding the direct arising costs from buying or arising these financial assets. After the initial recognition, financial assets HTM will be determined according to the expense of allocation by using the real interest method and will be considered the ability of impairment at the date of preparing the financial statement. The evaluation of impairment ability at the end of accounting period will be recognized in the separate income statement at item "Contingency cost of financial assets, handling losses of bad receivables, impairment of financial assets and costs of loans".

4.2.2.3. Loans: are determined the initial value under the original price. After the initial recognition, value of loans will be determined under the allocation value by using the real interest method and will be considered the ability of impairment at the date of preparing the financial statement. Provision of impairment of loans will be recognized in the separate income statement at item "Contingency cost of financial assets, handling losses of bad receivables, impairment of financial assets and costs of loans".

4.2.2.4. Financial assets available for sale AFS: will be determined the original value under the purchase price plus the direct arising costs from buying these financial assets. At the end of accounting period, AFS financial assets will be re-evaluated according to the market price or reasonable value. All profits or losses arise from re-evaluating the financial assets available for sale according to the market price and reasonable value will be recognized in the equity (Other separate performance results) at item "Profit/(Loss) from re-evaluating the financial assets available for sale".

4.2.3. *Clearing principles of the financial assets and liabilities*

4.2.4. *Principles for stopping recognizing the financial assets and liabilities*

Financial assets shall be stopped recognizing when the rights to receive cash flow from financial assets is invalid or when transferring financial assets together with the risks and benefits from that asset ownership rights to other units. Financial liabilities shall stop recognizing when unit's obligations were exempted, canceled or expired.

4.2.5. *Principles of recognition and presentation of provisions for impairment of financial assets*

At the date of making the financial statement, the company will mark the signs related to an asset impairment or a group of investments to make provision according to regulations at Circular No.210/2014/TT-BTC and Circular No.334/2016 /TT-BTC.

For loans and margin transaction, the Company will make provisions for loans and margin transaction with the collateral value smaller than the principal.

Specific provision = (Balances of loans - Collateral assets value) x 100%.

The collateral assets value = The amount of securities securing the loans x Market price of the stock at the time of provision.

In which: Market price of the stock is presented at clause 4.2.6.

4.2.6. *Fair value of the financial assets and liabilities*

Fair value/market value of financial assets will be determined in accordance with regulations as follow:

- For securities listed at Stock Exchange, actual stock price on the market is the closing price at the nearest trading day counting to the securities valuation date.
- For securities registered for trading (stock registered for trading at UPCOM), actual stock price on the market is the closing price at the nearest trading day counting to the securities valuation date.
- For listed securities canceled, suspended, ceased transaction from the 6th transaction day onwards, the actual stock price is book value at the balance sheet date.
- The market value of securities for provisioning purposes (if any) is determined according to the provisions of Circular 48/2019/TT/BTC.

4.2.7. *Accounting principles of recognition of the mortgage investments: None*

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

4.2.8. *Recognition and presentation principles about situation of Provision for bad receivables for investments of the Company with arising of dividends and interests.*

The Company carries out the assessment of irrevocable loss and the level of risk to make a provision according to regulations. The provision for doubtful debts shall be made in accordance with the instructions presented at Point 4.10.3.

4.2.9. *Accounting principles for recognition of the mortgage investments (Accounts are not presented in the Financial Statement): None*

4.3. *Recognition principles of investment real estate: None*

4.4. *Recognition principles of the Tangible fixed assets and Intangible fixed assets:*

Fixed assets (Tangible fixed assets and Intangible fixed assets) are stated at cost minus accumulated depreciation. The cost of fixed assets comprises its purchase price and expenses that directly related to putting assets into use as schedules.

Expenses for procurement, upgrading and renovation of fixed assets are recorded in the cost of the assets. Maintenance and repair costs are accounted in fixed asset repair costs.

When fixed assets are sold or liquidated, gain of loss arising due to assets liquidation (are difference parts between the net proceeds from selling assets and the rest value of assets) is included in the separate income statement.

4.5. *Depreciation and amortization:*

Depreciation and amortization of the Tangible fixed assets and Intangible fixed assets are calculated on a straight method of depreciation according to Circular No.45/2013/TT-BTC dated 25/04/2013 and Circular No.147/2016/TT-BTC dated 13/10/2016 on modifying and supplementing the Circular No.45/2013/TT-BTC dated 25/04/2013 of Ministry of Finance as follow:

- Housing, architecture works: 6-25 years
- Office machineries: 3 years
- Means of transportation: 6 years
- Office equipment: 3-7 years
- Software: 3-5 years
- Land use rights:
 - + Long term land use rights: not amortized
 - + Land use right leased for a definite term: deduction according to the allowed time to use the land.
- Intangible fixed assets: 2-3 years.

4.6. *Recognition and presentation principles about impairment of non-monetary assets: None*

4.7. *Recognition principles of the fixed assets for financial lease: None*

4.8. *Recognition principles of the long-term financial investments (Subsidiaries, joint ventures, associated companies): None.*

4.9. *Recognition and presentation principles of long-term and short-terms deposits.*

Detailed monitoring of collateral deposits of each customer according to period and original currency. The rest receivables of collateral deposits within 12 months will show as short-term liabilities, over 12 months will show as long-term liabilities.

4.10. *Accounting principles and methods of the long-term and short-term receivables:*

4.10.1. *Accounting principles and methods of receivable from financial assets:*

Be accounted in detailed for each object, recorded according to each transaction and payment time.

4.10.2. *Accounting principles and methods of other receivables:*



FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

Be accounted in detailed for each object and content, monitor the recovery period (over or within 12 months from the time of report) and record each payment time.

4.10.3. Accounting principles and methods of provision for bad receivables:

According to regulations at Circular No.200/2014/TT-BTC, the Company will make provisions of bad receivables when:

- Receivable is out of date as stated in the Economic contract, loan agreements, contractual commitments or debt commitment, the Company has required for many times but has not collected yet. Overdue receivable is based on the payment time of principle contract and the provisions has been made under the initial purchase contract, not taking into account of debt extension between Parties;
- Receivable has not been due date yet but debtors go into bankrupt or are doing procedures for dissolving, missing, escaping.

Level of establishing provision for overdue receivable in accordance with instructions of Circular No.48/2019/TT-BTC issued by Ministry of Finance on 08/08/2019 as follow:

Overdue time	Premium rate
From over six (6) months to less than one (1) year	30%
From one (1) year to less than two (2) years	50%
From two (2) years to less than three (3) years	70%
From three (3) years and above	100%

- Financial clearance of irrecoverable receivables:

The actual loss of each uncollectible receivables is the difference between the receivables recorded in the accounting books and the amount recovered (compensated by the person causing the damage, due to the sale of the subject's property of the debtor, due to the division of property according to a court's decisions or other competent authority).

The actual loss value of the irrecoverable receivables, the Company uses the provision for bad receivables (if any) to clear, the shortfall difference is accounted into the Company's expenses.

4.11. Accounting principles and methods of the long-term and short-term liabilities.

Liabilities are tracked in details according to repayment period, objects, original currency. When making financial statement, accountant will base on term of the rest receivables to classify as long-term or short-term liabilities.

4.12. Accounting principles and methods for recognition of owners' equity of the Company:**4.12.1. Recognition principles of the owners' capital investment**

Owners' capital investment is capital contribution according to Statute of the Company that members and shareholders of the Company have contributed as schedule, plan passed by the Annual General Meeting and the mobilized capital of the next time in accordance with the Statute of the Company.

4.12.2. Recognition principles of the profits of the Company:**a. Recognition principles of the realized profit:**

Realized profit during the period is the net difference between the total revenue, income and the total expenses that calculated on the Separate Income statement of the Company.

b. Recognition principles of the unrealized profit

Unrealized profit of the period is the difference between the total value of the profit and loss after re-evaluation of Fair Value through Profit and Loss or other Financial Assets calculated in the profit and loss

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

statement of the Separate Income Statement under the list of financial assets accumulating and arising in the period.

4.12.3. Recognition principles of the exchange rate difference: Comply with the current regulations of Ministry of Finance on recording, evaluating, handling the exchange rate difference.**a. The exchange rate difference implemented in the period:**

Is the difference arising from the actual exchange or translation of the same amount of foreign currency into the currency unit used in accounting book at the time of arising transaction in foreign currency.

b. The exchange rate difference re-evaluated at the end of the period:

Is the difference arising from re-evaluation the currency items that translated from foreign currency into currency unit used in accounting book at the end of the accounting period.

4.12.4. Principles of distributing profits of the Company: (for shareholders and members who contributed capital, funds of the Securities Company).

Profits after corporate income tax will be taken according to Resolution of the Annual General Meeting, Statute of the Company and the current legal regulations.

4.13. Accounting principles and methods for recognition of revenue:

Revenue is recognized at the time of the transaction occurred, when it is probable that the economic benefits will flow to the Company, regardless of whether the money is collected or not.

Revenue from trading of securities, providing services are recorded according to regulations of Revenue standards and Relevant financial tool standards and guidelines in Circular No.210/2014/TT-BTC and Circular No.334/2016/TT-BTC.

- Revenue from financial assets at FVTPL is determined based on the difference between the selling price and the average cost of the stock.

- Dividends, interests from financial assets:

Revenue from dividend will be recognized when the receiving rights of dividend are determined. For bonus shares, the Company only records the entitled shares, do not record an increase revenue from dividend.

Revenue from the sale of financial assets is recognized on the basis of accrued interest by time and the actual interest rates of each accounting period.

- Interests from loans: is the interest from Investors, using service of margin trading, advance transaction of the company in the period.

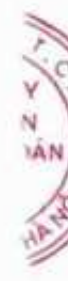
- Revenue from brokerage services: is recognized in the separate income statement. There are brokerage fee that Investors must pay to the Company when trading securities is implemented by Investors' order and other fees from brokerage services under securities law.

- Revenue from consulting activities: including the securities investment consulting and business management consulting, financial consulting and improving enterprise (consulting for listing, issuing and improving enterprise ...). Revenue from consulting activities is recognized in the separate income statement according to the completion rate of the transaction at the date of making financial statement. The completion rate is evaluated on the basis of the completed tasks.

- Custody revenue: is fee collected from customers when using services on custody services provided by the company such as: register, custody, transfer, transfer the securities ownership rights ... and they must be completed.

4.14. Recognition principles of the financial income, financial expense:

Comply with accounting standards and regimes of the Securities Company according to Circular No.210/2014TT-BTC, Circular No.334/2016/TT-BTC and current regulations of securities law.



FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

4.15. Recognition principles of the administrative expenses of the Company

The arisen actual costs and expenses with plan to spend (if any) directly related to management activities in the period in accordance with regulations of current law.

4.16. Recognition principles of other incomes and expenses:

a. Recording other income:

Other incomes from irregular activities other than business and investment activities of the Company arising in the period.

b. Recognition of other expenses:

Other expenses from irregular activities other than expenses for business and investment activities of the company arising in the period.

4.17. Principles and methods for recognizing of the current corporate income tax expenses:

Comply with accounting standards and regimes of Enterprise, accounting regimes of the Securities Company and current regulations of securities law.

4.18. Other accounting principles and policies:

Comply with accounting standards and regimes of Enterprise, accounting regimes of the Securities Company and current regulations of securities law.

4.19. Recognition, management and presentation principles of the Financial Statement on customers' assets and liabilities.

Comply with accounting standards and regimes of Enterprise, accounting regimes of the Securities Company and current regulations of securities law.

4.20. Report to departments

The Company will track the business operation revenue according to each securities business operation (Securities brokerage activities; securities investment activities, capital contribution; securities custody activities; consulting activities; etc.), financial activities.

The Company will manage expenses according to each business operation and cost item.

For assets, the Company will not classify into each of business field, the Company will manage mainly at Head Quarter – Hanoi.

For liabilities, the Company is responsible for paying and managing the common risks.

5. Financial risk management for the Company

5.1. General description of qualitative and quantitative financial risks for the Company

The Company has developed a risk management system to identify and evaluate the risks that can be happened and establish risk management policies and procedures at acceptable levels. The risk management system will be inspected periodically to reflect changes in market conditions and activities of the Company.

5.2. Credit risk

Credit risk occurs when a customer or partner fails to meet contractual obligations resulting in financial loss to the Company. The granting of credit and large capital support to a related customer may result in failure to recover sufficient loan, interest or solvency of FPTs when that customer encounters a solvency problem. Therefore, FPTs has issued a supply limit and maximum capital support for a customer to ensure the safety for FPTs based on continuous updating of customers' financial capability and collateral assets.

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

Shares risk: When shares are collateral assets for loans that they reduce price too fast, even lose value or are not enough liquidity, FPTs may not sell shares to recover loans and interest. Thus, shares are used as collateral assets according to regulation on margin trading of Stock Exchange Departments.

5.3. Liquidity risk

The purpose of liquidity risk management is to ensure sufficient funds to meet current and future financial obligations. Liquidity is also managed by the company to ensure that the excess between indebtedness and assets in maturity in the period at level that can be controlled for the amount of capital the company believes may be created during the period.

The company's policy is to regularly monitor the current and expected liquidity requirements in the future to ensure that the company maintains adequate cash provisions to meet short-term liquidity requirements or longer term.

5.4. Market risk

The company's business activities will be mainly borne risks when there are changes in interest rates, securities prices and market liquidity.

Interest rate risk management

The Company bears interest rate risk because the fair value of future cash flows of a financial instrument will fluctuate according to market interest rate changes when the company generates deposits with or without term deposits, loans and margin trading. To minimize interest rate risk, through situation analysis and forecasting. The Company has selected the appropriate maturities and times in the period to make reasonable decisions regarding the maintenance of margin deposits, margin and margin interest rates in order to obtain appropriate interest rates and can compete in the market.

Stock price risk management and market liquidity

Securities held by the company are affected by market risks arising from the uncertainty of the future value of the investment shares. The company manages stock price risk by setting investment limits, choosing investment portfolio, decentralize authority to review and approve investment decisions, etc. Due to the low value of securities held by the company, mainly from the purchase of small securities, the company assessed the price risk as well as the market liquidity of trading securities is negligible.

The company is also exposed to the risk of stock prices and market liquidity for margin loans of Investors. When shares are the collateral assets for continuous discounted loans, it can lead to the inability to collect enough money and interest of FPTs if capital is retarded. If the market is not enough liquidity and the stock code is not enough liquidity, FPTs may not be possible to sell securities to recover loans and interest. Therefore, FPTs has developed a separate risk management policy for margin trading, determine the lending rate on the collateral asset value appropriately. In addition, FPTs has built management software, set the level of alert, process automatically in the margin trading to help FPTs manage and sell shares, it is collateral assets as soon as the price falls to a certain level to ensure the safety of FPTs.

6. Policies on the valuation of financial assets in the list of financial assets of the Company

Comply with accounting standards and regimes of Enterprise, accounting regimes of the Securities Company and current regulations of securities law.

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENT

As at 31 December 2025

7. Additional information for the financial statements

A. Notes to the financial statements

Currency: VND

A.7.1. Cash and cash equivalents

	Ending balance	Opening balance
- Cash on hand	112.759.447	120.717.139
- Deposit at bank for activities of securities company	1.563.518.064.608	155.564.781.833
- Cash equivalents (*)	1.350.000.000.000	409.879.025.024
Total	2.913.630.824.055	565.564.523.996

Note (*): All cash equivalents are deposits with a term of less than 3 months as of December 31, 2025 that are currently used as collateral for loans at the Bank.

A.7.2. Value of the traded volume in the period

ITEMS	The traded volume in the year 2025	Value of the traded volume in the year 2025
a) The Securities Company		
- Shares	2.605.905	105.556.693.750
- Bonds	171.080.000	19.174.700.260.000
- Treasury securities	2.000	24.370.000
- Other securities		
Total	173.687.905	19.280.281.323.750
b) Investors		
- Shares	16.271.334.819	381.717.089.771.330
- Bonds	175.417	20.628.125.695
- Other securities	889.252.738	1.383.917.260.960
Total	17.160.762.974	383.121.635.157.985

A.7.3. Types of financial assets

7.3.1 Financial assets at Fair Value Through Profit and Loss (FVTPL):

FVTPL assets	Ending balance		Opening balance	
	Cost	Reasonable cost	Cost	Reasonable cost
Listed shares, registered for trading	12.039.250.985	390.926.985.144	14.571.814.929	500.070.548.743
Unlisted shares	2.025.968.404	2.025.968.404	2.024.075.904	2.024.075.904
Bonds (*)	1.989.652.500.000	1.989.652.500.000	679.940.500.000	679.940.500.000
Fixed term deposits, certificate of deposit (**)	126.181.703.742	126.181.703.742	732.000.000.000	732.000.000.000
Total	2.129.899.423.131	2.508.787.157.290	1.428.536.390.833	1.914.035.124.647

Note:

(*): Bonds with a value of 1.100 billion VND as at 31 December 2025 were used as collateral for bank loans.

(**): Of which, fixed-term deposits amounting to 76.181.703.742 VND as at 31 December 2025 were used as collateral for bank loans.

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

NOTES TO THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENT

As at 31 December 2025

7.3.2 Loans and receivables

Loans and receivables	Ending balance		Opening balance	
	Cost	Reasonable cost	Cost	Reasonable cost
<i>Loans for advance</i>				
<i>payment on securities sales and margin</i>	8.248.145.852.555	8.237.260.236.379	7.068.146.259.945	7.057.260.643.769
<i>trading transactions</i>				
<i>Of which</i>				
<i>Margin transactions</i>	7.430.869.619.855	7.419.984.003.679	6.650.578.286.459	6.639.692.670.283

Fair value of loans will be determined by book value of loan less provision for impairment of loans.

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

	Ending balance	Opening balance
A.7.4. Provision for impairment of financial assets and collateral assets		
Provision for impairment of financial assets	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
Provision for impairment - Margin transactions	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)
Total	(10.885.616.176)	(10.885.616.176)

	Ending balance	Opening balance
A.7.5. Receivables		
A.7.5.1. Receivables, accrued dividends and interest from investments		
Interest receivable on the date of receipt (Receivable from advance transactions)	305.030.975	72.835.969
Accrual from margin trading fees and term deposit interest	82.389.754.277	32.291.109.105
Total	82.694.785.252	32.363.945.074

A.7.5.2. Receivable from services that the Company provides	2.015.523.494	2.257.938.624
7.5.2.1. Receivable of securities brokerage fee through Stock exchange	668.927.397	424.805.721
7.5.2.2. Receivable of securities brokerage fee not via Stock exchange		
7.5.2.3. Receivable from securities investment consultancy activities		
7.5.2.4. Receivable from other consultancy activities	1.325.824.000	1.544.050.000
7.5.2.5. Receivable from custody	18.596.414	10.185.672
7.5.2.6. Receivable from other services	2.175.683	278.893.234
A.7.5.3. Receivable from securities transaction errors		
A.7.5.4. Other receivables	1.551.836.664	1.060.292.443

A.7.6. Provision for bad receivables
The Securities Company must note in detail of bad receivable that must make provision (details under type, group, object of bad receivable)

No.	Type of bad receivable must make provision	Value of bad receivable	Ref.	Ending balance			Opening balance
				Opening balance	Taking number in the period	Revert number in the period	
1	Provision for bad receivable from the sale of financial assets						
2	Provision for bad receivable and accrued dividends, interest due date till the due date						
3	Provision for doubtful receivables of maturity investments						
4	Provision for doubtful receivables	215.150.000		173.475.000	25.935.000		199.410.000
	<i>Lisemco JSC</i>	71.500.000		71.500.000			71.500.000
	<i>Phu Thanh Garment JSC</i>	13.200.000		13.200.000			13.200.000
	<i>EDX Group JSC</i>	16.500.000		16.500.000			16.500.000
	<i>Thong Quang Ninh JSC</i>	7.700.000		7.700.000			7.700.000
	<i>Hu Tay Commercial JSC</i>	13.200.000		13.200.000			13.200.000
	<i>APAX English JSC</i>	32.850.000		22.995.000	9.855.000		32.850.000
	<i>Dong A Hotel Group JSC</i>	13.200.000		9.240.000	3.960.000		13.200.000
	<i>Construction and Industrial Production JSC</i>	22.000.000		13.640.000	5.720.000		19.360.000
	<i>No. 9 Mechanical & Construction JSC</i>	14.000.000			4.200.000		4.200.000
	<i>Bao Thu Industrial Investment and Development JSC</i>	11.000.000		5.500.000	2.200.000		7.700.000
Total		215.150.000		173.475.000	25.935.000		199.410.000

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

A.7.3.3 Changes in investments according to group due to re-valuation at market or book value (for investments without market value) at the end of the period:
Table of fluctuation of market value or the value of four types of financial assets belong to the list of financial assets of Securities Company.

No	Types of financial assets	Purchase price	Market price or fair value in this period	Ending balance		Re-valuation value	Purchase price	Market price or fair value in previous period	Opening balance		
				Difference increases	Difference decreases				Difference increases	Difference decreases	
A	B	I	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
1	FVTPL										
1.1	Listed shares, registered for trading	14.065.219.389	392.952.953.548	378.891.655.515	3.921.356	392.952.953.548	16.595.890.833	502.094.624.647	485.503.022.069	4.288.255	502.094.624.647
	MSH - Song Hong Garment JSC	12.039.250.985	390.926.985.144	378.891.655.515	3.921.356	390.926.985.144	14.571.814.929	500.070.548.743	485.503.022.069	4.288.255	500.070.548.743
	Other listed	10.946.813.906	389.400.000.000	378.453.186.094		389.400.000.000	13.454.983.050	498.787.640.000	485.332.656.950		498.787.640.000
1.2	Unlisted shares	1.092.437.079	1.526.985.144	438.469.421	3.921.356	1.526.985.144	1.116.831.879	1.282.908.743	170.365.119	4.288.255	1.282.908.743
	CIC8 - No. 8 Investment and Construction JSC	2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000	2.024.075.904	2.024.075.904			2.024.075.904
	Other unlisted shares	25.968.404	25.968.404			25.968.404	24.075.904	24.075.904			24.075.904
2	Bonds	1.989.652.500.000	1.989.652.500.000			1.989.652.500.000	679.940.500.000	679.940.500.000			679.940.500.000
3	Deposits with fixed term, certificates of deposit	126.181.703.742	126.181.703.742			126.181.703.742	732.000.000.000	732.000.000.000			732.000.000.000
II	APS										
	Total	2.129.899.423.131	2.508.787.157.290	378.891.655.515	3.921.356	2.508.787.157.290	1.428.536.390.833	1.914.035.124.647	485.503.022.069	4.288.255	1.914.035.124.647

Market value of shares listed, registered for trading will be determined according to closing price at 31/12/2025 on Stock Exchange. The market price of unlisted shares is based on book value at 31/12/2025 because there is not enough reliable information on the market.

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

	Ending balance	Opening balance
A.7.7. Inventories		
- Office supplies	1.032.362.460	1.334.990.049
Total	1.032.362.460	1.334.990.049

	Ending balance	Opening balance
A.7.8. Prepaid expenses		
a. Short-term prepaid expenses	2.396.437.017	3.143.226.089
<i>(including: internet connection, member and connecting fee, software maintenance warranty, etc...)</i>		
b. Long-term prepaid expenses	5.046.824.671	5.525.991.266
<i>(including: transmission line costs, digital signature software, and building repairs)</i>		
Total	7.443.261.688	8.669.217.355

	Ending balance	Opening balance
A.7.9. Payment to Settlement Assistance Fund		
- Original payment	10.120.000.000	10.120.000.000
- Additional payment	14.482.731.824	14.482.731.824
- Interest distributed throughout the year	5.472.715.766	5.452.595.423
Total	30.075.447.590	30.055.327.247

31-C
ING 1
PHÃ
IG KH
PT
T.P

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

A.7.10. Increase and decrease the tangible fixed assets:

Items	House and architectural works	Means of transport	Machinery and tools	Equipment and management tools	Total
Cost of tangible fixed assets					
Opening balance	168.659.560.363	1.659.266.200	2.323.000.000	89.532.471.450	262.174.298.013
- Purchase in the period				5.745.103.400	5.745.103.400
- Completed construction investment					
- Other increase					
- Move to investment real estate					
- Liquidation, sale					
- Other decreases				4.081.428.194	4.081.428.194
Ending balance Accumulated	168.659.560.363	1.659.266.200	2.323.000.000	91.196.146.656	263.837.973.219
Opening balance	55.921.270.608	1.659.266.200	2.323.000.000	79.905.376.312	139.808.913.120
- Depreciation in the period	6.745.003.218			8.244.321.278	14.989.324.496
- Other increases					
- Move to investment real estate					
- Liquidation, sale				4.063.899.790	4.063.899.790
- Other decreases					
Ending balance Remaining value of tangible fixed assets	62.666.273.826	1.659.266.200	2.323.000.000	84.085.797.800	150.734.337.826
- At the begin of the period	112.738.289.755			9.627.095.138	122.365.384.893
- At the end of the period	105.993.286.537			7.110.348.856	113.103.635.393
Evaluation under fair value					

Costs of tangible fixed assets at the end of period has fully depreciated but still in use: 72.390.622.344 VND.

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

A.7.11. Increase and decrease the intangible fixed assets

Items	Land use rights (*)	Copyright, patents	Software program	Other intangible fixed assets	Total
Cost of intangible fixed assets					
Opening balance	19.257.558.796	7.217.666.013	18.070.143.729	367.576.900	44.912.945.438
- Purchase in the period					
- Completed investment in capital construction					
- Creation from internal Company					
- Increase due to business consolidation					
- Other increases					
- Liquidation, sale					
- Other decreases					
Ending balance	19.257.558.796	7.217.666.013	18.070.143.729	367.576.900	44.912.945.438
Accumulated depreciation value					
Opening balance	1.053.834.723	7.217.666.013	16.042.532.960	367.576.900	24.681.610.596
- Depreciation in the period	131.630.609		406.636.225		538.266.834
- Other increases					
- Liquidation, sale					
- Other decreases					
Ending balance	1.185.465.332	7.217.666.013	16.449.169.185	367.576.900	25.219.877.430
Remaining value of tangible fixed assets					
- At the begin of the period	18.203.724.073		2.027.610.769		20.231.334.842
- At the end of the period	18.072.093.464		1.620.974.544		19.693.068.008
Evaluation under fair					

Costs of intangible fixed assets at the end of period has fully depreciated but still in use: 23.621.091.442 VND.

Note (*): Land use right includes:

- Land use right value of FPT house in Da Nang – 100 Quang Trung, Hai Chau Ward, Da Nang City (area 144m2 according to purchase and sale contract of housing ownership rights and transfer land use rights dated 11/06/2013. This land use right value is recognized according payment personal income tax notice No.: 1745/TB-TNCN of Tax Department of Da Nang City for seller dated 09/08/2013). 8.800.000.000
- Land use right value of FPT house in Ho Chi Minh City – 3rd Floor, 136 Building, 138 Le This Hong Gam, Ben Thanh Ward, Ho Chi Minh City (with area: common use: 944 m2, and area of 3rd floor for private use of 620,7 m2 according to purchase and sale contract No.: 66/HD-BTL dated 17/12/2013 between Ben Thanh Land and FPT Securities Joint Stock Company). 4.691.451.796
- Land use right value of FPT house in Hanoi - No. 52, Lac Long Quant Street, Tay Ho Ward, Hanoi City (total area: 941.73m2, according to the transfer contract of land use right and assets attached to the land dated 13/07/2016 and certificate of land use right, housing ownership and assets attached to the land No.: CT 00587 issued on 06/08/2014. 5.766.107.000

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

A.7.12. Bad debts treated

	Ending balance	Opening balance
Bad debts treated		
Shinec Joint Stock Company	172.000.000	172.000.000
Total	172.000.000	172.000.000

A.7.13. Financial assets listed/registered transactions of the Company

	Ending balance	Opening balance
Financial assets		
1. Freely transferring financial assets	401.061.950.000	463.004.470.000
2. Limited transferring financial assets		
Total	401.061.950.000	463.004.470.000

A.7.14. Financial assets have not been deposited yet at Vietnam Securities Depository

	Ending balance	Opening balance
Financial assets		
Freely transferred financial assets of the Company - OTC	502.676.440.000	2.674.730.000
Mortgaged and traded financial assets of the Company - OTC	1.100.000.000.000	120.000.000.000
Listed financial assets/ registered transactions have not been deposited yet at Vietnam Securities Depository of the Company, freely transferred yet	120.000.000.000	84.000.000.000
Listed financial assets/ registered transactions have not been deposited yet at Vietnam Securities Depository of the Company, limited to transfer		
Total	1.722.676.440.000	206.674.730.000

A.7.15. Financial assets listed/registered transactions of Investors

	Ending balance	Opening balance
Financial assets		
1. Freely transferred financial assets	33.791.343.565.245	30.915.187.615.975
2. Restrictedly transferred financial assets	426.953.920.000	111.405.300.000
3. Mortgaged financial assets	1.122.311.090.000	1.133.522.100.000
4. Blocked financial assets	10.482.190.000	10.715.400.000
5. Awaiting settlement financial assets	396.282.246.900	296.592.669.000
6. Awaiting lending financial assets		
Total	35.747.373.012.145	32.467.423.084.975

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

A.7.16. Financial assets have been deposited at Vietnam Securities Depository and non-traded financial assets of investors

Financial assets	Ending balance	Opening balance
1. Freely transferred financial assets	2.661.400.000	2.662.400.000
2. Restrictedly transferred financial assets	27.279.920.000	345.346.590.000
3. Mortgaged financial assets		
4. Blocked financial assets		
Total	29.941.320.000	348.008.990.000

A.7.17. Financial assets await the return of Investor

Financial assets	Ending balance	Opening balance
Awaiting financial assets of Investor	440.811.306.525	332.380.238.600
Total	440.811.306.525	332.380.238.600

A.7.18. Financial assets are entitled of Investors

Financial assets	Ending balance	Opening balance
Financial assets are entitled of Investor	60.760.470.000	56.090.720.000
Total	60.760.470.000	56.090.720.000

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
No.52, Lac Long Quan Street, Buoï Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

A.7.19. Deposits of Investors

Deposits of Investors	Ending balance	Opening balance
1. Deposits of investors on securities trading managed by the Company	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
1.1. Deposits of local investors on securities trading managed by the Company	3.354.560.978.096	2.727.014.848.853
1.2. Deposits of foreign investors on securities trading managed by the Company	28.812.927.107	46.588.622.148
2. Deposits for trading of securities for clients		
3. Deposits and settlement of securities transactions by investors		
3.1. Deposits and settlement of securities transactions by domestic investors		
3.2. Deposits and settlement of securities transactions by foreign investors		
Total	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001

A.7.20. Deposits of issuing organizations

Deposits of issuing organizations	Ending balance	Opening balance
1. Deposits of sale guarantee securities, issuing agents		
2. Deposits for principal and interest payment and dividend of Issuing organization	2.160.111.300	1.896.647.800
Total	2.160.111.300	1.896.647.800

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Buoï Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

A.7.21. Payable dividends, bond principal and interest

- Payable dividends to shareholders or profit for contributors

	Ending balance	Opening balance
- Payable dividends to shareholders or profit for contributors	5.033.376.500	4.369.700.500
Total	5.033.376.500	4.369.700.500

A.7.22. Taxes and payables to the State

- Corporate income tax

- Personal income tax

- Other taxes

	Ending balance	Opening balance
- Corporate income tax	54.735.285.838	15.052.758.544
- Personal income tax	15.912.581.120	14.257.605.893
- Other taxes	2.788.594.205	1.371.156.340
Total	73.436.461.163	30.681.520.777

A.7.23. Costs payable

Cost of stock exchange, custody fee and transfer fee, agency fee for opening account

	Ending balance	Opening balance
Cost of stock exchange, custody fee and transfer fee, agency fee for opening account	21.499.330.495	9.246.767.305
Total	21.499.330.495	9.246.767.305

A.7.24. Payable to seller

- Branch of FPT International Telecommunications Co., Ltd

- Vietnam Cybersecurity Technology JSC

- VNCREATIVE Co., Ltd

- FPT Smart Cloud Co., Ltd

- Branch of Lavie Co., Ltd. - In Hanoi

- Thang Hoa Trade Investment Co., Ltd

- Nguyen Viet An

- TSC VN Technology Service Joint Stock Company

- GSM Green and Smart Mobility JSC

- FPT Telecommunications JSC

- FPT Information Services Co., Ltd

- FPT Software Co., Ltd

- 24 General Media JSC

- Green Star Hanoi Trading & Service Co., Ltd

- Tam Thanh Safe Food JSC

- 24 General Media JSC

- Hanoi Petroleum Investment Co., Ltd

- Mai Linh Hanoi Technology Transport Co., Ltd

	Ending balance	Opening balance
- Branch of FPT International Telecommunications Co., Ltd	968.886.432	685.088
- Vietnam Cybersecurity Technology JSC	168.000.000	
- VNCREATIVE Co., Ltd	27.864.000	
- FPT Smart Cloud Co., Ltd	15.120.000	63.125.260
- Branch of Lavie Co., Ltd. - In Hanoi	12.971.880	21.875.400
- Thang Hoa Trade Investment Co., Ltd	10.980.000	
- Nguyen Viet An	7.777.777	
- TSC VN Technology Service Joint Stock Company	6.701.400	8.212.400
- GSM Green and Smart Mobility JSC	4.541.047	
- FPT Telecommunications JSC	896.500	35.346.500
- FPT Information Services Co., Ltd		515.680.000
- FPT Software Co., Ltd		250.000.000
- 24 General Media JSC		46.980.000
- Green Star Hanoi Trading & Service Co., Ltd		17.250.000
- Tam Thanh Safe Food JSC		4.223.775
- 24 General Media JSC		3.640.017
- Hanoi Petroleum Investment Co., Ltd		2.264.400
- Mai Linh Hanoi Technology Transport Co., Ltd		1.850.000
Total	1.223.739.036	971.133.640

A.7.25. Other payables

- Payables dividends to shareholders or profit for contributors

- Payables to Banks (deposit to perform Government Bond and Deposit

Certificates Brokerage Agreement)

	Ending balance	Opening balance
- Payables dividends to shareholders or profit for contributors	5.033.376.500	4.369.700.500
- Payables to Banks (deposit to perform Government Bond and Deposit Certificates Brokerage Agreement)	501.560.329.003	1.872.874.706
Total	506.593.705.503	6.242.575.206

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Ha Noi City

A.7.26. Short-term borrowings (details according to loans arising in the period of the Company)

Short-term borrowings	Rate	Balance at the beginning of the period	Addition during the period	Repayment during the period	Ending balance
Domestic short-term borrowings	Under 7,8%	4.540.000.000.000	19.296.600.000.000	15.618.000.000.000	8.218.600.000.000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Ha Thanh Branch			450.000.000.000		450.000.000.000
Vietnam International Joint Stock Commercial Bank (VIB)		650.000.000.000	2.000.000.000.000	1.150.000.000.000	1.500.000.000.000
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank)		400.000.000.000	1.932.000.000.000	1.832.000.000.000	500.000.000.000
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Nam Thang Long Branch		730.000.000.000	1.725.000.000.000	1.710.000.000.000	745.000.000.000
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank (MSB)		800.000.000.000	2.500.000.000.000	2.945.000.000.000	355.000.000.000
Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank (VPBank)		600.000.000.000	3.730.000.000.000	3.530.000.000.000	800.000.000.000
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank (TPBank)		110.000.000.000	747.800.000.000	710.000.000.000	147.800.000.000
Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB)		500.000.000.000	1.833.000.000.000	1.230.000.000.000	1.103.000.000.000
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Thanh Xuan Branch		450.000.000.000	2.378.800.000.000	1.711.000.000.000	1.117.800.000.000
Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank (HDBank)		300.000.000.000	2.000.000.000.000	800.000.000.000	1.500.000.000.000
Borrow from other domestic organizations and individuals	Under 7,1%	935.933.586.028	1.442.789.769.359	1.839.223.355.387	539.500.000.000
Total		5.475.933.586.028	20.739.389.769.359	17.457.223.355.387	8.758.100.000.000

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Buoï Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

A.7.27. Payables to Investors

Type of payables

	Ending balance	Opening balance
1. Payables to Investors - Investors' deposits for securities trading managed by the Company	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
1.1. Local investors	3.354.560.978.096	2.727.014.848.853
1.2. Foreign investors	28.812.927.107	46.588.622.148
Total	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001

A.7.28. Payables of Investors on services to the Company

	Ending balance	Opening balance
1. Brokerage fee	668.927.397	424.805.721
2. Securities custody fee	18.596.414	10.185.672
3. Payable to investment consultancy fees		
Total	687.523.811	434.991.393

A.7.29. Investors' borrowings

1. Investors' borrowings for margin transactions

	Ending balance	Opening balance
2. Principal of margin transactions	7.430.869.619.855	6.650.578.286.459
2.1. Local investors	7.430.869.619.855	6.650.578.286.459
2.2. Foreign investors		
3. Interest of margin transactions	15.291.626.890	14.843.382.524
3.1. Local investors	15.291.626.890	14.843.382.524
3.2. Foreign investors		

4. Payable for advance payment of securities amount

4.1. Principal of advance transactions	817.276.232.700	417.567.973.486
a. Local investors	817.276.232.700	417.567.973.486
b. Foreign investors		
4.2. Interest of advance transactions	305.030.975	72.835.969
a. Local investors	305.030.975	72.835.969
b. Foreign investors		

5. Payable for derivative securities trading activities

Total	8.263.742.510.420	7.083.062.478.438
--------------	--------------------------	--------------------------

A.7.30. Income distribution to shareholders or capital contributing

	Ending balance	Opening balance
1. Realized profits accumulated has not distributed yet	576.015.898.965	573.193.957.927
2. Unrealized profit	378.887.734.159	485.498.733.814
Total	954.903.633.124	1.058.692.691.741

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Buoï Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

A.7.31 Income distribution to shareholders or capital contributing members

	Year 2025	Year 2024
1. Realized profits accumulated has not distributed yet	573.193.957.927	1.163.209.696.838
2. Unrealized losses at the end of the year		
3. Realized profit/loss in the year	503.365.274.477	416.812.204.390
4. Base profit to distribute to shareholders or capital contributing member (4) = (1+2+3)	1.076.559.232.404	1.580.021.901.228
5. Funds distribution	41.681.220.439	41.301.159.801
5.1. Charter reserve fund		
5.2. Financial reserve fund and operational risk		
5.3. Bonus and welfare funds	41.681.220.439	41.301.159.801
6. Distributed profit to shareholders or capital contributing members in the year according to Resolution of Annual General Meeting	458.862.113.000	965.526.783.500

01

02

03

04

05

06

Audited financial statements 2025

	681.736.158.483	924.745.431.186
	589.269.375.765	633.610.833
64	50.875.108.784	400.111.796.978
	41.591.673.934	90.154.909.349
	92.466.782.718	171.122.620.353
		171.122.620.353

Total

	924.745.431.186
	633.610.833
64	400.111.796.978
	90.154.909.349
	171.122.620.353
	171.122.620.353

B7.32.3. Dividends and interest arising from FVTPL financial assets, loans, HTM, AFS

Other types of operating income

1. From FVTPL financial asset	
1.1. Dividend and interest on bonds	
1.2. Interest on term deposits, certificate of deposits	
2. From HTM financial assets	
3. From loans	
4. From AFS	

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No. 52, Lac Long Quan Street, Bui Ward, Tay Ho, Hanoi City

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No. 52, Lac Long Quan Street, Bui Ward, Tay Ho, Hanoi City

B. Notes to the Income Statement

B7.32. Income

B7.32.1. Profit, loss from selling the financial assets

No	List of investments	Quantity of sale	Purchase price	Total sale value	Average cost at the end of the period up to the end of the trading day	Profit, loss from selling securities in this period	Profit, loss from selling securities accumulated until this period	Profit, loss from selling securities accumulated up to previous period
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6	7
1	Treasury shares, fund certificates	2.607,105		105.555.938.750	13.945.504.060	91.771.511.906	91.771.511.906	(15.900.845)
2	Bonds	85.990.000		9.691.973.580.000	9.693.014.680.000	(1.041.100.000)	(1.041.100.000)	1.621.690.000
3	Certificates of Deposit	7.490.000		749.657.548.636	749.724.386.349	(66.837.713)	(66.837.713)	
	Total	96.087.105		10.547.187.067.386	10.456.684.570.409	90.663.574.193	90.663.574.193	1.605.789.155

B7.32.2. Differences from re-valuation of financial assets

No.	List of financial assets	Purchase value according to accounting books	Market value (*)	Difference re-evaluated in this period	Difference re-evaluated in previous period	Difference for adjusting the accounting books in this period
A	B	C	D	E=D-C	F	G=E-F
I	Type of FVTPL	2.129.899.423.131	2.508.787.157.290	378.887.734.159	485.498.733.814	(106.610.999.655)
1	Listed shares, registered for trading	12.039.250.985	390.926.985.144	378.887.734.159	485.498.733.814	(106.610.999.655)
2	Unlisted shares	2.025.968.404	2.025.968.404			
3	Bonds	1.989.652.500.000	1.989.652.500.000			
4	Monetary instruments	126.181.703.742	126.181.703.742			
5	Warrants					
6	Listed derivative investments					
7	Unlisted derivative investments					
8	Loaned investments					
9	Mortgaged investments					
10	Bought investments have not been transferred ownership yet					
II	Type of HTM					
III	Type of loans and receivables					
IV	Type of AFS					
	Total	2.129.899.423.131	2.508.787.157.290	378.887.734.159	485.498.733.814	(106.610.999.655)

Note (*): The market value of shares listed, registered for trading will be determined according to closing price at 31/12/2025 on Stock Exchange. The market price of unlisted shares is based on book value at 31/12/2025 because there is not enough reliable information on the market.



FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Buoï Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

B.7.32.4. Revenue from other activities

No.	Types of revenue from other activities	Current period	Previous period
1	Revenue from auction agent		
2	Revenue from paying principal, bond interest and dividend to Investors on behalf of issuers	58.633.729	91.500.000
3	Collateral assets management cost	30.700.000	40.800.000
4	Other revenue	492.490.000	143.080.000
Total		581.823.729	275.380.000

B.7.33. Revenue from financial activities

No.	Types of revenue from financial activities	Current period	Previous period
1	Revenue from interests of deposits without fixed maturity	9.261.788.347	8.827.691.678
Total		9.261.788.347	8.827.691.678

B.7.34. Operating expenses

No.	Types of expense	Current period	Previous period
1	Expense from brokerage service	187.063.982.170	180.559.800.828
2	Expense from guarantee, securities issuance agency	497.064.438	
3	Expense for consultancy of securities investment	17.663.893.732	12.090.861.932
4	Custody expense	23.954.622.477	18.007.016.134
5	Expense for financial consultancy	18.999.875.238	14.583.323.095
6	Expenses for provision of financial assets, dealing with losses of bad receivables and losses of financial assets and costs of loans	368.502.691.100	178.997.567.556
Total		616.682.129.155	404.238.569.545

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Buoï Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

B.7.35. Management expenses of the Company

No.	Types of general expenses	Current period	Previous period
1	Salary and others items according to salary	44.752.072.526	46.669.376.696
2	Social, Health and Unemployment insurances, Trade Union fees	3.334.989.700	3.230.317.000
3	Training and recruitment cost	277.564.064	288.663.640
4	Office supplies	2.776.525.862	2.910.192.385
5	Accumulated depreciation expenses	12.387.739.823	14.791.959.358
6	Tax expense, fee and charge	16.312.854	20.936.084
7	Outsourced services	20.607.142.707	20.262.129.160
8	Other expenses	1.400.007.871	1.664.244.367
Total		85.552.355.407	89.837.818.690

B.7.36. Other income

No.	Other income	Current period	Previous period
1	Income from liquidation of fixed assets	91.902.089	57.407.407
2	Revenue from sale of Token card	155.804.330	94.436.460
3	Income from investors' transfer money service	1.478.264.161	1.368.314.737
4	Other income	68.185.538.876	56.581.588.988
Total		69.911.509.456	58.101.747.592

B 7.37. Other expenses

No.	Other expenses	Current period	Previous period
1	Loss from liquidation of fixed assets	17.528.404	
2	Penalties for administrative violations	27.343.919	177.505.400
3	Expenses for Token card	168.459.600	113.017.200
4	Bank charge of investors' transfer money	1.478.633.544	1.367.170.262
5	Other expenses	66.939.896.800	54.444.453.420
Total		68.631.862.267	56.102.146.282

B 7.38. Corporate income tax (CIT)

No.	Corporate income tax in details	Current period	Previous period
1	Current CIT expenses		
1.1	- CIT expenses determined according to taxable income of the current year	113.866.941.113	95.854.572.808
1.2	- CIT expenses of previous years transferred to corporate income tax expenses of the current year	72.364.890	1.200.000
1.3	- Total current CIT expense	113.939.306.003	95.855.772.808
2	Deferred CIT expenses		

B 7.39. Basic earnings per share

Items	Current period	Previous period
Accounting profit after CIT	396.754.274.822	567.317.494.337
Profit or loss attributable to ordinary equity holders	396.754.274.822	567.317.494.337
Bonus and welfare fund		41.681.220.439
The weighted average of outstanding shares	341.681.685	303.532.120
Basic earnings per share	1.161	1.732

Note: The basic earnings per share of prior year has been restated to adjust the bonus and welfare fund of 2024 attributed in 2025. As at the date of this report, the basic earnings per share of 2025 has not excluded the bonus and welfare fund attributable as the resolution of shareholders has not been finalized.

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Buoi Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

C. Notes to the Cash flow statement

C.7.40. Non-cash transactions affect the cash flow statement and the cash held by the Company but not used

No.	Transactions	Ending balance	Opening balance
A	B	1	2
	Deposits in bank at the end of the period:		
	- Investors' deposits on Securities trading managed by the Company	3.383.373.905.203	2.773.603.471.001
	- Deposits of Issuing Organization	2.160.111.300	1.896.647.800
	Total	3.385.534.016.503	2.775.500.118.801

D. Supplement information for the separate statement of changes in owner's equity: None

E. Other information

E.7.41.1. Comparative information: Opening balance on the Financial Statement for the year ended 31/12/2025 is the year-end balance on Financial Statement in 2024 has been audited by Southern Auditing and Accounting Financial Consulting Services Company Limited (AASCS).

E.7.41.2. Subsequent events after the end of the fiscal year: On January 16, 2026, Mr. Nguyen Van Dung, Chairman of the Board of Directors, submitted his resignation from his position as a member of the Board of Directors, effective upon approval by the Annual General Meeting of Shareholders 2026 of FPT Securities Joint Stock Company in accordance with the law and the Company's Charter.

E.7.41.3. Information of related parties

a. Related parties:

Related parties	Relative
SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Major shareholder
FPT Corporation	Major shareholder
FPT IS Co., Ltd	Related party
Song Hong Garment JSC	Related party (from 23/07/2025)
The Board of Directors, the Board of Management, Audit Committee, Chief Accountant, Person authorized to disclose information	Executive Board and key personnel

b. In the year 2025, the Company incurred a number of transactions with related parties. The main transactions are as follows:

No.	Related parties	Transactions	Opening balance	Increase	Decrease	Ending balance
b.1 Receivables (Revenue)				48.911.656.716	48.911.656.716	
1	SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD	Custody fee, Transfer fee		50.759.614	50.759.614	
2	FPT Corporation	PROVISION OF information disclosure consulting services and the EzIR online Investor Relations portal; dividend payment services on behalf of the company; management services for shareholders who have not yet re-		90.897.102	90.897.102	
3	Song Hong Garment JSC (Related party from 23/07/2025)	Corporate financial advisory services		770.000.000	770.000.000	
		Receive cash dividends		48.000.000.000	48.000.000.000	
b.2 Advance to payables				608.403.960		608.403.960
1	FPT IS Co., Ltd	Advances to suppliers		608.403.960		608.403.960
b.3 Payables (Expense)				3.565.594.040	3.565.594.040	
1	FPT IS Co., Ltd	Purchase of IT equipment, warranty services, and IT services.		3,565.594.040	3.565.594.040	

FPT SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

No.52, Lac Long Quan Street, Buoi Ward, Tay Ho District, Ha Noi City

c. In addition to the transactions between related parties described in section E.7.41.3.b above, during the year the Company entered into additional transactions with other related parties as follows:

		Value (VND)	
		This year	Previous year
* Members of the Board of Directors			
Tran Thanh Tung	- Members of the Board of Directors	120.000.000	96.000.000
Chairman and other members of the Board of Directors do not receive remuneration			
* Salary of members of the Board of Management			
Members of the Board of Management			
Nguyen Diep Tung	- General Director	791.340.000	886.380.000
Nguyen Van Dung	- Vice General Director	396.940.000	680.580.000
Nguyen Thi Thu Huong	- Vice General Director	572.040.000	649.080.000
Nguyen Thi Hanh	- Vice General Director	169.150.000	
		1.929.470.000	2.216.040.000
* Buy shares under employee stock ownership plan in the company			

Name	Title	This year		Previous year	
		Quantity	Value (VND)	Quantity	Value (VND)
Mr. Nguyen Diep Tung	General Director	161.100	1.611.000.000	160.150	1.601.500.000
Mr. Nguyen Van Dung	Deputy General Director	529.600	5.296.000.000	154.100	1.541.000.000
Ms. Nguyen Thi Thu Huong	Deputy General Director	534.900	5.349.000.000	324.300	3.243.000.000
Ms. Trinh Thanh Hang	Person authorized to disclose information	209.800	2.098.000.000	110.700	1.107.000.000

E.7.41.4. Others information:

The Company does not provide any capital support services, except for margin trading, advances on securities sale proceeds, and dividend advances.

PREPARER

Tran Thi Thu Chung

CHIEF ACCOUNTANT

Nguyen Thi Son

Ha Noi City, 25th February 2026

GENERAL DIRECTOR

Nguyen Diep Tung

ANNUAL REPORT 2025

Ho Chi Minh City, March 25, 2026

LEGAL REPRESENTATIVE

GENERAL DIRECTOR



NGUYEN DIEP TUNG



 No. 52 Lac Long Quan Street, Tay Ho Ward, Hanoi City

 www.fpts.com.vn

 19006446

 fptsecurities@fpts.com.vn